

**QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ PHẬT  
KINH SỐ SAO DIỄN NGHĨA  
QUYỂN 3**

**Chủ giảng: Lão Pháp Sư Thích Tịnh Không**

**Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa**

**Giảo chánh: Minh Tiến, Đức Phong và Huệ Trang**

## TẬP 21

Xin mở Kinh bốn, trang một trăm ba mươi bảy, dòng thứ hai từ dưới đếm lên. Thời gian trôi qua rất nhanh, ngày mai chúng tôi sẽ giảng viên mãn; do vậy, hôm nay phải tăng nhanh tốc độ. Nói thật ra, Đạo Tràn chúng ta là Đạo Tràn giảng Kinh lâu dài, nhất là chuyên giảng Tịnh Tông, có nhiều chỗ đọc qua là đã có thể hiểu rõ. Nếu ở những nơi khác thì cần phải nói tỉ mỉ, ở đây, chúng ta có thể tham khảo Kinh Vô Lượng Thọ, hoặc tham khảo sách Di Đà Kinh Sớ Sao, ý nghĩa đại khái chẳng sai biệt cho mấy.

Trong dòng này, phải đặc biệt giới thiệu Vô Sanh Pháp Nhẫn cùng quý vị. Nói thật ra, Vô Sanh Pháp Nhẫn quan trọng nhất là chữ Nhẫn. Đức Phật Thuyết pháp có vô lượng phương tiện thiện xảo. Trong Kinh Nhân Vương, Ngài đã chia các địa vị Bồ Tát thành năm loại lớn; năm loại lớn ấy đều dùng Nhẫn để biểu thị. Do vậy có thể biết, Nhẫn quả thật hết sức trọng yếu. Từ Kinh Kim Cang, chúng ta thấy cương lĩnh tu học của Bồ Tát gồm có sáu điều, tức là Lục Độ. Kinh Kim Cang đặc biệt nhấn mạnh Bố Thí và Nhẫn Nhục trong Lục Độ. Quý vị thấy bốn điều kia được nói rất ít, còn Bố Thí được nói rất nhiều, Nhẫn Nhục cũng được nói rất nhiều! Do vậy có thể biết, quan trọng nhất trong sáu đại cương ấy chính là Bố Thí và Nhẫn. Bố Thí là buông xuống. Nếu không buông xuống được, sẽ chẳng thể Nhẫn. Chẳng thể Nhẫn, sẽ không buông xuống được! Đây là đạo lý nhất định, có mối quan hệ nhân quả hỗ tương.

Ngũ Nhân theo Kinh Nhân Vương là: Thứ nhất là Phục Nhân, thứ hai là Tín Nhân, thứ ba là Thuận Nhân, thứ tư là Vô Sanh Nhân, thứ năm là Tịch Diệt Nhân. Dem Ngũ Nhân trong Kinh Nhân Vương phối hợp với Thập Địa Bồ Tát thì Phục Nhân là địa vị Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương); Tín Nhân là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; còn Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa là Thuận Nhân; Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa là Vô Sanh Nhân; Thập Địa và Đẳng Giác là Tịch Diệt Nhân. Tiêu chuẩn của chữ Tín cũng rất cao, quả thật là hễ thật sự nói đến hàng Bồ Tát thì phải nên có tiêu chuẩn cao như vậy! Chưa nhập Sơ Địa, vẫn chưa thể nói là tin Phật nghiêm túc được! Nhưng Kinh Nhân Vương nói theo Biệt Giáo, chẳng nói theo Viên Giáo. Sơ Địa trong Biệt Giáo chính là Sơ Trụ trong Viên Giáo. Vì thế, dòng thứ nhất ở đây (trong trang một trăm ba mươi tám) là: “Sớ vân, Vô Sanh Pháp Nhân, thị Sơ Trụ Sơ Địa” (Sớ rằng: Vô Sanh Pháp Nhân là Sơ Trụ hay Sơ Địa). Sơ Trụ Bồ Tát là nói theo Viên Giáo, còn Sơ Địa là nói theo Biệt Giáo, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, khi ấy mới có thể gọi là Vô Sanh Pháp Nhân. Nhưng nếu nói nghiêm ngặt thì vẫn chưa được, Kinh Nhân Vương nói tương đối nghiêm ngặt. Nói thật sự nghiêm ngặt thì Thất Địa Bồ Tát chứng hạ phẩm Vô Sanh Nhân, Bát Địa là trung phẩm Vô Sanh Nhân, Cửu Địa là thượng phẩm Vô Sanh Nhân, đó là nói theo sự chứng đắc chánh thức. Do vậy có thể biết, Vô Sanh Nhân do Sơ Trụ hay Sơ Địa chứng đắc chính là Tương Tự Vô Sanh Nhân, vì sao? Các Ngài thật sự là Tín Nhân hay Thuận Nhân, tương tự mà thôi! Phục Nhân càng khỏi phải bàn tới, “phục” (伏) là gì? Chế phục phiền não. Nói theo Tịnh Tông, giai

đoạn “phục phiền não” là công phu thành phiền, Tín Nhẫn mới là Sự nhất tâm bất loạn, đạt đến Vô Sanh Nhẫn sẽ là Lý nhất tâm bất loạn. Tín Nhẫn và Thuận Nhẫn đều là Sự nhất tâm. Trong Sự nhất tâm, có mức độ cạn hay sâu khác nhau. Lý nhất tâm là Vô Sanh Nhẫn và Tịch Diệt Nhẫn, hai loại Nhẫn này đều thuộc loại Lý nhất tâm, nhưng Tịch Diệt Nhẫn là công phu Lý nhất tâm sâu, còn Vô Sanh Nhẫn công phu Lý nhất tâm khá cạn. Do vậy, đặc biệt coi trọng chữ Nhẫn.

**Kinh Kim Cang dạy chúng ta: “Nhất thiết pháp đắc thành u Nhẫn” (Hết thấy các pháp đều do Nhẫn mà thành tựu). Pháp thế gian và xuất thế gian nếu chẳng thể nhẫn nại, sẽ chẳng thể thành tựu, có thể thấy Nhẫn Nhục Ba La Mật trong Lục Độ là then chốt của sự thành bại. Nhẫn thì mới có thể có tinh tấn, tinh tấn thì mới có thể đắc Định. Nếu nói theo Tịnh Độ Tông, Định là nhất tâm bất loạn, là tâm thanh tịnh. Đã đắc định, trí huệ mới mở mang, nên nhẫn nhục quả thật là then chốt. Ví như nay chúng ta nói đến chuyện tu học, tu học trong thời cổ và hiện thời khác nhau. Tu học thời cổ luôn luôn là thâm nhập một môn. Phải nhẫn nơi một môn, những Pháp Môn khác ta tạm thời đều phải buông xuống hết, hết thấy các Kinh luận ta chẳng thể xem, mà cũng chẳng thể nghe giảng, ta chỉ rất ngoan ngoãn học một môn, điều này đòi hỏi phải nhẫn! Thâm nhập một môn, một môn sẽ tinh (chuyên ròng), nhiều môn chẳng tinh. Tấn trong nhiều môn thì gọi là Tạp Tấn, chẳng phải là Tinh Tấn. Tạp Tấn sẽ khó đắc Định. Nói cách khác, khó đắc tâm thanh tịnh! Tinh**

Tần sẽ dễ đắc tâm thanh tịnh. Vì vậy, từ xưa, Tổ Sư Đại Đức tạo lập môn đình sai khác, thường ca ngợi Pháp Môn của chính mình, chê bai, hạ thấp các Pháp Môn khác. Đó là một phương thức quyền xảo, tuyệt đối chẳng phải là khinh thường các Pháp Môn khác. Nếu người đọc, người nghe có sự phân biệt, chấp trước ấy thì sai mất rồi. Các Ngài dùng phương pháp ấy để cường điệu, nhằm tăng cường tín tâm của kẻ mới học. Tham Thiền thì từ Thiền thâm nhập một môn, chẳng thể vừa học Giáo, vừa niệm Phật. Vì sao? Như vậy thì sẽ biến thành tạp. Người niệm Phật cũng chẳng thể học Giáo, cũng chẳng thể tham Thiền. Nói chung, Pháp Môn nhất định là một môn thì mới có thể thâm nhập.

Môn nào cũng đều hay, vì sao? Môn nào cũng đều có thể minh tâm kiến tánh, đều có thể đạt đến mục đích. Vì thế, nói “Pháp Môn bình đẳng, chẳng có cao thấp”, chúng ta phải nhớ kỹ điều này. Trong nhiều Pháp Môn ngàn ấy, chúng ta chỉ có thể chọn lựa một môn, điều này quan trọng lắm! Nếu đồng thời chọn lựa nhiều môn, rất khó thành tựu. Thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, dạy học trò, mỗi học trò cũng đều là học một môn. Đức Phật giảng Kinh, họ đều đến nghe, đó gọi là “bàng thính” (dự thính), đến làm Ảnh Hưởng Chúng. Nói theo cách hiện thời là “hộ trì Đạo Tràng”, khiến cho số lượng thính chúng trong Đạo Tràng đông thêm, có thể tăng cường tín tâm cho người mới học. Nếu Đức Phật giảng Kinh chỉ có dăm ba người nghe, người ta trông thấy cảnh tượng ấy cũng chẳng tin tưởng, mất đi tín

**tâm. Vì thế, những vị Bồ Tát, La Hán giúp Phật trang nghiêm Đạo Tràng, tăng cường tín tâm của hàng sơ học, mục đích ở chỗ này! Các Ngài ngồi ở đó, nghe hay không nghe chẳng nhất định! Có lúc Đức Phật giảng Kinh, các Ngài ngồi đó niệm Phật, về căn bản là cũng chẳng nghe câu nào. Đó là trang nghiêm Đạo Tràng, chúng ta phải hiểu điều này. Chư vị hiểu đạo lý này là được rồi!**

Còn như Vô Sanh Pháp Nhẫn là gì? Ở đây, tôi nói đại lược. “Pháp” là hết thấy các pháp. Vô Sanh Pháp Nhẫn là một pháp, còn chữ Pháp chỉ hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian. Vô Sanh là hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt. Khi nào quý vị chứng đắc, thừa nhận, đồng ý, tán thành “hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt”, cảm thấy Đức Phật nói lời ấy chắc chắn chẳng có vấn đề gì, là sự thật, quý vị bèn chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nay chúng ta đang thấy hết thấy các pháp có sanh, có diệt, thấy động vật có sanh, lão, bệnh, tử, thấy thực vật có sanh, trụ, dị, diệt, thấy khoáng vật có thành, trụ, hoại, không, hết thấy các pháp là vô thường. Đó là cách nhìn của chúng ta, chúng ta cảm thấy đó là sự thật. Nay Đức Phật bảo chúng ta “hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt”, chúng ta nghe chẳng hiểu, nghe xong bèn hoài nghi, vì sao? Hoàn toàn tương phản với sự quan sát của chúng ta, cảnh giới của Phật và cảnh giới của chúng ta khác nhau. Vì sao cách nhìn của chúng ta khác với cách nhìn của Đức Phật? Chúng ta dùng cái tâm sanh diệt để nhìn hết thấy các pháp, nên hết thấy các pháp biến thành sanh diệt. Đức Phật dùng tâm bất sanh, bất diệt để nhìn hết thấy các pháp, nên hết thấy các pháp bất sanh, bất diệt. Từ chỗ này

cũng chứng thực “hết thấy các pháp chỉ do tâm biến, hết thấy các pháp chỉ do tâm chuyển, tâm chuyển cảnh giới, chẳng phải là cảnh giới chuyển tâm”, chứng minh lý luận này. Vì lẽ đó, Đức Phật dạy chúng ta thấy chân tướng của hết thấy các pháp, đó chính là Thật Tướng của các pháp. Thật Tướng của các pháp là bất sanh, bất diệt.

Phải như thế nào thì mới có thể thấy Thật Tướng của các pháp? Phải có Thiền Định rất sâu. Thiền Định rất sâu là tâm định. Tĩnh đến tột cùng, tâm ấy là bất sanh, bất diệt, chân tâm thường trụ, thấy cảnh giới bên ngoài là cảnh giới chân thật. Vì thế, đó là cảnh giới của Phật và đại Bồ Tát; hàng Bồ Tát từ Thất Địa trở lên thấy hết thấy vạn pháp bất sanh, bất diệt. Đó chẳng phải là cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta, vì chúng ta chẳng có cách nào sử dụng chân tâm, toàn là dùng vọng tâm. Vọng tâm là tâm sanh diệt, là trong tâm có ý niệm. Khi nào trong tâm chẳng có ý niệm, chẳng có vọng niệm, khôi phục chân tánh của chính mình. Điều này cũng nói rõ: Tu hành trong Phật Pháp, bất luận tông nào, bất luận là Hiền Giáo hay Mật Giáo, Thiên Tông hay Giáo Hạ, mục tiêu tu học cuối cùng là minh tâm kiến tánh. Nếu chẳng phải là mục tiêu này, sẽ chẳng phải là Phật Pháp. Phật Pháp bất luận bao nhiêu Pháp Môn, bao nhiêu tông phái, chỉ là phương pháp, đường lối, cách thức khác nhau, nhưng phương hướng và mục tiêu nhất định là nhất trí: Thành Phật! Thành Phật là gì? Minh tâm kiến tánh là thành Phật; minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật, quyết định là nhất trí. Tịnh Độ Tông nói “nhất tâm bất loạn”, nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, là kiến tánh thành Phật. Chỉ là

các tông sử dụng danh từ thuật ngữ khác nhau, thật ra là một chuyện. Vì vậy, học Phật nói đơn giản là “tu tâm thanh tịnh, tu nhất tâm bất loạn”. Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, xử sự, đãi người, tu tâm thanh tịnh, tu nhất tâm trong ấy, đó là đúng!

**Người sơ tâm, tức là kẻ mới học, vì tập khí nặng nề, phiền não sâu đậm, chẳng có cách nào tu hành trong một xã hội phức tạp, công phu chẳng thể đắc lực, nên phải chọn lựa hoàn cảnh. Nghĩ đến thuở Đức Phật tại thế, đã răn dạy đệ tử trụ A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “nơi chẳng ồn ào”. A là Vô, Lan Nhã là náo nhiệt, ồn ào. Do vậy, A Lan Nhã là một nơi chẳng ồn ào, náo nhiệt, nên dịch nghĩa sang chữ Hán là Tịch Tĩnh Xứ, đó là một hoàn cảnh hết sức an tĩnh. Trong lời Phật dạy, có một thí dụ rất đơn giản về tiêu chuẩn của A Lan Nhã, Ngài nói: Đó là nơi chẳng nghe thấy tiếng trâu kêu. Vì xưa kia, người tu hành phần đông ở nông thôn, cày cấy ở nông thôn đều dùng trâu, tiếng trâu kêu rất lớn. Nông dân nuôi trâu, nơi chẳng nghe thấy tiếng trâu kêu, chỗ ấy cũng rất an tĩnh. Nếu là hiện tại thì nơi không nghe thấy tiếng xe cộ sẽ khá an tĩnh, nhất định phải tránh chỗ ồn náo. Đối với định nghĩa này, cũng phải nên tùy theo thời đại mà xét theo tiêu chuẩn khác nhau. Xưa kia, tiếng trâu kêu rất lớn, hiện thời tạp âm của xe lửa hoặc máy bay còn to hơn xưa kia quá nhiều. Nơi mà những âm thanh ồn ào ấy chúng ta đều chẳng nghe thấy thì chỗ ấy là A Lan Nhã. Điều này nhằm tạo tiện lợi cho hàng sơ học.**



Nhưng tâm địa đã thật sự thanh tịnh rồi thì chẳng thể ở mãi nơi đó; ở miết nơi đó, chưa chắc tâm địa thật sự thanh tịnh. Sau khi đã đạt đến một mức độ thanh tịnh kha khá, phải đến chỗ ồn náo, đến nơi ồn náo để xem cái tâm có còn thanh tịnh hay không? Trong nơi náo nhiệt ấy, nếu tâm lập tức bị ảnh hưởng, hãy nên lui về, chớ nên ở nơi đó. Nếu ở trong nơi náo nhiệt mà không bị ảnh hưởng, tâm vẫn thanh tịnh thì có thể ở nơi đó, bởi lẽ, động tĩnh như nhau, nhiễm tịnh chẳng hai, đó là thật sự thành tựu. Do đó, người Tiểu Thừa chẳng dám tiếp xúc thành thị, Đại Thừa Bồ Tát tu Định trong chốn chợ búa. Quý vị xem Kinh Hoa Nghiêm, trưởng giả Dục Hương tu Thiên Định ở nơi đâu? Kinh nói là trong chốn chợ búa. “Chợ búa” có nghĩa là gì? Là nơi buôn bán, phồn hoa nhất, náo nhiệt nhất, ông ta tu Thiên Định ở nơi đó. Ông ta tu Thiên tại đó, có phải là ngồi xếp bằng nhìn vào vách hay không? Chẳng phải vậy! Ở nơi đó, ông ta la cà trên phố, cái này cũng nhìn, cái kia cũng ngắm, đó gọi là tu Thiên Định. Chúng ta hoàn toàn chẳng nhìn ra ông ta đang tu Thiên Định nơi đó. Ông ta xoay qua, lộn lại trong chốn náo nhiệt, nhưng là Định Huệ song tu. Thứ gì cũng đều xem, giống như những sản phẩm mới hiện thời ông ta đều biết, “đều biết” là Huệ, thứ gì ông ta cũng đều hiểu. Xem xong, như như bất động, như như bất động là Định, ông ta tu Định nơi ấy. Chẳng giống như lũ phàm phu chúng ta, thấy vật này tốt bèn vội vã mua về, tâm đã động mất rồi. Định đã chẳng có, mà Huệ cũng chẳng có luôn! Vì thế, ông ta thường dạo phố, thường la cà chốn náo nhiệt, thứ gì cũng đều biết, Huệ thành tựu. Sau khi đã xem

**xong, như như bất động, nên Định thành tựu. Người ta tu Định Huệ ở chỗ này! Chuyện này hàng Tiểu Thừa chắc chắn chẳng dám tu, đó là nói công phu đã đạt mức, phương pháp tu hành của họ và phương pháp tu hành của chúng ta khác nhau!**

Giới thiệu đơn giản cùng chư vị chỗ sai biệt giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa tới đây là được rồi! Chúng ta xem đoạn kế tiếp. Trong đoạn này, Đức Phật chánh thức dạy bà Vi Đề Hy phương pháp tu học, tức là mười sáu diệu quán.

***Phật cáo Vi Đề Hy: “Nhữ thị phàm phu, tâm tưởng luy liệt, vị đắc Thiên Nhân, bất năng viễn quán. Chư Phật Như Lai hữu dị phương tiện, linh nhữ đắc kiến.***

*(Đức Phật bảo Vi Đề Hy: “Bà là phàm phu, tâm tưởng yếu hèn, chưa đắc Thiên Nhân, chẳng thể nhìn xa. Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ khiến cho bà được thấy”).*

Nhìn từ dấu tích thị hiện, phu nhân Vi Đề Hy là phàm phu giống như chúng ta, cũng là mê hoặc, điên đảo, cũng là cảm tình rất nặng, phiền não trùng trùng, giống hệt như chúng ta. Vì thế, “tâm tưởng luy liệt, vị đắc Thiên Nhân” (tâm tưởng yếu hèn, chưa đắc Thiên Nhân), sẽ chẳng thể thành tựu Diệu Quán. Nhưng Đức Phật có sức mạnh, gia trì, giúp đỡ bà ta. “Chư Phật Như Lai hữu dị phương tiện, linh nhữ đắc kiến” (Chư Phật Như Lai có phương tiện lạ, khiến cho người được thấy). Nếu muốn thấy Tịnh Độ, nhất định phải do Phật lực gia trì, đây là chỉ ra “hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”. Phàm phu tu hành, nói thật ra, đều có

công phu Định lực nho nhỏ, vẫn chẳng thấy Tây Phương Tịnh Độ. Giống như trong phần trước chúng tôi đã nói, Viễn Công Đại Sư một đời ba lần thấy Tịnh Độ của Phật, đó là do phương tiện thù thắng, lạ lùng của chư Phật Như Lai gia trì Ngài, khiến cho Ngài trông thấy. Viễn Công có thể thấy, chúng ta cũng có thể thấy. Phật đã gia trì Ngài, Phật cũng sẽ gia trì chúng ta; nhưng chúng ta chớ nên có tâm niệm mong được thấy. Vì sao? Niệm niệm cầu thấy, tâm chẳng thanh tịnh, công phu không đắc lực. Không cầu thấy, đến lúc đó, đôi khi Phật gia trì khiến cho quý vị trông thấy, chứng minh cho quý vị, tăng cường tín tâm của quý vị: Chắc chắn là quý vị đã đi đúng đường. Chẳng thấy cũng không khẩn yếu, chớ nên thường hoài nghi: “Ta chẳng trông thấy điều ấy, chỉ sợ công phu lui sụt”. Đó là dấy vọng tưởng, đã sai lầm mất rồi! Phải hiểu Pháp Môn này đặc biệt coi trọng tu tâm thanh tịnh. Vì lẽ đó, dẫu thấy, cũng phải như Kinh Kim Cang đã nói: “Phàm những gì có tướng đều là hư vọng”. Thấy mà như chẳng thấy, chẳng mảy may trở ngại cái tâm thanh tịnh của quý vị. Đó là đúng. Vì thế, người tu Tịnh Độ, không chỉ riêng người tu Tịnh Độ, người tu Phật Pháp Đại Thừa quyết định chớ nên tham chuộng Thần thông.

Chiều hôm qua, có một Cư sĩ đến gặp tôi, ông ta đang gặp khó khăn rất lớn. Hai vợ chồng đều ở trong ngành giáo dục, ông ta kể: Gần đây, bà vợ ông ta nảy sinh vấn đề, chẳng biết bả thân cận Đạo Tràng nào, nay đang vương ma chướng, nên tới tìm tôi. Tôi liền khuyên ông ta: “Tốt nhất là ông bảo bà ta đừng tiếp xúc với những kẻ đó nữa”. Ông ta nói: “Nói

rồi mà bả có nghe đâu! Ham Thần thông lắm”. Phàm những kẻ bị ma dựa đều là ham Thần thông. Nếu quý vị nhìn Thần thông và những chuyện kỳ quái rất nhạt nhẽo, chẳng quan tâm đến, yêu ma quỷ quái chẳng tìm quý vị, vì chúng chẳng có cách nào tiếp cận quý vị. Quý vị tham chuộng, ưa thích Thần thông, hiếu kỳ, quý vị liền bị yêu ma quỷ quái nắm thóp, đùa bỡn quý vị! Ở trong và ngoài nước, chúng tôi đã thấy rất nhiều kẻ trẻ tuổi được hưởng sự giáo dục cao cấp, toàn là những kẻ ưu tú, học Thần thông chưa đến một năm hay nửa năm, bèn phải vào bệnh viện tâm Thần, tinh thần phân liệt, tương lai cả một đời bị hủy hoại. Nói thật ra, những thứ đó chẳng phải là Phật Giáo, mà là tà giáo! Yêu ma quỷ quái đang quậy phá. Có phải là thật sự thấy họ phóng quang hay không? Thật sự trông thấy, chẳng phải là giả. Họ nói phóng quang, thân hình lìa khỏi mặt đất ba thước, là thật, chẳng giả tí nào! Yêu ma quỷ quái hiện những thứ Thần thông ấy cho quý vị trông thấy. Quý vị càng thấy, càng nghĩ chúng nó rất tuyệt. Chúng ta bảo họ: “Bọn chúng nó là giả”, họ sẽ nạt lại: “Người không bằng người ta! Nếu không, người phóng quang cho ta xem thử coi!” Họ chẳng tin tưởng chánh pháp, muốn tin tưởng yêu ma quỷ quái, càng mê sâu hơn. Chuyện này không chỉ là đem lại nỗi đau khổ cho chính người ấy, mà còn khiến cho cả gia đình đau khổ, rất đáng thương, chúng ta phải chú ý điều này.

Lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đôi ba lượt khuyến khích chúng ta: “Học Phật thì Đạo Tràng coi trọng thực chất, chẳng coi trọng hình thức. Tu hành quý nơi cái tâm thanh tịnh, tuyệt đối chẳng chú ý Thần thông cảm

ứng, ngay cả cảm ứng cũng không mong cầu”. Người thật sự tu hành, tu tâm thanh tịnh, nhận biết “ta phiền não ngày càng ít hơn, tâm địa ngày càng thanh tịnh hơn, ngày càng sung sướng hơn, pháp hỷ sung mãn, trí huệ càng ngày càng tăng trưởng hơn”. Trí huệ tăng trưởng nhìn từ chỗ nào? Xử sự, đãi người, tiếp vật chẳng hề đổi giống như trước, dường như mỗi ngày có trí huệ hơn, đó đều là hiện tượng tiến bộ. Đó là hiện tượng tốt. Nếu nói hằng ngày thấy rất nhiều quỷ, thấy khá nhiều Thần, nguy hiểm rồi! Đó chẳng phải là một hiện tượng tốt lành, mà là sắp vào nhà thương điên! Đôi khi trông thấy thì phải làm sao? Có thấy thì chẳng cần quan tâm tới, chẳng cần nghĩ đến họ, niệm Phật cho nhiều, đọc Kinh cho nhiều, về sau, cơ hội trông thấy họ sẽ ít đi. Trước kia, Cư sĩ Giản Phong Văn thường trông thấy, mỗi tháng thấy khá nhiều lần, đến kể với tôi. Ông ta chẳng bịa chuyện, trước kia, ông ta thích tĩnh tọa. Trong khi tĩnh tọa, thấy khá nhiều cảnh giới kỳ quái, từng thấy Thập Điện Diêm Vương. Sau này, tôi dạy ông ta: “Từ nay về sau, ông thấy những điều đó đừng quan tâm tới, chẳng cần để ý, cứ niệm Phật cho nhiều”. Về sau, dần dần ít đi. Hiện nay, trong vòng một hai năm qua chẳng thấy nữa, không còn nữa, khôi phục bình thường.

Thấy những cảnh tượng kỳ quái, quỷ Thần, chắc chắn chẳng phải là bình thường, chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Chẳng cần nói thấy yêu ma quỷ quái chẳng phải là chuyện tốt, mà thấy chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng phải là chuyện tốt. Quý vị hãy xem Kinh Lăng Nghiêm, phần nói về năm mươi thứ Âm Ma, yêu ma quỷ quái biến hiện cảnh giới của Phật, Bồ Tát,

đơn giản là khiến cho quý vị chẳng có cách nào phân biệt là thật hay giả. Trong Kinh Lăng Nghiêm, Đức Phật đã dạy chúng ta một nguyên tắc: “Bất tác Thánh giải” (Chẳng nghĩ những cảnh giới kỳ quái, lạ lùng ta được thấy là chính mình đã đạt được sự giải ngộ của bậc Thánh), đối với những cảnh giới tốt đẹp, căn bản là chẳng quan tâm tới, chúng sẽ là cảnh giới tốt đẹp. Nếu quý vị nghĩ chúng là thật, sẽ bị mắc lừa, “tức thọ quần tà” (liền rớt vào lũ tà), quý vị đã bị những thứ yêu ma quỷ quái ấy đùa bỡn, gạt gẫm. Đúng là đối với các cảnh giới như trong Lăng Nghiêm đã nói, chúng ta chẳng có cách nào phân biệt là thật hay giả, còn những thứ như ta trông thấy trong hiện thời vừa trông thấy liền biết là giả, tuyệt đối chẳng phải là thật.

**Đây là nói một người tu hành, trên đường Bồ Đề, tất nhiên sẽ gặp những cảnh giới ấy, khi gặp những cảnh giới đó, quyết định chẳng cần quan tâm tới. Chính vì như vậy, chúng tôi thường khuyên nhủ các đồng tu, hễ quý vị thờ Phật, bèn thờ một pho tượng, hằng ngày nhìn bức tượng Phật ấy, mọi người phải biết điều này. Hết thấy yêu ma quỷ quái có thể lừa gạt người, chúng nó gạt người vì quý vị tự nguyện bị lừa, bằng lòng bị gạt! Nói thật ra, chúng nó trọn chẳng phạm pháp to lớn gì! Chúng nó biến hiện thành hình tượng của Phật, Bồ Tát, nhưng chẳng dám biến thành hình Bồ Tôn, nên nói là chúng nó chẳng phạm pháp. Tuy chúng nó có thể giả mạo, nhưng giả mạo tương tự, chẳng rất giống, nên chẳng phạm pháp. Ví như đối với “thương hiệu” (nhãn hiệu cầu chứng, trademark), tôi thiết kế**

**thương tiêu chẳng khác thương tiêu của quý vị cho mấy, nhưng có đôi chút bất đồng, tôi chẳng giả mạo chiêu bài của quý vị, vì sao? Thương tiêu do tôi thiết kế có đôi chút khác với quý vị, chẳng thể coi là giả mạo nhãn hiệu, chẳng thể trị tội theo pháp luật được. Hoàn toàn giống hết thì là giả, tức là hàng nhái, phải bị trị tội. Vì lẽ đó, yêu ma quỷ quái chẳng dám hiện thành Bồ Tôn.**

Ta thờ phụng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là Bồ Tôn của ta, yêu ma quỷ quái chẳng dám biến thành A Di Đà Phật. Chúng biến thành các vị Phật, Bồ Tát khác đến dụ dỗ, mê hoặc quý vị, tuyệt đối chẳng dám biến thành A Di Đà Phật. Ta thờ phụng Quán Thế Âm Bồ Tát, hằng ngày lễ bái Quán Âm Bồ Tát, xưng niệm Quán Âm Bồ Tát, chúng nó chẳng dám biến thành Quán Âm Bồ Tát. Biến thành hình tượng Ngài, Thần hộ pháp quyết định chẳng chấp nhận. Biến thành hình tượng tương tự, chẳng phải là thật, Thần hộ pháp cũng chẳng quan tâm tới, vì sao? Dẫu sao, chúng nó chẳng thật sự phạm pháp. Thần hộ pháp giống như cảnh sát, chẳng can thiệp, không bắt giữ chúng nó. Chúng ta thờ một bức tượng A Di Đà Phật, suốt đời thờ một tượng ấy, chúng ta thấy hình tượng ấy rất rõ ràng. Nếu chúng nó biến ra một vị A Di Đà Phật, có hình dạng khác với tượng ấy, chúng ta sẽ chẳng quan tâm tới. Khi lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta, quyết định là có hình dáng giống như bức tượng chúng ta đang thờ, khiến cho bản thân chúng ta chẳng có chút hoài nghi nào. Ta mỗi ngày nhìn bức tượng ấy, đến cuối cùng, quả nhiên Phật hiện tiền, Ngài dẫn chúng ta đi, há có lầm lẫn ư? Tuyệt đối sẽ chẳng sai lầm!

Đó là cái hay của việc cúng dường một hình tượng Bồ Tát hay hình tượng Phật, suốt đời chẳng thay đổi. Hiện thời, thờ một bức rất dễ dàng. Chúng ta đi ra ngoài, hãy chụp ảnh bức tượng chính mình đang thờ để có thể đem theo thân, đến chỗ nào cũng đều có thể cúng dường, chẳng cần phải mang theo tượng khắc hoặc tượng đắp! Nhất là tượng thờ rất lớn, mang theo chẳng thuận tiện. Chúng ta chụp hình mang theo rất thuận tiện. Giống như tượng Phật của chúng ta ở đây, chúng ta đều đã in ra, tượng Quán Âm Bồ Tát cũng được in ra, cuốn thành một cuộn, đặt trong hành lý, đi đến đâu cũng đều có thể mang theo. Tượng Phật trông thấy mỗi ngày là cùng một tượng Phật, tốt lắm!

Chúng ta lại xem phần Kinh Văn tiếp theo, xem hàng cuối cùng trong trang một trăm bốn mươi.

***Thời Vi Đề Hy bạch Phật ngôn: - Thế Tôn, như ngã kim giả dĩ Phật lực cố, kiến bỉ quốc độ, nhược Phật diệt hậu chư chúng sanh đẳng, trước ác bất thiện, ngũ khổ sở bức, vân hà đương kiến A Di Đà Phật Cực Lạc Thế Giới?***

*(Khi ấy, bà Vi Đề Hy bạch Phật: - Bạch đức Thế Tôn! Như con nay do Phật lực được thấy cõi nước ấy, nếu sau khi Đức Phật đã diệt độ, các loài chúng sanh trước ác, chẳng lành, bị năm nỗi khổ bức bách, sẽ thấy Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật bằng cách nào?)*

Đây là lòng từ bi của phu nhân Vi Đề Hy. Do Thích Ca Mâu Ni Phật dùng Thần lực triển hiện các cõi nước Phật trước mặt bà, bà được thấy Thế Giới Tây Phương. Bà là phàm phu, chẳng có Thiên Nhân, do



Phật lực gia trì khiến bà trông thấy để chọn lựa. Do đó, bà ta liền nghĩ: Trong tương lai, sau khi Đức Phật diệt độ, đến thời kỳ Mạt Pháp, ngũ trược ác thế, chúng sanh khi ấy làm thế nào để có thể thấy Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật? Đối với chữ “trược ác”, phần chú giải đã trích dẫn đoạn Ngũ Ác, Ngũ Thống, Ngũ Thiêu được nói trong Kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn Kinh Văn này chúng ta rất quen thuộc, nên nội dung đoạn này giống như Đại Kinh đã nói. Ở đây, ta thấy tâm lòng từ bi của phu nhân: Sau khi chính mình đã đắc độ, bèn nghĩ đến hết thấy chúng sanh sẽ đắc độ như thế nào, kiến giải chẳng giống vua Tần Bà Sa La! Quý vị thấy một đấng là Đại Thừa, một đấng là Tiểu Thừa. Tiểu Thừa thì chính mình đắc độ là được rồi, chẳng nghĩ đến người khác. Tâm Đại Thừa Bồ Tát thì chính mình còn chưa đắc độ, đã ngay lập tức nghĩ đến người khác. Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa dạy bà ta phương pháp tu hành, mà bà ta đã nghĩ đến người khác: Người khác làm thế nào để có cơ duyên này ngõ hầu cũng có thể đắc độ? Đó là sự khác biệt giữa tâm lượng Tiểu Thừa và Đại Thừa, tư tưởng khác nhau!

Chúng ta xem phần Kinh Văn tiếp theo trong trang một trăm bốn mươi lăm.

***Phật cáo Vi Đề Hy: - Nhữ cập chúng sanh, ưng đương chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tưởng ư Tây Phương.***

*(Đức Phật bảo Vi Đề Hy: - Bà và chúng sanh hãy nên chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tưởng Tây Phương).*

Hàm nghĩa trong Kinh Văn này hết sức sâu xa. Chữ “nhữ” chỉ phu nhân Vi Đề Hy. Chữ “chúng sanh” bao gồm chúng ta trong đó; chỉ cần là kẻ đời sau, có duyên đọc bộ Kinh Điển này, liền được bao gồm trong đó. Do vậy có thể biết, Đức Phật khai thị lần này cho phu nhân Vi Đề Hy, cũng là khai thị cho mỗi vị đồng tu chúng ta. Bà Vi Đề Hy là bậc đương cơ; chúng ta mở bộ Kinh Điển này ra, đọc tụng, tiếp xúc bộ Kinh Điển này thì cũng là đương cơ của bản Kinh này. Do đó, sự giáo học của Đức Phật là một Thể hoàn toàn bình đẳng, dạy chúng ta “hãy nên chuyên tâm hệ niệm nhất xứ, tướng Tây Phương”, câu này là khuyên tu. “Chuyên tâm hệ niệm” thì mới có thể bỏ vọng tưởng. Vì sao người bình phàm chẳng thể chế phục vọng tưởng? Do ý niệm của họ chẳng chuyên. Nếu ý niệm chuyên nhất, những vọng niệm khác sẽ tự nhiên chẳng sanh. Phàm phu chẳng thể nào chẳng có niệm. Phương pháp của Đức Phật rất xảo diệu, tức là dùng ngay ý niệm niệm Phật này để ngưng dứt vọng niệm. Dùng phương pháp này khiến cho trong ý niệm của quý vị chỉ nghĩ đến một chuyện. Chẳng khởi niệm thì thôi, hễ khởi niệm bèn nghĩ tới một chuyện, tướng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, tướng A Di Đà Phật là được rồi. Dùng niệm để dứt niệm, dạy chúng ta sử dụng phương pháp này. Tu học phương pháp này sẽ thuận tiện hơn nhiều!

Dưới đây, Đức Phật dạy chúng ta cách tưởng, hãy xem trang một trăm bốn mươi sáu.

*Vân hà tác tướng?*

*(Quán tưởng như thế nào?)*

Cách tưởng ra sao?

***Phàm tác tưởng giả, nhất thiết chúng sanh, tự phi sanh manh, hữu mục chi đồ, giai kiến nhật một.***

*(Phàm là quán tưởng, hết thấy chúng sanh nếu chẳng phải là kẻ mù từ lúc mới sanh ra, những ai có mắt đều thấy mặt Trời lặn).*

Đây là nêu thí dụ để dạy cách tưởng như thế nào. Hết thấy chúng sanh nếu chẳng phải là kẻ sanh manh, “sanh manh” là sanh ra liền bị mù thì gọi là “sanh manh”. Nếu chẳng phải là tình hình ấy, nhất định đã từng thấy mặt Trời ngả bóng, ắt phải là đã từng thấy cảnh tượng mặt Trời lặn. Thật ra, Đức Phật dạy điều này là nói về xưa kia, trước kia cảnh mặt Trời lặn, đặc biệt là sống ở hương thôn, chúng ta thường trông thấy. Hiện thời, tại đô thị, sống trong cao ốc, có thể là có kẻ suốt đời chưa hề thấy cảnh mặt Trời mọc hay lặn, người ấy tu phép quán tưởng này cũng rất khó khăn, vì chẳng có kinh nghiệm này. Người hiện thời sống tại đô thị, khi đến chơi núi A Lý, thấy mặt Trời xuất sơn, tức là thấy mặt Trời mọc. Thấy mặt Trời mọc thì có, chứ thấy mặt Trời lặn dường như vẫn chưa hề nghe nói tới! Do đó, trước hết, Đức Phật dạy chúng ta quán tưởng phương hướng, tưởng Tây Phương, nơi mặt Trời lặn là Tây Phương, tưởng hình dạng mặt Trời lặn.

Đoạn Kinh Văn kế tiếp bắt đầu từ hàng cuối cùng trong trang một trăm bốn mươi bảy.

***Đương khởi tưởng niệm, chánh tọa Tây hướng, để quán w nhật dục một chi xứ.***

*(Hãy nên khởi tưởng niệm, ngồi ngay ngắn hướng về phía Tây, quán kỹ lưỡng nơi mặt Trời sắp lặn).*

“Để quán” là quán sát cận kề, hãy xem nơi mặt Trời lặn.

***Linh tâm kiên trụ, chuyên tưởng bất di, kiến nhật dục một, trạng như huyền cổ.***

*(Khiến cho tâm trụ chắc, chuyên quán tưởng chẳng đổi dời, thấy mặt Trời sắp lặn, hình dạng như cái trống treo).*

Khi mặt Trời sắp lặn, chỉ thấy một vàng mặt Trời đỏ rực, giống như một cái trống, tức cái trống đang treo lơ lửng trong không trung.

***Ký kiến nhật dĩ, bế mục, khai mục, giai linh minh liễu.***

*(Đã thấy mặt Trời rồi, hãy quán tưởng sao cho nhắm mắt, mở mắt, đều thấy rõ ràng).*

Quán thành công sẽ là cảnh giới như thế này: Nhắm mắt, mặt Trời ở trước mặt; mở mắt, mặt Trời vẫn ở trước mặt. Đó là quán tưởng thành công. Nếu mở mắt, mặt Trời ở trước mặt, nhưng nhắm mắt, mặt Trời chẳng còn nữa, tức là quán chưa thành công. Hoặc là nhắm mắt, hình tượng ấy ở trước mặt, nhưng mở to mắt lại chẳng còn, cũng chẳng thể coi như là thành công được! Phép Quán này cũng rất khó. Sau khi quán thành công, bất luận ở nơi nào, mở to mắt, mặt Trời quả thật ở trước mặt; nhắm mắt, mặt Trời vẫn ở trước mặt. Đó là phép Quán thứ nhất thành

tự. Trong mười sáu phép Quán, đây là phép Quán đầu tiên, là phép Quán dễ nhất. Quý vị thử tập xem, quý vị có bản lãnh quán thành công hay chẳng? Có thể quán thành công, sẽ có thể Vãng Sanh. Trong mười sáu phép Quán, chỉ cần quán một phép thành công, sẽ đều có thể Vãng Sanh. Chẳng cần phải là mỗi phép Quán trong mười sáu phép Quán đều thành công, chỉ cần thành một phép Quán là được rồi. Nói rất dễ dàng, làm thì sẽ rất khó thực hiện! Nếu chẳng chuyên tâm đến tột bậc, cảnh giới này sẽ chẳng thể hiện tiền.

*Thị vi nhật tướng, danh viết Sơ Quán.*

*(Đó là phép tướng mặt Trời, gọi là phép Quán đầu tiên).*

**Đây là phép Quán thứ nhất trong mười sáu phép Quán. Sau đoạn Kinh Văn này, có chú giải rất nhiều, nhưng không gì chẳng nhằm nói rõ nguyên lý này. Thiên Thai Đại Sư dùng đạo lý Nhất Tâm Tam Quán để thuyết minh sự thật này. Nếu chẳng đạt đến Nhất Tâm Tam Quán, cảnh giới này chẳng thể hiện tiền! Do vậy, quán thành công hết sức khó khăn. Sau khi quán thành công, Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, đã đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, còn phải trừ bỏ tướng hư vọng ấy. Vì sao? Trong tâm thanh tịnh vốn chẳng có một vật, lẽ đâu có mặt Trời? Quý vị phải hiểu đạo lý này, mới hiểu trong bốn loại niệm Phật, Trì Danh thù thắng bậc nhất. Trước đây, tôi đã từng hỏi thầy Lý chuyện này, thầy Lý bảo tôi: “Quán rất khó thành tựu! Quán thành công, anh nghĩ xem ấn tượng sâu đậm cỡ nào! Giống như chúng ta tưởng niệm một ai đó,**

thời thời khắc khắc đều nghĩ nhớ người ấy. Người ấy ở ngay trước mặt, tưởng niệm khắc sâu ngàn ấy. Trong A Lại Da Thức, sức mạnh ấy phải mạnh mẽ lắm thì hiện tượng ấy mới hiện thành được! Nhưng nó toàn là tướng hư vọng, sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, lại còn phải trừ bỏ tướng ấy. Quán thành công khó khăn, về sau, trừ bỏ nó cũng khó, xóa bỏ cũng khó, vì sao? Ấn tượng quá sâu!” Vì vậy, thầy nói mười lăm phép Quán trước chẳng bằng niệm danh hiệu. Bởi lẽ, xóa bỏ danh hiệu dễ dàng, do biết danh hiệu là giả danh. Vì vậy, chấp trì danh hiệu Vãng Sanh Thế Giới Tây Phương dễ dàng; sau khi đã sanh về Thế Giới Tây Phương, trừ bỏ danh hiệu cũng dễ dàng. So với chuyện đã quán thành công rồi, sau đó lại bỏ phép Quán ấy, chúng ta suy nghĩ sẽ tự biết sự khó hay dễ trong ấy.

Thầy khuyên chúng tôi, biết lý luận và phương pháp quán tưởng niệm Phật, nhưng chẳng cần phải dùng tới, vẫn giữ lối trì danh niệm Phật, giữ cách này sẽ tốt đẹp. Trì Danh tương ứng với Thật Tướng, còn phương pháp quán tưởng này chẳng tương ứng với Thật Tướng. Quán Tưởng Niệm Phật và Quán Tượng Niệm Phật đã khó, lại còn chẳng tương ứng. Trì danh niệm Phật dễ dàng, tương ứng với Thật Tướng. Đó là lý do vì sao chư Phật, Bồ Tát, Tổ Sư Đại Đức đặc biệt nhấn mạnh, đề xướng Pháp Môn Niệm Phật, đạo lý ở ngay chỗ này.

## TẬP 22

***Thứ, tác thủy tướng.***

*(Tiếp đó là tướng nước).*

Đây là phép Quán thứ hai, chúng ta xem Kinh Văn, hàng thứ ba trong trang một trăm năm mươi hai.

***Kiến thủy trừng thanh, diệc linh minh liễu, vô phân tán ý.***

*(Thấy nước trong lặng, cũng quán cho rành rẽ, ý chẳng phân tán).*

“Vô phân tán ý” là Nhất Tâm Tam Quán.

***Ký kiến thủy dĩ, đương khởi băng tướng.***

*(Đã thấy nước rồi, hãy nên dấy ý niệm tướng băng).*

Phép Quán thứ hai là quán biển cả đóng băng.

***Kiến băng ánh triệt, tác lưu ly tướng.***

*(Thấy băng trong suốt, quán tướng là lưu ly).*

Sau khi kết thành băng, giống như lưu ly (Vaidūrya, Tỳ Lưu Ly). Lưu ly trong suốt, có màu hơi xanh, người Hoa gọi là Phỉ Thúy, tức ngọc có màu xanh. Nước biển có màu xanh dương, nên nếu kết thành băng, quả thật giống như lưu ly.

***Thử tướng thành dĩ, kiến lưu ly địa, nội ngoại ánh triệt.***

*(Phép quán tướng này đã thành, sẽ thấy đất lưu ly, trong ngoài thấu suốt).*

Sau khi phép quán tưởng này đã thành, đại địa là lưu ly. Đại địa trong Thế Giới Tây Phương bằng lưu ly. Nếu quán thành công phép quán tưởng này, bất luận ở chỗ nào, quý vị đều thấy đất quyết định là đất lưu ly. Nếu thấy đất ở chỗ chúng ta đây vẫn là sàn bằng đá mài, tức phép quán tưởng này chẳng thành công, tuyệt đối là chẳng quán thành công. Sau khi quán thành công, đất là đất lưu ly. Do vậy, chúng ta cũng có thể hiểu rõ, trong Kinh, Đức Phật đã nói “hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng”, đó là thật. Tâm quả thật có thể biến cảnh giới, tùy thuộc vào mức độ tưởng của quý vị. Nay chúng ta chẳng thể biến cảnh giới, là do tưởng rất cạn, nay đang tưởng chỗ này, qua niệm thứ hai bèn tưởng chỗ khác; do vậy, chẳng thể biến thành cảnh giới. Nếu chuyên chú tưởng một chuyện, sẽ thật sự có thể biến cảnh giới. Hết thấy các pháp đều sanh từ tâm tưởng. Dưới mặt đất của Tây Phương còn có rất nhiều kho báu, dưới mặt đất trong cõi chúng ta cũng có kho báu.

***Hạ hữu kim cang thất bảo kim tràng, kinh lưu ly địa.***

*(Dưới đó có tràng vàng kim cang bảy báu nâng đỡ đất lưu ly).*

Chúng ta biết địa cầu có hình cầu, trong hình cầu có lõi. Cái lõi ấy như được nói ở nơi đây, có hình dáng giống cái tràng, “nâng đỡ đất lưu ly”.

***Kỳ tràng bát phương, bát lăng cụ túc, nhất nhất phương diện, bách bảo sở thành. Nhất nhất bảo châu hữu thiên quang minh. Nhất nhất quang minh bát vạn tứ thiên sắc, ánh lưu ly địa, như ức thiên nhật, bất khả cụ kiến.***



*(Tràng ấy có tám mặt, tám cạnh tròn đủ. Mỗi một mặt do trăm thứ báu hợp thành. Mỗi một bảo châu có ngàn quang minh. Mỗi một quang minh có tám vạn bốn ngàn màu, chiếu rực đất lưu ly như ức ngàn mặt Trời, chẳng thể thấy tròn).*

Phía dưới có chất báu, chất báu tỏa ánh sáng, có vô lượng quang minh. Như vậy là đất nơi Thế Giới Tây Phương tỏa ánh sáng, đại địa có quang minh. Chúng ta nghĩ xem địa cầu của chúng ta có quang minh hay không? Nói thật ra, cũng tỏa sáng, cũng có ánh sáng, nhưng nhục nhãn của chúng ta chẳng thấy. Nay chúng ta dùng máy móc thăm dò, bèn phát hiện ánh sáng có bước sóng dài hay ngắn khác nhau. Những tia sáng mà chúng ta có thể thấy bằng mắt thường có bước sóng vô cùng hữu hạn, những tia sáng có bước sóng dài hơn thì chúng ta chẳng thấy, mà những tia sáng có bước sóng ngắn hơn chúng ta cũng không thấy. Chẳng phải là đại địa không phóng quang, thấy đều phóng quang. Nay ta dùng dụng cụ khoa học để thăm dò, chúng ta đã thăm dò được các tia sáng như tia X, hồng ngoại tuyến (Infrared), tử ngoại tuyến (Ultraviolet), đó là những tia sáng thăm dò được. Trên mặt đất hay trong không trung đều có ánh sáng, nhưng chúng ta chẳng thể thấy bằng mắt thường. Lòng người trong Thế Giới Tây Phương thanh tịnh, nên đối với các thứ sóng ánh sáng đều có thể trông thấy. Vì vậy, Thế Giới ấy khác hẳn. Nếu chúng ta cũng trông thấy các loại sóng ánh sáng thì sẽ thấy dưới mặt đất cũng trong suốt, cũng thấy dưới lòng đất, chúng ta gọi chuyện này là Thiên Nhãn. Người có Thiên Nhãn Thông chẳng bị chướng ngại, có thể thấy phía dưới mặt đất.

Hiện thời có những kẻ khoe có Thiên Nhân, nhưng “Thiên Nhân” rất hữu hạn. Có nhiều kẻ nói thật ra chẳng hề có Thiên Nhân, nhưng tự xưng là có Thiên Nhân, chưa chắc đã là thật. Thiên Nhân thật sự thì vách tường chẳng trở ngại được, chúng ta ngồi trong nhà, người bên ngoài qua lại đều có thể thấy rất rõ ràng, đó mới là Thiên Nhân. Nếu người bên ngoài đang hoạt động tại đó mà chúng ta không biết, chẳng phải là Thiên Nhân! Thiên Nhân chẳng có chướng ngại, trông thấy tình hình dưới mặt đất.

*Lưu ly địa thượng, dĩ hoàng kim thằng, tạp xí gián thác, dĩ thất bảo giới, phân tề phân minh. Nhất nhất bảo trung, hữu ngũ bách sắc quang, kỳ quang như hoa. Hựu tự tinh nguyệt, huyền xử hư không, thành đài quang minh đài, lâu các thiên vạn, bách bảo hợp thành.*

*(Trên đất lưu ly, dùng dây bằng vàng ròng phân chia ngang dọc xen kẽ, lại dùng bảy báu để làm giới tuyến, chia thành từng khu vực phân minh. Trong mỗi món báu, có ánh sáng năm trăm màu, ánh sáng ấy như hoa, lại giống như mặt Trời, mặt trăng, treo lơ lửng trên hư không, tạo thành đài quang minh, ngàn vạn lầu gác do trăm thứ báu hợp thành).*

**Đây là sự trang nghiêm trên mặt đất. “Dĩ hoàng kim thằng, tạp xí gián thác”:** Nói về giới tuyến ngăn cách, giống như trên nền đá mài ở đây cũng có những sợi dây đồng để ngăn cách; ở đây, chúng ta chẳng dùng dây đồng, mà dùng chất plastic để ngăn thành từng ô một, đó là trang hoàng cho đẹp mắt. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhưng người ta dùng vàng ròng để làm vạch ngăn xen kẽ, chẳng như chúng ta ở đây dùng chất plastic. Mặt

**đất cối ấy bằng lưu ly, những hoa văn ngăn thành ô nơi đất trong cối ấy bằng vàng ròng, dùng vàng ròng để ngăn thành từng khu.**

*U đài lưỡng biên, các hữu bách ức hoa tràng, vô lượng nhạc khí, dĩ vi trang nghiêm.*

*(Ở hai bên đài, mỗi bên có trăm ức tràng hoa, vô lượng nhạc khí để trang nghiêm).*

Đây là thiên nhạc rền vang trên hư không. Những nhạc khí ấy chẳng cần người diễn tấu, mà có thể tự diễn tấu. Hiện thời, khoa học tiên bộ, tôi đã thấy đàn điện tử cũng chẳng cần có người diễn tấu. Nhấn bàn phím một chút, nó tự mình phát ra âm thanh, tấu đàn tại đó. Chúng ta biết tình hình ấy chẳng có gì lạ lùng, nhưng nếu đem thứ ấy đến những chỗ hẻo lánh tại Hoa Lục, trước nay họ chưa hề trông thấy, sẽ bị dọa mất hồn! Họ sẽ tưởng là quỷ đánh đàn, chẳng có ai đánh, làm sao đàn có thể vang ra tiếng được? Đó là vì kiến thức rộng hay hẹp khiến cho con người nhận biết sai lạc. Nhưng những thứ do khoa học phát minh trong hiện thời vẫn còn có phạm vi diễn tấu nhất định, vì sao? Những ca khúc diễn tấu đều được chúng ta thâm nhập vào computer, các bài nhạc do đàn tự động diễn tấu bị không chế trong ấy (trong phạm vi vận hành và bộ nhớ của computer). Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng có, chẳng cần dùng đến những thứ ấy. Vì vậy, những thứ được diễn tấu là “thuận theo tâm chúng sanh, ứng với khả năng nhận biết của họ”, thiên biến vạn hóa, chẳng bị hạn chế. Thật sự là thiên nhạc, chẳng do con người tạo ra.

***Bát chủng thanh phong, từng quang minh xuất, cổ thử nhạc khí, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã chi âm. Thị vi thủy tướng, danh đệ nhị Quán.***

*(Tám thứ gió mát từ quang minh phát ra, tấu các nhạc khí ấy, diễn nói các âm thanh Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã. Đây là thủy tướng, được gọi là phép Quán thứ hai).*

Vì sao thiên nhạc có thể vang ra tiếng? Ở đây cũng nói cho chúng ta biết: Từ trong Phật quang, sanh ra gió mát lay động nhạc khí. Nhạc khí diễn tấu Phật Pháp, giảng Kinh, thuyết pháp. Nếu chúng ta lại xét sâu hơn, những chuyện này đều do Thần lực của A Di Đà Phật biến hóa tạo ra. Không chỉ là Đức Phật Thuyết pháp, mà Ngài còn biến hiện những con chim thuyết pháp, trong phần sau chúng ta sẽ thấy hữu tình thuyết pháp. Ở đây là vô tình cũng thuyết pháp, tình và vô tình cùng diễn nói âm thanh vi diệu. Đó là sự trang nghiêm khôn sánh trong Thế Giới Tây Phương. Đó là phép Quán thứ hai. Lại xem phép Quán thứ ba là Địa Quán, hãy xem từ hàng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang một trăm năm mươi lăm.

***Thử tướng thành thời, nhất nhất quán chi, cực linh liễu liễu, bệ mục, khai mục, bất linh tán thất. Duy trừ thực thời, hằng ức thử sự. Như thử tướng giả, danh vi thô kiến Cực Lạc quốc độ.***

*(Khi tướng này đã thành, bèn quán mỗi điều sao cho tốt bậc rành rẽ. Nhắm mắt, mở mắt, chẳng bị tan mất. Chỉ trừ lúc ăn, luôn nhớ đến*

*chuyện này. Tưởng như vậy thì gọi là thấy cõi nước Cực Lạc về phần thô).*

Từ phần Kinh Văn này, chúng ta có một chút tin tức, Thế Giới Cực Lạc do tâm tưởng của chúng ta biến hiện. Thế Giới Cực Lạc là như thế, mà hết thấy các Thế Giới của mười phương chư Phật đều chẳng ra ngoài lệ ấy. Thật sự là hết thấy các pháp sanh từ tâm tưởng. Kinh luận Duy Thức đã nói: “Tâm sanh tắc chủng chủng pháp sanh, tâm diệt tắc chủng chủng pháp diệt” (Tâm sanh thì các pháp sanh, tâm diệt thì các pháp diệt), điều ấy cũng được chứng thực trong Kinh này. Thế Giới hiện thời do loạn tưởng của chúng ta biến hiện, nên Thế Giới này rất loạn. Do người trong Thế Giới này suy nghĩ lung tung, nên tưởng ra Thế Giới này cũng lộn xộn. Người trong Thế Giới Tây Phương chuyên tưởng, nên Thế Giới của họ thanh tịnh. Họ chuyên tưởng, còn chúng ta loạn tưởng, nên biến hiện hai cảnh giới chẳng giống nhau. A Di Đà Phật chuyên tưởng, hiện ra sự trang nghiêm thanh tịnh ấy. Phàm là người Vãng Sanh, cũng phải chuyên tưởng giống như A Di Đà Phật thì mới có thể hiện cảnh giới giống như vậy. Vì thế, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng thể Vãng Sanh Tịnh Độ! Dẫu niệm Phật, mỗi ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, vẫn chẳng thể Vãng Sanh. Điều kiện cơ bản để Vãng Sanh là “tâm tịnh, ắt cõi nước tịnh”, như vậy thì mới có thể cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Dưới đây là đoạn tổng kết trong trang

**một trăm năm mươi sáu. Chúng ta xem phần Kinh Văn được in theo lối đánh cách.**

*Nhược đắc Tam Muội, kiến bỉ quốc địa liễu liễu phân minh, bất khả cụ thuyết, thị vi địa tướng, danh đệ tam quán.*

*(Nếu đắc Tam Muội, sẽ thấy đất trong cõi ấy rành rẽ, phân minh, chẳng thể nói trọn. Đây là địa tướng, gọi là phép Quán thứ ba).*

Đây là tổng kết. Nhất định là phải “đắc Tam Muội”, bèn thấy rõ ràng. Chẳng đắc Tam Muội thì là “thô kiến”, tức là thấy cảnh giới tương tự. Nếu đắc Tam Muội, Tam Muội ở đây thuộc loại Niệm Phật Tam Muội, Kinh Di Đà gọi Niệm Phật Tam Muội là “nhất tâm bất loạn”. Niệm đến nhất tâm bất loạn, cảnh giới này sẽ hết sức rõ ràng, thấy rất thân thiết. Tiếp theo đây là nói đến lợi ích.

*Phật cáo A Nan: “Nhữ trì Phật ngữ, vị vị lai thế nhất thiết đại chúng dục thoát khổ giả, thuyết thị quán địa pháp. Nhược quán thị địa giả, trừ bát thập ức kiếp, sanh tử chi tội, xả thân tha thế, tất sanh tịnh quốc, tâm đắc vô nghi.*

*(Phật bảo A Nan: - Ông hãy vâng giữ lời Phật, hãy vì hết thảy đại chúng muốn thoát khổ trong đời vị lai mà nói phép quán đất này. Người quán đất này, sẽ trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, khi xả báo thân, ắt sanh về cõi tịnh, tâm chẳng ngờ vực).*

Chú giải đoạn này, lời Sớ do Trí Giả Đại Sư nói. Trí Giả Đại Sư là một vị tu hành chứng quả, chắc chắn sẽ chẳng nói sai lầm. Tại Trung

Hoa, các đời đều truyền tụng Trí Giả Đại Sư là Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân tái lai. Nếu lời này là thật, những gì Trí Giả Đại Sư đã nói chính là lời Phật nói. “Sớ vân: Tiền thủy thị tướng, bất năng diệt tội” (Sớ rằng: “Phép quán tướng nước trong phần trước chẳng thể diệt tội”). Những phép quán mặt Trời và quán nước trong phần trước là do tướng tượng biến hiện ra, chẳng thể diệt tội. Vì sao? Những tướng ấy hoàn toàn là huyễn tướng, mở mắt, các tướng ấy ở trước mặt; nhắm mắt, các tướng ấy cũng ở trước mặt. “Địa quán thị thật, cố năng đoạn trừ dã” (Quán đất là thật, nên có thể đoạn trừ). Thật ra, cũng chẳng thể nói điều đó là chân thật, “thật” chẳng thể coi là chân thật, bởi lẽ, những gì có hình tướng đều là hư vọng. Thực tại là chúng ta có “thật cảm”, tức là có cảm xúc nhận thấy chúng dường như là có thật, giống như nay chúng ta thấy đại địa, thấy bàn, ghế, ghế dài, đưa tay sờ mó bèn có cảm nhận chúng là chân thật, nhưng chúng có phải là thật hay không? Chẳng phải là thật, có ý nghĩa này. Chẳng giống như tâm tưởng thấy mặt Trời, quý vị thấy, nhưng người khác chẳng thấy. Quý vị mở mắt vẫn thấy, mà nhắm mắt cũng thấy, nhưng người khác mở mắt hay nhắm mắt đều chẳng thấy, tuy ở cùng một chỗ mà đều chẳng thấy. Vì thế, những phép Quán mặt Trời và nước chẳng thể diệt tội. Còn trong phép quán đất này, có cảm nhận chân thật, công phu sâu hơn những phép Quán trước, vì người ấy (người tu Quán) đã đắc Tam Muội, đương nhiên là diệt tội.

Tôn Giả Tứ Minh chú giải, tức là trong lời Sao, Ngài có nói: “Sao vân, cái thác thử phương thủy thành băng sự, dẫn thị giả tướng, cố danh

‘thô kiến’. Kim thành Tam Muội, thật kiến bỉ địa, tắc danh Thật Quán. Ngôn ‘giả tướng bất năng diệt tội’, thị Đại Sư thuận Kinh sách tấn, linh hành giả Tam Muội tức thành, toàn phi giả tướng bất năng diệt tội. Hà dĩ tri nhiên? Nhật quán thượng loại hạ hạ diệt tội chi số, khởi thô kiến địa toàn bất trừ khiên ma?” (Lời Sao viết: “Đây chính là do chuyện tướng nước đóng thành băng trong cõi này chỉ là giả tướng, nên gọi là ‘thô kiến’. Nay thành tựu Tam Muội, thật sự thấy đất trong cõi kia, nên gọi là Thật Quán. Nói ‘giả tướng chẳng thể diệt tội’ là Đại Sư thuận theo Kinh Văn để sách tấn, hòng làm cho hành giả mau chóng thành tựu Tam Muội, hoàn toàn chẳng phải là ‘giả tướng chẳng thể diệt tội’! Vì sao biết như thế? Phần Số giảng về phép quán mặt Trời còn liệt kê số lượng tội đã diệt của kẻ đã tu thành tựu phép Quán ấy ở mức độ hạ hạ. Há có phải là thấy đất về phần thô bèn hoàn toàn chẳng thể trừ diệt tội khiên ư?”). Như vậy là Trí Giả Đại Sư nói kiểu này nhằm khích lệ chúng ta tinh tấn, cũng có nghĩa là Nhật Quán thành tựu hay Thủy Quán thành tựu đều có thể Vãng Sanh. Thành tựu bất cứ phép Quán nào trong mười sáu phép Quán đều có thể Vãng Sanh, đã Vãng Sanh thì có lẽ nào chẳng diệt tội? Chỉ là mức độ diệt tội có sâu hay cạn khác nhau! Dụng ý của Trí Giả Đại Sư là mong mỗi chúng ta hãy nâng cao cảnh giới, nên Ngài nói như vậy.

***Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.***

*(Quán như vậy thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi thì là tà quán).*



Phân Sao giảng: “Quán dữ Kinh hợp, tắc xứng tánh kiến, danh vi chánh quán. Kiến tướng quai Kinh, thị phát ma sự, cố danh tà quán, hạ khứ giai nhiên” (Quán phù hợp với Kinh dạy sẽ là cái thấy xứng tánh, gọi là chánh quán. Nếu thấy các tướng mâu thuẫn với Kinh, chính là ma sự phát khởi, nên gọi là tà quán. Từ đây trở đi, đều phán định sự quán tưởng là tà hay chánh giống như vậy). Từ đây trở xuống, hễ gặp câu này thì đều có ý nghĩa này. Nói cách khác, tu hành nhất định phải căn cứ trên lý luận và phương pháp do Đức Phật đã nói trong Kinh Điển, đó là chánh xác. Nếu chúng ta tu học mâu thuẫn với lý luận trong Kinh, trái nghịch phương pháp, thì hết thấy cảnh giới đã trông thấy đều là ma cảnh. Thấy cảnh giới tương ứng với Kinh thì là cảnh giới tốt đẹp; cảnh giới chẳng tương ứng với Kinh chính là ma cảnh. Gần đây nhất, tại Hương Cảng, dường như gần đây tại Đài Loan cũng thấy có, xuất bản một tập sách nhỏ, nghe nói hiện thời còn có hình vẽ, bản tôi thấy ở Hương Cảng vẫn chưa có hình vẽ, chỉ có văn tự, không có hình minh họa. Sách ấy nói một vị Pháp Sư tại Đại Lục đến Thế Giới Cực Lạc, quay về kể lại rất nhiều chuyện trong Thế Giới Cực Lạc . Hiện thời, tập sách nhỏ ấy được lưu truyền ngày càng nhiều, càng truyền càng là ma! Gần đây nhất, tại Đại Lục cũng có. Người ở Đại Lục nhận biết sách ấy là tà tri tà kiến, chẳng cho phép lưu thông. Tôi đến Đại Lục lần này, có nghe nói sách ấy không được phép lưu thông, nhưng ở hải ngoại, lưu thông với số lượng rất nhiều!

Lần đầu tiên tôi thấy sách ấy tại Hương Cảng, Pháp Sư Sướng Hoài đưa cho tôi xem. Pháp Sư Sướng Hoài rất hoài nghi, Ngài nói: “Chỉ sợ chẳng phải là thật”. Tôi xem tập sách nhỏ ấy, vừa lật ra xem liền biết là giả, giả như thế nào? Ông ta nói Thế Giới Cực Lạc có nữ nhân, chuyện này chẳng phù hợp với Kinh. Từ câu ấy, biết sách ấy là giả trá. Ông ta nói chính mình thấy hết thấy chúng sanh trong Thế Giới Cực Lạc, tướng mạo của hết thấy mọi người đều khác nhau, đó là giả! Kinh đã dạy rõ ràng: Tới Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, tướng mạo hoàn toàn giống nhau, làm sao có thể khác nhau cho được? Vì thế, chắc chắn sách ấy lời lẽ quái gở, tà vạy, nhằm mê hoặc chúng sanh. Nghe nói hiện thời có rất nhiều người lầm mê cuốn sách ấy, chẳng tin Kinh do Đức Phật giảng, mà tin “Kinh” do ông ta nói. Như vậy thì có hỏng bét hay là không? Đúng là tin tà, chẳng tin chánh, nghe lừa, chẳng nghe theo lời khuyên, chẳng có cách nào hết! Chúng sanh tội nghiệp, nghiệp chướng nặng lắm. Từ điều này mà thấy được nghiệp chướng.

Chúng ta lại xem phần tiếp theo là phép Quán thứ tư. Phép Quán thứ tư là quán cây báu được trình bày trong trang một trăm năm mươi tám:

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: “Địa tướng thành dĩ, thứ quán bảo thụ”.***

*(Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Quán tướng đất đã thành, kế đó là quán cây báu).*

Chúng ta xem Kinh Văn trong trang một trăm năm mươi chín.

*Quán bảo thụ giả, nhất nhất quán chi, tác thất trùng hàng thụ tướng. Nhất nhất thụ, cao bát thiên do tuần, kỳ chư bảo thụ, thất bảo hoa diệp, vô bất cụ túc.*

*(Quán cây báu, quán từng điều một: Tướng bảy lớp hàng cây, mỗi cây cao tám ngàn do tuần. Các cây báu ấy, hoa và lá bằng bảy báu, không gì chẳng trọn đủ).*

Thật ra, phép Thụ Quán khá khó khăn. Càng nói đến những phép Quán về sau, cảnh giới càng thù thắng, càng vi tế, chẳng dễ gì quán tướng! Phải quán những cây ấy rành mạch, cây lại cao đến tám ngàn do tuần như thế. Một do tuần (yojana), chúng tôi nói theo cách tính nhỏ nhất, Ấn Độ nói do tuần là đơn vị đo độ dài, có đại, trung, tiểu. Đại do tuần ứng với tám mươi dặm Tàu, trung do tuần là sáu mươi dặm, tiểu do tuần là bốn mươi dặm. Tính theo tiểu do tuần, bốn mươi dặm là một do tuần. Cây cao tám ngàn do tuần, chỉ tướng độ cao ấy không thôi, e rằng đã chẳng thể tưởng nổi. Làm sao quán tướng thân, cành, lá, hoa, quả của cây ấy? Do đó, xác thực là khá khó khăn! Cổ nhân nói: “Chúng ta ở nơi đây, phạm phu tâm thô cảnh tế. Quán tướng khó thành, chẳng dễ gì quán thành công”. Lại xem những tướng kế tiếp, đó là tế tướng (tướng vi tế, tướng trạng chi tiết), hãy xem từ hàng thứ hai từ dưới đếm lên trong trang một trăm năm mươi chín.

*Nhất nhất hoa diệp.*

*(Mỗi một hoa lá).*

Mỗi đóa hoa, mỗi phiến lá.

***Tác dị bảo sắc, lưu ly sắc trung xuất kim sắc quang. Pha ly sắc trung, xuất hồng sắc quang.***

*(Có màu báu lạ. Trong màu lưu ly, hiện ra ánh sáng màu vàng ròng. Trong màu pha lê, hiện ra ánh sáng đỏ).*

Nay chúng ta gọi pha lê là thủy tinh. Thời cổ không có thủy tinh, pha lê thời đó nay gọi là “thủy tinh”, pha lê chính là thủy tinh hiện thời.

***Mã não sắc trung, xuất xa cừ quang. Xa cừ sắc trung, xuất lục trân châu quang. San hô, hổ phách, nhất thiết chúng bảo dĩ vi ánh sức. Diệu trân châu vông, di phú thụ thượng. Nhất nhất thụ thượng, hữu thất trùng vông. Nhất nhất vông gian, hữu ngũ bách ức diệu hoa cung điện, như Phạm vương cung.***

*(Trong sắc mã não, tỏa ánh sáng màu xa cừ. Trong màu xa cừ, tỏa ánh sáng màu lục trân châu. San hô, hổ phách, hết thấy các thứ báu trang hoàng chói ngời. Lưới trân châu màu nhiệm che phủ trên cây. Trên mỗi cây, có bảy tầng lưới. Nơi giữa mỗi tầng lưới, có năm trăm ức cung điện diệu hoa giống như cung điện của Phạm Vương).*

Chúng ta vừa đọc vừa tưởng tượng cảnh giới này, tưởng tượng không ra! Tuy chúng ta là phàm phu, phàm nhân Vi Đề Hy cũng là phàm phu, nhưng bà ta nghe Đức Phật nói liền thuận theo lời giảng ấy để nhập quán. Bộ Kinh này được giảng xong, phàm nhân Vi Đề Hy liền chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, đắc Lý nhất tâm bất loạn. Vị phàm nhân này thiện

căn sâu dày, tâm tinh tế, nên có thể thuận theo Kinh Văn để nhập quán, hiện thời chúng ta chẳng quán được! “Năm trăm ức cung điện diệu hoa”: Trong ấy còn có cung điện. Lại xem trang kế tiếp là trang một trăm sáu mươi mốt.

***Chư thiên đồng tử, tự nhiên tại trung.***

*(Các đồng tử cõi Trời tự nhiên ở trong ấy).*

Trong cung điện có người.

***Nhất nhất đồng tử.***

*(Mỗi một đồng tử).*

Mỗi một đứa bé trai.

***Ngũ bách ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma ni, dĩ vi anh lạc.***

*(Dùng năm trăm ức Thích Ca Tỳ Lăng Già ma ni làm anh lạc).*

Mỗi người trên thân đều trang sức bằng anh lạc. “Anh lạc” được miêu tả tỉ mỉ tới tột cùng. Trong chú giải có giải thích chữ Thích Ca Tỳ Lăng Già Ma ni (Śakrābhi Lagna mani ratna), nói đơn giản là Như Ý Bảo Châu. Xâu Như Ý Bảo Châu thành chuỗi anh lạc.

***Kỳ ma ni quang, chiếu bách do tuần, do như hòa hợp bách ức nhật nguyệt, bất khả cụ danh.***

*(Ánh sáng ma ni ấy chiếu xa một trăm do tuần, ví như hòa hợp trăm ức mặt Trời, mặt trăng, chẳng thể kể tròn).*

Sự tốt đẹp này chẳng thể diễn tả được.

*Chúng bảo gián thác, sắc trung thượng giả. Thứ chư bảo thụ, hàng hàng tương đương, điệp điệp tương thứ. Ư chúng điệp gian, sanh chư diệu hoa. Hoa thượng tự nhiên hữu thất bảo quả. Nhất nhất thụ điệp, tung quảng Chánh Đẳng nhị thập ngũ do tuần, kỳ điệp thiên sắc, hữu bách chủng hoạch.*

(Các thứ báu xen lẫn, màu sắc thuộc bậc thượng. Các cây báu ấy, từng hàng đối nhau, từng lá ngang nhau. Khoảng giữa các lá, sanh ra các loại hoa màu nhiệm. Trên hoa tự nhiên có quả bảy báu. Mỗi chiếc lá lại to rộng kích thước đến hai mươi lăm do tuần. Lá ấy có ngàn màu, có trăm đường gân).

“Hoạch” ở đây là những đường gân trên lá.

*Như thiên anh lạc. Hữu chúng diệu hoa, tác Diêm Phù Đàn kim sắc, như toàn hỏa luân, uyển chuyển điệp gian, dững sanh chư quả, như Đế Thích bình.*

(Giống như chuỗi anh lạc cõi Trời. Có các thứ hoa màu nhiệm màu như vàng Diêm Phù Đàn, giống như vòng lửa xoay tròn giữa các kẽ lá, sanh ra các thứ quả giống như cái bình của Đế Thích).

Cảnh đề quán này, đừng nói là tưởng tử mỉ chẳng nổi, ngay cả tưởng thô thiển cũng chẳng tưởng được! Trong đoạn này, Pháp Sư Đế Nhàn có giảng một vài câu, hãy xem từ dòng thứ hai đếm từ dưới lên trong trang một trăm sáu mươi hai: “Thiệt vị” (Trộm cho rằng), đây là lời của Pháp Sư Đế Nhàn. “Thụ vông phi tình pháp dã” (Lưới và cây chẳng phải là pháp hữu tình), “phi tình” là vô tình, nay chúng

ta gọi nó là vật chất, tức là hoàn cảnh vật chất, bao gồm cây báu, lưới, màn. “Đồng tử hữu tình pháp dã” (Đồng tử là pháp hữu tình), đó là người. “Kim võng gian xuất cung điện” (Nay giữa lưới, xuất hiện cung điện), đây là cây báu. Cây báu rất nhiều, phía trên che phủ lưới báu. Trong lưới tỏa ánh sáng, trong ánh sáng hiện ra cung điện. Trong cung điện có đồng tử; do đó, cung điện nơi lưới báu ấy “cung điện xuất chư đồng, tình dữ phi tình, hà thường nhất định” (trong cung điện xuất hiện các đồng tử, như vậy thì hữu tình và vô tình có bao giờ là nhất định!), hoàn toàn giống hệt cảnh giới “tình và vô tình cùng viên thành Chung Trí” trong Kinh Hoa Nghiêm. “Nhân hữu tánh cụ, cố hữu sự tạo. Tức dĩ thụ quán, lộ xuất bất tư nghị cảnh giới, phi phạm tiểu sở suy độ nhĩ” (Do tánh sẵn có đủ, nên có tạo tác nơi mặt Sự. Dùng ngay phép quán cây báu để hiển lộ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, phạm phu và Tiểu Thừa chẳng thể suy lường được). Nói thật ra, ngay cả Quyền Giáo Bồ Tát cũng than là tuyệt diệu! Cảnh giới ấy vẫn là vô lượng đức năng vốn sẵn trọn đủ trong Chân Như bản tánh. Trong khi tâm địa của chúng ta thanh tịnh, cảnh giới thù thắng nhiệm mầu ấy sẽ hiện tiền. Nay chúng ta nói đến cảnh giới này, nhưng trên thực tế, cảnh giới chẳng thể hiện tiền. Đức Phật đã giảng giải, nhưng chúng ta chẳng có cách nào tưởng tượng để quán tưởng. Đó là do phiền não, vô minh, nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, khiến cho công đức trong bản tánh chẳng thể thấu lộ! Thế nhưng cảnh giới này vẫn chưa thấm vào đâu, còn có quán cảnh mầu nhiệm hơn. Hãy xem đoạn Kinh Văn tiếp theo.

***Hữu đại quang minh, hóa thành tràng phan, vô lượng bảo cái.***

*(Có quang minh lớn, hóa thành tràng phan, vô lượng lọng báu).*

Càng chẳng thể nghĩ bàn! Trong quang minh hiện ra tràng phan, lọng báu.

***Thị bảo cái trung, ánh hiện tam thiên đại thiên Thế Giới, nhất thiết Phật sự, thập phương Phật quốc, diệc u trung hiện. Kiến thử thụ dĩ, diệc đương thứ đệ nhất nhất quán chi.***

*(Trong lọng báu ấy, hiện bóng hết thấy Phật sự trong tam thiên đại thiên Thế Giới, mười phương cõi Phật cũng hiện trong ấy. Thấy cây ấy rồi, cũng nên theo thứ tự để lần lượt quán từng điều một).*

Vì thế, nói “sinh về Thế Giới Tây Phương là sinh vào các Thế Giới của mười phương hết thấy chư Phật”, vì sao? Từ cây báu thấy trọn mười phương vô lượng vô biên Thế Giới giống như chúng ta đang xem TV trong hiện thời. Chúng ta ngồi trong nhà, những chuyện phát sanh tại nơi nào đó trên toàn Thế Giới, từ màn hình TV chúng ta đều thấy được. Trong quang minh nơi cây báu của Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, có thể thấy tận hư không khắp pháp giới hết thấy các cõi nước Phật, có thể thấy hết thấy chư Phật đang giảng Kinh, thuyết pháp, hóa độ chúng sanh trong ấy, cũng có thể thấy những chuyện vụn vặt trong cuộc sống gia đình của hết thấy chúng sanh, đều thấy toàn bộ. Vì thế, đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới tốt lắm! Chúng ta ở trong Thế Giới này, ví như quê tôi ở Đại Lục, tôi chẳng thấy người nhà, đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đều thấy, thấy hằng ngày, luôn luôn thấy, hoàn toàn chẳng có chướng



ngại. Lại còn bảo cùng quý vị, đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, không chỉ thấy Thế Giới hiện tiền này, mà quá khứ cũng thấy, vị lai cũng thấy. Mười phương ba đời, tình và vô tình thấy đều hiện trong quang minh, chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị thật sự liễu giải trạng huống trong Thế Giới Tây Phương, há có lẽ nào chẳng cầu sanh? So sánh giữa hai Thế Giới đôi chút, sẽ luôn hy vọng lập tức về ngay bên đó. Đến nơi ấy mới thật sự là hết thấy thành tựu, hết thấy thỏa nguyện. Các nguyện vọng mà tâm ta nghĩ đến đều được thực hiện, những điều chưa nghĩ đến cũng hiện tiền. Câu cuối cùng là lời tổng kết được ghi trong trang một trăm sáu mươi bốn.

***Quán kiến thụ, hành, chi, diệp, hoa, quả, giai linh phân minh, thị vi thụ tướng, danh đệ tứ quán.***

*(Quán sao cho thấy cây, thân cây, cành, lá, hoa, quả đều phân minh, đó là phép quán tướng cây báu, gọi là phép Quán thứ tư).*

Dưới đây là phép Quán thứ năm. Phép Quán thứ năm là quán ao bảy báu.

***Thứ đương tướng thủy. Dục tướng thủy giả, Cực Lạc quốc độ, hữu bát trì thủy.***

*(Kể đó là tướng nước. Muốn tướng nước thì trong cõi nước Cực Lạc có ao chứa nước tám công đức).*

“Bát trì thủy” là nước tám công đức, “bát” nghĩa là nước trong ao có tám công đức, mang ý nghĩa này. Hãy xem phần Kinh Văn kế tiếp nơi dòng thứ ba trong trang một trăm sáu mươi lăm.

*Nhất nhất trì thủy, thất bảo sở thành. Kỳ bảo nhu nhuyễn, tùng Như Ý Châu Vương sanh, phân vi thập tứ chi. Nhất nhất chi tác thất bảo diệu sắc, hoàng kim vi cừ. Cừ hạ giai dĩ tạp sắc kim cang dĩ vi đề sa, nhất nhất thủy trung, hữu lục thập ức thất bảo liên hoa. Nhất nhất liên hoa, đoàn viên Chánh Đẳng thập nhị do tuần.*

*(Nước trong mỗi ao do bảy báu hợp thành, các thứ báu ấy mềm mại, từ Như Ý Châu Vương sanh ra, chia thành mười bốn nhánh. Mỗi nhánh có màu sắc đẹp đẽ của bảy thứ báu. Vàng ròng làm thành ao, dưới đáy ao đều dùng kim cang nhiều màu để làm cát phủ đáy. Trong mỗi ao có sáu mươi ức hoa sen bằng bảy báu. Mỗi đóa hoa sen tròn trặn, to bằng mười hai do tuần).*

Dạy chúng ta hãy quán ao bảy báu. Ao có lớn, nhỏ, vuông, tròn. Những ao bảy báu giống như vậy trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cũng là vô lượng vô biên. Thế Giới Tây Phương thuộc loại Pháp Tánh Độ, thật sự chẳng thể nghĩ bàn. Do đó, xưa nay, kẻ hoài nghi Thế Giới Tây Phương rất nhiều. Chúng sanh trong mười phương Thế Giới đều Vãng Sanh Thế Giới Tây Phương, rốt cuộc Thế Giới Tây Phương lớn cỡ nào? Có thể dung nạp hay chẳng? Nhất là xem từ Kinh Điển, người trong Thế Giới Tây Phương thân tướng lớn như vậy, cây cối cũng to như vậy, nơi ấy phải lớn cỡ nào thì mới có thể dung nạp được? Vì lẽ đó, vọng niệm ngày càng nhiều hơn. Bất luận người ấy tưởng tượng như thế nào, cũng chẳng có cách nào tưởng tượng trạng huống trong Tây Phương Cực

Lạc Thế Giới, mà cũng chẳng có cách nào chứng thực. Đó là do chẳng hiểu căn cứ lý luận. Chẳng giống các cõi nước của chư Phật trong mười phương Thế Giới, chúng ta thường nói các Thế Giới ấy do Pháp Tướng tạo thành, chúng là Pháp Tướng độ, còn Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là Pháp Tánh độ. Như Kinh Hoa Nghiêm đã nói, Pháp Tánh là “một và nhiều vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại”; pháp tướng thì có chướng ngại.

**Hết thấy các vật chất trong cõi chúng ta do đâu mà có? Quá trình biến hiện của chúng là do một niệm bất giác mà có vô minh. Từ vô minh sanh ra ba tướng vi tế là Nghiệp Tướng, Chuyển Tướng, Cảnh Giới Tướng. Nghiệp Tướng là tướng động, Kinh Lăng Nghiêm nói bản tánh của nó là “bất thủ tự tánh”, chẳng tuân giữ tự tánh bèn là Nghiệp Tướng của A Lại Da Thức. Do không tuân giữ tự tánh, bèn lập tức biến thành Kiến Tướng, biến thành Năng Kiến (cái chủ thể có thể thấy), tức là nói đến Kiến Phần trong bốn phần . Nếu Kiến Phần muốn thấy, sẽ biến thành Tướng Phần. Tướng do đâu mà có? Tướng do Kiến Phần biến ra. Nguyên lý của mười sáu phép Quán được căn cứ trên điều này, quý vị nhất tâm nhất ý muốn thấy, tướng liền hiện ra. Do vậy, vật chất do đâu mà có? Vật chất từ tinh thần biến hiện, tâm và vật có cùng một nguồn. Tinh thần và vật chất đều biến hiện từ tự tánh. Không chỉ Tướng Phần là hư vọng, mà Kiến Phần cũng là hư vọng. Kiến Phần là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, hai mươi bốn pháp bất tương ứng, những thứ này đều thuộc về Kiến Phần.**

**Tướng Phần gồm mười một sắc pháp. Hai pháp sắc và tâm đều là vật được biến hiện bởi tự tánh. Đó là nói theo pháp tướng. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là pháp tánh; do đó, cảnh giới này là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn.**

Nếu trong tương lai, trong khi chúng ta niệm Phật, niệm Phật đến mức tâm thanh tịnh, duyên chín muồi, Phật lực gia trì, chúng ta thấy cảnh giới này; sau khi đã thấy, nhất định phải tưởng giống hệt như trong Kinh đã nói. Quý vị thấy nước trong ao bảy báu hoàn toàn giống như Kinh đã nói, chẳng có mâu thuẫn! Đó là cảnh giới tốt đẹp, đó là chánh quán. Nếu ta thấy khác với Kinh nói, hãy nghĩ xem Kinh dạy nước trong ao bảy báu do đâu mà có? Giống như trong cõi này, giống như nước suối phun ra, Như Ý Châu là nguồn nước. Sau khi từ nguồn nước ấy phun ra, nước sẽ tách thành mười bốn nhánh. Nếu quý vị thấy là mười ba nhánh tức là không đúng, chẳng phù hợp. Nếu thấy mười lăm nhánh hoặc mười sáu nhánh, cũng trật lộn! Quyết định là mười bốn nhánh, quyết định chẳng sai! Đây mới là thật sự thấy Tịnh Độ, đó là chánh quán. Nếu chẳng phải là như vậy, sẽ là tà quán, sai mất rồi. Nước chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta lại xem Kinh Văn trong trang một trăm sáu mươi bảy.

***Kỳ ma ni thủy, lưu chú hoa gian, tâm thụ thượng hạ.***

*(Nước ma ni ấy chảy rót vào trong hoa, lên xuống theo thân cây).*

Cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn. Ở nơi đây, chúng ta chỉ thấy nước chảy xuống, chẳng thấy nước chảy ngược lên. Nước bên cõi kia có

thể lên cao, xuống thấp, không chỉ chảy xuống, mà còn chảy ngược lên trên, hết sức đẹp mắt.

***Kỳ thanh vi diệu.***

*(Âm thanh ấy vi diệu).*

Nước không chảy sẽ chẳng có âm thanh. Nước vừa chảy bèn có âm thanh, âm thanh ấy lại thuyết pháp.

***Diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, chư Ba La Mật.***

*(Diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, các Ba La Mật).*

Phần Kinh Văn này nằm trong hàng thứ hai trang một trăm sáu mươi tám. Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã là pháp Tiểu Thừa. Như chúng ta là phàm phu hoặc Tiểu Thừa phát tâm, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, chẳng đoạn phiền não, tập khí, nghe Phật, Bồ Tát, tình và vô tình thuyết pháp, quá nửa là nói những pháp này, giúp cho chúng ta chuyển phiền não thành Bồ Đề, nên nghe những pháp ấy. Nếu là chúng sanh căn tánh viên đốn, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, họ sẽ nghe pháp là các Ba La Mật. Do đó, câu này nói chung về Phật Pháp Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, chắc chắn là ứng cơ thuyết pháp. Ta muốn nghe pháp gì, tức là ta cần thiết, mong được nghe pháp ấy, sau khi đã nghe bèn đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp), chẳng thể nghĩ bàn!

***Phục hữu tán tán chư Phật tướng hảo giả. Như Ý Châu Vương  
dũng xuất kim sắc vi diệu quang minh, kỳ quang hóa vi bách bảo sắc  
điều, hòa minh ai nhã, thường tán niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.***

*(Lại có âm thanh tán thán tướng hảo của chư Phật. Như Ý Châu Vương tỏa ra quang minh sắc vàng vi diệu. Quang minh ấy hóa thành các loài chim có màu như trăm thứ báu, hòa tiếng hát Thánh thốt, du dương, thường ca ngợi niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).*

Cảnh giới này hoàn toàn giống như Tiêu Bản A Di Đà Kinh và Kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Lời chú giải khá hay, tuy vẫn tự không nhiều, nhưng chú giải khá tỉ mỉ, chư vị đồng tu có thể dùng làm tài liệu tham khảo. Cuối cùng là lời tổng kết trong trang một trăm sáu mươi chín.

***Thị vi bát công đức thủy tướng, danh đệ ngũ quán.***

*(Đó là phép tướng nước tám công đức, gọi là phép Quán thứ năm).*

Dưới đây là phép Quán thứ sáu, Tổng Quán, hãy xem từ dòng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang một trăm bảy mươi.

***Chúng bảo quốc độ, nhất nhất giới thượng, hữu ngũ bách ức bảo lâu.***

*(Trong cõi nước bằng các thứ báu, nơi mỗi khu vực có năm trăm ức bảo lâu báu).*

Đây là nói tới lầu gác.

***Kỳ lâu các trung, hữu vô lượng chư thiên tác thiên kỹ nhạc. Hựu hữu nhạc khí huyền xử hư không như thiên bảo tràng, bất cổ tự minh. Thử chúng âm trung, giai thuyết niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ Kheo Tăng.***

*(Trong các lầu gác ấy, có vô lượng chư thiên trời kỹ nhạc cõi Trời. Lại có nhạc khí treo lơ lửng trên hư không như tràng báu cõi Trời, không đánh mà tự kêu. Trong các âm thanh ấy, đều nói niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ Kheo Tăng).*

Đây là lầu báu, trong lầu gác có âm nhạc diễn tấu. Bên ngoài lầu gác có thiên nhạc, những thứ âm nhạc ấy đều đang thuyết pháp. Giảng Kinh, thuyết pháp nghe hồi lâu sẽ khô khan, vô vị, nên lại kèm theo ca múa, vì thế, trong khi giải trí người trong cõi Cực Lạc được huân tu Phật Pháp. Do đó, nếu nói theo cách hiện thời, giáo học tại Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là nghệ thuật. Có thể nói là Thế Giới Tây Phương đã vận dụng nghệ thuật đạt đến tột đỉnh. Vì thế, kẻ thích ca hát, thích nhảy múa, thích xem tuồng, hãy đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Thế Giới Tây Phương kèm theo ca múa, hoàn toàn khác Tiểu Thừa, Tiểu Thừa cấm ngặt xem, nghe. Thế Giới Tây Phương khắp nơi đều là như vậy, lúc nào cũng đều có thể thấy, lúc nào cũng đều có thể nghe. Nội dung thuần túy là Phật Pháp.

Trong Đại Tạng Kinh có kịch bản, ca phổ đã thất truyền, nhưng ca từ vẫn còn. Tôi thấy trong tập thứ hai của Trung Hoa Đại Tạng Kinh có không ít bản ca từ, đều để hát, tức là lời bài hát, nội dung hết sức phong phú, còn kịch là kịch bản của Bình Kịch, tức Quy Nguyên Kính. Có lần tôi xuống phương Nam, thấy Đài Trung Liên Xã in thành bản lưu hành riêng, lúc đó, tôi thấy vậy rất hoan hỷ, xin họ mười mấy bản mang về. Hai mươi mấy năm trước, tôi đã từng xem Quy Nguyên Kính, nội dung

trong ấy là chuyện về Tịnh Độ Tông Huệ Viễn Đại Sư, đó là đoạn thứ nhất. Đoạn thứ hai là chuyện về Vĩnh Minh Diên Thọ Đại Sư; đoạn cuối cùng là chuyện của Liên Trì Đại Sư. Sự xuất gia, tu hành, hoằng pháp của các Ngài đều được đưa lên sân khấu biểu diễn. Lời ca cũng viết rất hay, do người thưở trước biên soạn, họ đã đưa Phật Pháp lên biểu diễn trên sân khấu. Khi ấy, tôi đọc tác phẩm đó xong, đã có ý nghĩ: Nếu các đồng tu đang học kịch nghệ, thật sự chịu phát tâm, biên soạn Đại Tạng Kinh thành kịch bản truyền hình, chiếu trên đài truyền hình, sẽ khiến cho ai nấy đều học Phật tại nhà mà vẫn chẳng biết, phương pháp này hay lắm.

**Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đã vận dụng hết thủy Phật Pháp vào phương thức ca kịch để giáo hóa chúng sanh. Vì lẽ đó, học Phật trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là sống động, chẳng khô khan như vậy. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật khá vất vả, học Phật trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là học tập có thể kèm theo ca vũ. Chúng ta đọc cho hết đoạn cuối, đoạn này là kết thúc.**

*Thử tưởng thành dĩ, danh vi thô kiến Cực Lạc Thế Giới, bảo thụ, bảo địa, bảo trì. Thị vi tổng quán tưởng, danh đệ lục quán.*

*(Tưởng này đã thành thì gọi là thấy Thế Giới Cực Lạc về phần thô, tức là thấy cây báu, đất báu, ao báu. Đây chính là phép tổng quán, gọi là phép Quán thứ sáu).*

Kê đó, còn có một đoạn là phần Lợi Ích, xem hàng thứ hai trong trang một trăm bảy mươi hai.



*Nhược kiến thử giả, trừ vô lượng ức kiếp cực trọng ác nghiệp, mạng chung chi hậu, tất sanh bỉ quốc. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.*

*(Nếu thấy những điều này, sẽ trừ ác nghiệp cực nặng trong vô lượng ức kiếp. Sau khi mạng chung, ắt sanh về cõi ấy. Quán như vậy thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi thì là tà quán).*

Được rồi! Chúng tôi giảng tới chỗ này.

## TẬP 23

Xin xem trang một trăm bảy mươi hai, hàng cuối cùng. Phép Quán thứ bảy là quán chánh báo, đây là Hoa Tòa Quán.

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Để thính, để thính, thiện tư niệm chi! Ngô đương vị nhữ phân biệt, giải thuyết trừ khổ não pháp, nhữ đẳng ức trì, quảng vị đại chúng phân biệt giải thuyết.***

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Ta nay sẽ vì các người phân biệt, giải thích pháp trừ khổ não. Các người hãy ghi nhớ, vâng giữ, rộng vì đại chúng phân biệt, giải thích).*

Trong đoạn Kinh Văn này, “để thính” là Văn Huệ, “thiện tư” là Tư Huệ, “niệm chi” là Tu Huệ, Tam Huệ Văn, Tư, Tu. Kinh đã nói minh bạch “trừ khổ não pháp”. Mọi người đều cảm thấy rất khổ não. Làm thế nào để diệt trừ pháp khổ não? Trong chương này, Đức Phật sẽ dạy chúng ta pháp trừ khổ não. Nếu chúng ta học hiểu, sẽ cũng có thể diệt trừ khổ não giống như bà Vi Đề Hy. Hãy xem Kinh Văn:

***Thuyết thị ngữ thời, Vô Lượng Thọ Phật trụ lập không trung. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, thị nhị Đại Sĩ thị lập tả hữu, quang minh xí thịnh, bất khả cụ kiến, bách thiên Diêm Phù Đà kim sắc, bất đắc vi tỷ.***

*(Lúc nói lời ấy, Vô Lượng Thọ Phật đứng trên không trung. Hai vị Đại Sĩ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đứng hầu hai bên, quang minh chói*

*lợi, chẳng thể thấy trọn. Màu sắc của trăm ngàn vàng Diêm Phù Đà chẳng thể sánh bằng).*

Trong Kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn đã dạy A Nan và đại chúng: Nếu muốn thấy A Di Đà Phật, hãy nên nhất tâm đánh lễ, khen ngợi, A Di Đà Phật liền hiện tiền. Ở đây, trong phần trước, Đức Phật dùng Thần lực thị hiện các cõi Phật cho phu nhân Vi Đề Hy thấy. Kinh giảng đến chỗ này, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, tức Tây Phương Tam Thánh hiện thân ở nơi đây, đều nhằm chứng minh cho chúng ta thấy tánh chất chân thật của bộ Kinh này. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, những người thấy khi ấy, không kể hàng Bồ Tát, chỉ tính riêng đại chúng dự hội, chư thiên cũng không tính, khi chỉ tính riêng nhân gian, bèn có hai vạn người tham dự pháp hội ấy. Tỳ Kheo xuất gia là một vạn hai ngàn người, tức là Cư sĩ, quốc vương, đại Thần... nói đúng ra là hơn hai vạn người. Ở đây là hoàng cung, nhằm lúc phu nhân Vi Đề Hy bị giam cầm, trong cung chỉ có năm trăm cung nữ hầu hạ hoàng hậu. Những người thấy Tây Phương Tam Thánh ở đây là A Nan, Mục Liên, phu nhân Vi Đề Hy và năm trăm cung nữ. Do đó, cũng chẳng phải là một người thấy, mà là đại chúng thấy, chúng ta phải nên tin tưởng. Chớ nên nghĩ: Kinh viết như vậy, nhưng ta chẳng thấy, những gì bản thân chúng ta chẳng thấy nhiều lắm! Người đông ngàn ấy trông thấy, chúng ta hãy nên tin sâu, chẳng ngờ. Tây Phương Thế Giới Di Đà Tam Thánh quyết định chẳng phải là giả. Chúng ta xem Kinh Văn:

*Thời Vi Đề Hy kiến Vô Lượng Thọ Phật dĩ, tiếp túc tác lễ, bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim nhân Phật lực cố, đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ Tát, vị lai chúng sanh đương vân hà quán Vô Lượng Thọ Phật cập nhị Bồ Tát.*

*(Khi ấy, Vi Đề Hy thấy Vô Lượng Thọ Phật rồi bèn làm lễ áp sát chân Phật, bạch Đức Phật rằng: “Bạch đức Thế Tôn! Con nay do Phật lực nên được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát. Chúng sanh trong đời mai sau hãy nên quán Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Bồ Tát như thế nào?”)*

**Vi Đề Hy phu nhân thấy Tây Phương Tam Thánh liền lập tức đánh lễ, “tiếp túc tác lễ” là cách đánh lễ cung kính nhất. Trong chú giải đã nói rõ, chẳng phải là bà ta lễ bái Tây Phương Tam Thánh, mà là lễ bái Thích Ca Mâu Ni Phật, nên trong những câu tiếp đó, bà ta thưa hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật. Bà ta thấy Tây Phương Tam Thánh, chúng sanh trong đời tương lai phải như thế nào thì mới có cơ duyên được Phật lực gia trì thấy Tây Phương Tam Thánh giống như tôi? Có thể thấy phu nhân tâm lượng khác hẳn vua Tần Bà Sa La, chính mình vừa mới đạt được lợi ích, đã ngay lập tức nghĩ đến hết thấy chúng sanh. Không chỉ nghĩ đến chúng sanh thuở ấy, mà còn nghĩ đến chúng sanh trong đời tương lai sau này, điều này đáng để chúng ta học tập, đáng cho chúng ta làm theo. Đó là tâm Đại Thừa, là Bồ Đề tâm. Chúng ta xem Kinh Văn:**

***Phật cáo Vi Đề Hy: - Dục quán bỉ Phật giả, đương khởi tướng niệm, ư thất bảo địa thượng, tác liên hoa tướng.***

*(Đức Phật bảo bà Vi Đề Hy: “Muốn quán Đức Phật ấy, hãy nên dấy lên tướng niệm, trên đất bảy báu, tướng có hoa sen).*

Đây là dạy chúng ta phương pháp quán tướng Phật, Bồ Tát. Hãy xem Kinh Văn:

***Linh kỳ liên hoa nhất nhất diệp thượng, tác bách bảo sắc. HỮU bát vạn tứ thiên mạch, do như thiên họa. Mạch hữu bát vạn tứ thiên quang, liễu liễu phân minh, giai linh đặc kiến. Hoa diệp tiểu giả, tung quảng nhị bách ngũ thập do tuần, như thị liên hoa, cụ hữu bát vạn tứ thiên diệp.***

*(Sao cho hoa sen ấy mỗi cánh có màu của trăm thứ báu. Hoa có tám vạn bốn ngàn mạch, giống như nét vẽ cõi Trời. Mỗi mạch có tám vạn bốn ngàn ánh sáng, đều quán sao cho thấy rành rẽ, rõ ràng. Cánh hoa nhỏ có kích thước là hai trăm năm mươi do tuần. Hoa sen như thế có tám vạn bốn ngàn cánh).*

Phần trước là nói đến quán Phật, nay là trước hết quán từ hoa sen. Trước hết, quán tòa sen báu của Đức Phật, quán bắt đầu từ chỗ này. Lại xem Kinh Văn trong trang một trăm bảy mươi sáu.

***Nhất nhất diệp gian.***

*(Trong mỗi cánh hoa).*

Đây là khoảng giữa cánh hoa sen và lá sen.

***Hữu bách ức ma ni châu vương dĩ vi ánh sức, nhất nhất ma ni châu, phóng thiên quang minh. Kỳ quang như cái, thất bảo hợp thành, biến phú địa thượng.***

*(Có trăm ức ma ni châu vương trang hoàng chói lọi, mỗi một viên ma ni châu tỏa ra ngàn tia quang minh. Quang minh ấy như cái lọng do bảy báu hợp thành, che khắp mặt đất).*

Đây là nói sự trang nghiêm trên bản thể của hoa. Ở khoảng giữa hoa và lá giao nhau, còn có nhiều thứ trên bảo trang hoàng. Đã thế, thứ nào cũng đều phóng quang, mỗi viên ma ni châu đều tỏa ánh sáng. Nói thật ra, hoa cũng tỏa ánh sáng, mà lá cũng tỏa ánh sáng.

***Thích Ca Tỳ Lãng Già bảo dĩ vi kỳ đài.***

*(Dùng báu Thích Ca Tỳ Lãng Già làm đài hoa).*

Trong phần trước, chúng ta đã thấy chất báu này, nó là Như Ý bảo.

***Thử liên hoa đài, bát vạn kim cang Chân Thúc Ca bảo, phạm ma ni bảo, diệu trân châu vông, dĩ vi hiệu sức.***

*(Đài sen ấy được trang hoàng bằng tám vạn kim cang Chân Thúc Ca bảo, Phạm ma ni bảo và lưới trân châu màu nhiệm).*

“Hiệu sức” là trang hoàng trên đài sen. Trong phần sau có chú giải về Chân Thúc Ca (Kimsuka), đó là một chất báu có màu đỏ. Lại xem Kinh Văn.

***Ư kỳ đài thượng, tự nhiên nhi hữu tứ trụ bảo tràng, nhất nhất bảo tràng, như bách thiên vạn ức Tu Di sơn, tràng thượng bảo mạn,***

***như Dạ Ma thiên cung. Phục hữu ngũ bách ức vi diệu bảo châu, dĩ vi ánh sức. Nhất nhất bảo châu, hữu bát vạn tứ thiên quang. Nhất nhất quang, tác bát vạn tứ thiên dị chủng kim sắc.***

*(Trên đài ấy, tự nhiên có bốn trụ tràng báu. Mỗi một tràng báu như trăm ngàn vạn ức núi Tu Di. Trên tràng giảng màn báu như cung Trời Dạ Ma. Lại có năm trăm ức bảo châu vi diệu trang hoàng chói ngời. Mỗi một bảo châu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng; mỗi một tia sáng có tám vạn bốn ngàn màu vàng khác loại).*

Nhìn từ đoạn Kinh Văn này, trước hết nói rõ màu sắc và số lượng hoa sen, sau đó mới nói tới quang minh của các bảo châu trong hoa. Rồi lại quán đài hoa, lưới báu, lại nhìn thấy những thứ trang sức trên đài hoa. Những thứ trang sức trên đài sen gồm có tràng báu, bảo châu, đều tỏa quang minh. Đoạn kế tiếp trong trang một trăm bảy mươi tám nhằm nói về tác dụng của nó.

***Nhất nhất kim sắc, biến kỳ bảo độ, xú xú biến hóa, các tác dị tướng, hoặc vi kim cang đài, hoặc tác trần châu võng, hoặc tác tạp hoa vân, u thập phương diện tùy ý biến hiện, thi tác Phật sự. Thị vi hoa tòa tướng, danh đệ thất quán.***

*(Mỗi một sắc vàng trọn khắp cõi ấy, biến hóa khắp nơi, ở mỗi nơi đều hiện tướng lạ: Hoặc là đài kim cang, hoặc biến thành lưới trần châu, hoặc thành mây các loại hoa, tùy ý biến hiện trong mười phương, thực hiện Phật sự. Đó là quán tướng hoa tòa, là phép Quán thứ bảy).*

Ở đây, có một câu phải đặc biệt chú ý. Trong phần trước, tôi đã nói các thứ trang nghiêm, nhưng vẫn chưa nói đến tượng Phật, chỉ là nhìn vào hoa sen, tòa sen, đài sen của Đức Phật mà thôi. Câu “thi tác Phật sự” rất trọng yếu. “Phật sự” là giáo hóa chúng sanh, giúp chúng sanh phá mê, khai ngộ, lìa khổ, được vui, đó là Phật sự. Tòa sen của Phật trang nghiêm như vậy. Hoa sen cũng có thể khiến cho chúng sanh thấy sắc, nghe tiếng, trông thấy quang minh ấy đều có thể diệt tội, tăng phước, đều có thể phá mê, khai ngộ. Đó mới là hiển thị y báo và chánh báo trang nghiêm chẳng thể nghĩ bàn trong Thế Giới Tây Phương. Đoạn Kinh Văn kế tiếp cho chúng ta biết những thứ trang nghiêm ấy do đâu mà có, xin hãy xem Kinh Văn.

***Phật cáo A Nan: - Như thị diệu hoa, bốn thị Pháp Tạng Tỳ Kheo nguyện lực sở thành.***

*(Phật bảo A Nan: - Hoa màu nhiệm như thế vốn do nguyện lực của Tỳ Kheo Pháp Tạng tạo thành).*

Do đó, quy kết về cuối cùng, vẫn là do bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật thành tựu. Từ Kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy Đức Phật đã phát nguyện, năm kiếp tu hành, thành tựu trang nghiêm Thế Giới. Trong Kinh này, những gì chúng ta được đọc và trông thấy đều do bốn mươi tám nguyện thành tựu. Hãy xem trang một trăm bảy mươi chín.

***Nhược dục niệm bỉ Phật giả, đương tiên tác thử hoa tòa tướng.***

*(Nếu muốn niệm Đức Phật ấy, trước hết hãy nên tưởng hoa tòa này).*



“Niệm” ở đây là quán tưởng niệm Phật, trước khi chưa quán tượng Phật, hãy quán hoa tòa trước.

*Tác thử tưởng thời, bất đắc tạp quán, giai ưng nhất nhất quán chi, nhất nhất diệp, nhất nhất châu, nhất nhất quang, nhất nhất đài, nhất nhất tràng, giai linh phân minh, như u kính trung, tự kiến diện tượng. Thử tưởng thành giả, diệt trừ ngũ vạn ức kiếp sanh tử chi tội, tất định đương sanh Cực Lạc Thế Giới. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.*

*(Khi quán tưởng phép này, chớ nên tạp quán, hãy đều nên quán từng điều một. Mỗi một cánh hoa, mỗi một viên châu, mỗi một ánh sáng, mỗi một đài, mỗi một tràng đều quán phân minh, như từ trong gương, tự thấy vẻ mặt. Phép quán tưởng này đã thành, sẽ diệt trừ tội trong năm vạn ức kiếp sanh tử, nhất định trong tương lai sẽ sanh về Thế Giới Cực Lạc. Quán như vậy thì là chánh quán. Nếu quán khác đi sẽ là tà quán).*

Trong phần chú giải cho đoạn này có mấy câu, chúng ta đọc xong liền hiểu rõ, lại còn biết tầm quan trọng của sự chuyên nhất trong tu học. “Thủ cú niệm, tác quán khán” (Hãy nên hiểu chữ Niệm trong câu đầu tiên là Quán), đó là Quán Tưởng Niệm Phật. “Quán tưởng tu chuyên, nhất, bất khả giáp tạp, thiếu nhất bất thận, quán tức bất thành” (Quán tưởng thì cần phải chuyên, chẳng được xen tạp. Hễ chẳng cần thận một chút, sẽ chẳng quán thành công). Cảnh giới được giảng trong Kinh quả thật quá vi tế. Suy gẫm lời cổ nhân, chúng ta sẽ nhận thấy tâm chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề quá thô thiên, cảnh giới quá vi tế, quán tưởng rất khó thành

tự! Càng về sau, sự quán tưởng càng tinh tế, đối với đài hoa mà chúng ta đã chẳng có cách nào quán tưởng, phần sau lại nói tới Thánh tượng, càng chẳng dễ dàng, càng khó khăn! Ở đây, chúng ta biết một nguyên tắc là “phải chuyên”, quyết định chẳng thể xen tạp. Nói thật ra, chúng ta tu học hiện thời phạm lỗi lầm lớn nhất là xen tạp; vì thế, tu học đã lâu mà chẳng thể thành tựu. Đọc Kinh, đọc lời khai thị của cổ đức, tuy các Ngài luôn luôn nhắc nhở, chỉ dạy chúng ta như vậy, nhưng chúng ta rất hàm hồ, lơ mơ đọc lướt qua, chẳng biết mỗi quan hệ có tánh chất trọng yếu giữa câu nói ấy và sự thành bại trong sự tu học suốt một đời chúng ta.

Niệm Phật là một trong mười sáu phép Quán. Ở đây nói đến “chẳng thể xen tạp”, niệm Phật cũng vậy, cũng chẳng thể xen tạp. Do vậy, tôi dạy các đồng tu phương pháp, quý vị phải thật sự chịu làm. Nói thật thà thì công phu cũng chưa tới ba năm hoặc năm năm đều có thể làm được, tu mà không đến mức ấy tức là chính quý vị sai lầm. Do đó, một câu Phật hiệu quyết định chẳng thể gián đoạn, chẳng thể xen tạp, trong ba năm hay năm năm chắc chắn sẽ thành tựu. Không xen tạp là công phu chân chánh, khởi một niệm là xen tạp. Hễ xen tạp, tất nhiên là gián đoạn, gián đoạn bèn xen tạp; chẳng phải là xen tạp vọng tưởng, thì là xen tạp vô minh. Tâm ấy chẳng thể chuyên nhất, ở đây nói là “thiếu nhất bất thiện, quán tức bất thành” (hễ chẳng cẩn thận đôi chút, phép Quán ấy sẽ chẳng thể thành). Hơi thiếu cẩn thận, công phu bị mất đi. Do đó, trước hết khuyên chư vị niệm Kinh, niệm Kinh nhuần nhuyễn, niệm đến mức có thể đọc thuộc lòng. Đọc thuộc lòng rất thuần thực, sau đây mới bắt đầu tu hành.

Tu hành thì phải là niệm bộ Kinh này từ đầu đến đuôi, chẳng thể có một vọng tưởng. Kinh này không dài, chúng ta chọn Kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng dài! Khi niệm đến mức có thể đọc thuộc lòng, niệm bộ Kinh này từ đầu đến cuối một lượt cũng chẳng lâu hơn nửa giờ. Trong nửa giờ, chẳng khởi một vọng niệm, công phu ấy cũng khá lắm. Nếu dấy lên vọng niệm sẽ chẳng tính, lượt tụng Kinh ấy chẳng tính, lại niệm từ đầu đến cuối, xem thử mỗi ngày có thể niệm mấy bộ.

**Nếu một ngày có thể niệm năm bộ, hoặc mười bộ đều chẳng dấy vọng niệm, xét theo Ngũ Nhân Bồ Tát, quý vị đã đắc môn thứ nhất là Phục Nhẫn; trong Tịnh Độ nói đó là “công phu thành phỉn”. Sau đó, quý vị chẳng niệm Kinh, mà chuyên niệm một câu Phật hiệu A Di Đà Phật là được rồi. Đây là “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”, công phu mới đắc lực! Công phu niệm Phật hiệu của chúng ta chẳng đắc lực là do vừa niệm Phật, vừa dấy vọng tưởng, xen tạp. Vì vậy, “quán tức bất thành” (quán cũng chẳng thành); Niệm Phật cũng là Quán, cho nên cũng chẳng thể thành tựu, đạo lý ở chỗ này. Nếu niệm thành công, liền diệt tội; chư vị biết tội là gì vậy? Tội là vọng tưởng, chẳng có vọng tưởng, đương nhiên tội tiêu diệt. Tội đã diệt, tâm liền thanh tịnh, tâm thanh tịnh là phước. Tâm thanh tịnh khởi tác dụng là huệ, phước huệ đều hiện tiền, há có lẽ nào chẳng sanh về Tây Phương? Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp. Đoạn kế tiếp quan trọng lắm. Đó là phép quán thứ tám, tức Thánh Tượng Quán.**

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: Kiến thử sự dĩ.***

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Trông thấy chuyện ấy rồi).*

“Kiến thử sự dĩ” là nói đến đài hoa trên hoa sen.

***Thứ đương tướng Phật, sở dĩ giả hà? Chư Phật Như Lai thị pháp giới thân, nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung. Thị cố nữ đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo, thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật. Chư Phật Chánh Biến Tri hải, tòng tâm tướng sanh.***

*(Kể đó, hãy nên tướng Phật. Do vì lẽ nào? Chư Phật Như Lai là pháp giới thân vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, khi tâm các người tướng Phật, tâm này chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tâm này làm Phật, tâm này là Phật. Biến Chánh Biến Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng).*

Trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ, tốt nhất là phải niệm thuộc lòng đoạn Kinh Văn này, đoạn Tam Phước trong phần trước cũng phải niệm thuộc, đoạn này phải niệm thuộc. Nói thật ra, Tam Phước chính là Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta: Con đường để phàm phu tu học thành Phật phải đi như thế nào! Quý vị chẳng nhớ, thì làm sao được? Đoạn này nói về lý luận thành Phật: Vì sao niệm Phật có thể thành Phật? Bất luận quý vị tu Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, hay Thật Tướng Niệm Phật, lý luận đều ở trong đoạn này, thuộc trong ba dòng Kinh Văn này. Nhất định phải niệm thuộc lòng ba dòng Kinh Văn này! Quý vị thấy các vị Tổ Sư Đại Đức từ xưa chú giải Kinh

hoặc giảng Kinh thường trích dẫn đoạn Kinh Văn này, ở đây chúng ta thấy nguyên văn. Câu “sở dĩ giả hà?” là câu dẫn nhập nhằm nêu ra nguyên lý. “Chư Phật Như Lai là pháp giới thân”, chư Phật Như Lai có tướng hay không? Chẳng có tướng! Có thân hay chẳng? Chẳng có thân! “Nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung” (Vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh), thân của chư Phật Như Lai là tận hư không khắp pháp giới, được gọi là Pháp Thân của Phật. “Pháp giới thân” là Pháp Thân. Pháp Thân, tiếng Phạn là Tỳ Lô Giá Na, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Biến Nhất Thiết Xứ, vì nó trọn khắp hết thảy mọi nơi. Do đó mới “nhập nhất thiết chúng sanh tâm tướng trung” (vào trong tâm tướng của hết thảy chúng sanh), đó là nguyên lý.

“Thị cố, nhữ đẳng tâm tướng Phật thời, thị tâm tức thị tam thập nhị tướng, bát thập tùy hình hảo” (Vì vậy, khi tâm các người tướng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo). Tướng Phật, tâm quý vị bèn làm Phật. Tướng Phật là như thế. Tướng Bồ Tát sẽ làm Bồ Tát, tướng thiên liên sanh thiên, tướng nhân liên vào nhân đạo. Tướng ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn, liền biến thành súc sanh, biến thành ngựa quý, biến thành địa ngục. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do tâm tướng sanh. “Thị tâm tác Phật, thị tâm thị Phật” (Tâm này làm Phật, tâm này là Phật): “Tâm này làm Phật” là nói về Tu Đức, “tâm này là Phật” là nói đến Tánh Đức. Trong bản tánh có trọn đủ y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, thứ gì cũng chẳng thiếu, quý vị tướng điều gì sẽ biến thành điều đó. “Chư Phật Chánh

Biển Tri hải, tùng tâm tướng sanh” (Biển Chánh Biển Tri của chư Phật sanh từ tâm tướng), trong mười pháp giới nêu lên một pháp giới, Phật Pháp giới sanh từ tâm tướng, suy ra Bồ Tát pháp giới cũng sanh từ tâm tướng. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong lục đạo không có gì chẳng sanh từ tâm tướng. Chúng ta phải biết nguyên lý này, biết nguyên lý này thì mới biết trong Phật Pháp chẳng có mê tín. Phật Pháp nói câu nào cũng là lời chân thật, xác thực là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, nhưng bản thân chúng ta biết quá ít.

**Trong đoạn chú giải này, có những điều trọng yếu mà tôi phải nêu ra cùng quý vị đôi chút. Chúng ta xem lời chú giải: “Sao vân, dục tướng Phật thân, tu tri quán Thể” (Sao rằng: Muốn tướng thân Phật thì cần nên biết quán Thể), Quán là phương pháp tu hành, Thể là căn cứ. Căn cứ để quý vị tu tập phép quán tướng này là gì vậy? “Thể thị Bản Giác, khởi thành năng quán” (Thể là Bản Giác, khởi tác dụng thành Năng Quán). Điều này chẳng giả, Bản Giác ở chỗ nào? Bản Giác là chính mình, tức là bản tánh của chính mình. Đức Phật dạy chúng ta thuận theo tánh sẽ thành quả báo cực thiện; phàm phu chúng ta trái nghịch bản tánh. Nói cách khác, do vận dụng Bản Giác sai quấy, nên mới có lục đạo luân hồi, mới có phiền não, ác báo. Kế đó, sách Diễn Nghĩa nói rõ: “Tu tri Bản Giác thị chư Phật Pháp Thân” (Cần phải biết Bản Giác là Pháp Thân của chư Phật). Tôi vừa mới nói pháp giới thân là Pháp Thân, Pháp Thân của chư Phật chính là Bản Giác của chúng ta. Do vậy, có thể biết, ta và chư Phật có cùng**

**một Pháp Thân. Kinh thường diễn tả chuyện này như sau: “Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân”, chẳng giả! Mười phương ba đời Phật đều có chung một Pháp Thân, vậy thì lũ phàm phu chúng ta có cùng chung một Pháp Thân với các Ngài hay chẳng? Cũng cùng chung. Không chỉ là hết thủy phàm phu và Phật có cùng một Pháp Thân, mà tất cả hết thủy vạn vật cũng đều có cùng một Pháp Thân, “tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí”. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều do cùng một thứ biến hiện, trong Phật Pháp, bắt đắ dĩ đặt cho thứ ấy một cái tên, chứ trên thực tế, há có tên gọi ư? Gọi tên nó là Bản Tánh, là Chân Như, là Pháp Tánh, là Đệ Nhất Nghĩa. Kinh Phật có khoảng mấy chục danh từ như vậy!**

Nếu chúng ta hỏi: “Nếu đã là cùng một thứ, đặt một tên là đượ rồi, vì sao đặt lắ tên gọi như thế?” Đặt một tên bèn sợ quý vị chấp trước, hể chấp trước thì sai mất rồi. Đức Phật nói các thứ tên nhằm vào ý nghĩa: “Chớ nên chấp trước. Chỉ cần là một chuyện thì quý vị nói thế nào cũng đều đượ”. Hể chấp trước thì sai mất rồi, đã mê rồi! Đức Phật nói ra các thứ tên gọi nhằm vào ý nghĩa: Phá chấp trước, chớ nên chấp trước tướng danh tự. Tiếp đó, sách Quán Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa viết: “Dĩ chư Phật vô sở chứng, chứng ư chúng sanh bản tánh cố” (Dùng vô sở chứng của chư Phật để chứng bản tánh của chúng sanh). Kinh Đại Thừa cũng thường diễn tả điều này là: “Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắ”, Kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Đến cuối cùng, đã thành Phật, thành Phật bèn đắ

được gì? Tâm Kinh nói rất hay: Thành Phật là “vô trí mà cũng vô đắc”. Trí là cái có thể chứng, “đắc” là cái chứng được. Đạt đến cảnh giới ấy, trí có thể chứng (năng chứng trí) và Bồ Đề Niết Bàn là cái có thể đạt được đều chẳng có, đó là thật sự chứng đắc. Chỉ cần có trí, có đắc, thì vẫn chẳng thể rời khỏi Năng và Sở, tuy đã thành Phật, nhưng thành Đức Phật gì vậy? Thành Tạng Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Thông Giáo Phật. Tạng, Thông, Biệt Phật đều là có tu, có chứng, nhưng Viên Phật (Phật của Viên Giáo) chẳng có. Vì trong ba loại Phật trước, Biệt Giáo Phật cao nhất, Biệt Giáo Phật tương đương với địa vị Đệ Nhị Hạnh Bồ Tát trong Viên Giáo. Trên địa vị Đệ Nhị Hạnh Bồ Tát, còn có Tam Hạnh, Tứ Hạnh, cho đến Thập Hạnh, Thập Hồi Hương, Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác, vẫn còn cách xa lắm! Vì thế, các địa vị ấy (Tạng Giáo Phật, Biệt Giáo Phật, Thông Giáo Phật) có tu, có chứng, thật sự chứng đắc thành Phật. Đạt đến Viên Giáo Phật sẽ là vô tu vô chứng.

Câu kệ tiếp rất trọng yếu: “Nhược Thi Giác hữu công, Bôn Giác nãi hiển” (Nếu Thi Giác có công, Bôn Giác bèn hiển lộ). Do vậy có thể biết, nếu muốn biết chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta thường nói là “muốn biết rành mạch, rõ ràng mười phương, ba đời, quá khứ, hiện tại, tương lai, hoàn toàn cậy vào Thi Giác có công, Bôn Giác liền hiển lộ”. Bôn Giác là tự tánh. Câu “Bôn Giác nãi hiển” nói theo nhà Thiền sẽ là “minh tâm kiến tánh”. Tánh là Bôn Giác, “hiển” là kiến tánh. “Cố vân Pháp Thân tùng tâm tướng sanh” (Nên nói Pháp Thân sanh từ tâm tướng): Nay chúng ta dùng vọng tâm, sử dụng vọng tướng, sử dụng vọng



tưởng cũng được, quý vị chỉ tưởng một chuyện, vĩnh viễn cứ tưởng mãi. Tới khi nào hết tưởng, trở về nguồn, bèn kiến tánh. Vì thế, chớ nên loạn tưởng, chớ nên nghĩ nhiều, nghĩ nhiều, sẽ chẳng được đâu, chẳng trở về nguồn được! Càng tưởng càng xa! Phải chuyên tưởng, tưởng một chuyện, đó là chuyên tưởng. “Tur tận hoàn nguyên” (Hết sạch suy nghĩ, sẽ trở về nguồn) bèn thành công. Do đó, bèn Chánh Biến Tri sanh từ tâm tưởng!

**“Hựu Di Đà dữ chư Phật, nhất tâm, nhất trí, ứng dụng diệc nhiên. Di Đà thân hiển, tức chư Phật thân. Chư Phật tướng minh, tức Di Đà thể. Thị cố, phiếm minh chư Phật thân, dĩ vi quán sát Di Đà quán thể” (Lại nữa, Phật Di Đà và chư Phật một tâm, một trí, ứng dụng cũng thể. Thân của Phật Di Đà hiển lộ, chính là thân của chư Phật hiển lộ. Giảng rõ về tướng của chư Phật, chính là giảng rõ về Thể của Phật Di Đà. Vì thế, giảng chung về thân chư Phật, coi đó là cách quán sát Phật Di Đà theo phương diện quán Thể). Trong đoạn này, Đức Phật vẫn chưa dạy chúng ta, chưa nói rõ cách quán tưởng A Di Đà Phật, tức là quán tưởng Vô Lượng Thọ Phật, chỉ nói đến chư Phật Như Lai, hiểu là Đức Phật nào cũng đều được. Nếu quý vị có thể nương theo nguyên lý và nguyên tắc này để tu, chẳng có ai không thành tựu. Niệm Phật, thành Phật, Lý và Sự đều ở trong đoạn Kinh Văn này. Chuyên tưởng, tâm liền thanh tịnh. Vì sao tâm chúng ta chẳng thanh tịnh? Do tâm loạn tưởng. Loạn đến mức độ nào? Chính mình chẳng thể không chế! Do chính mình chẳng thể không chế, nên một hồi tưởng Đông, một hồi nghĩ Tây, ngay cả đêm ngủ**

**cũng chẳng thật thà, mộng mị tới bời! Mộng do đâu mà có? Mộng cũng sanh từ tưởng. Vì thế, ban đêm nằm mộng, có thể kiểm nghiệm mức độ tịnh uế trong tâm mình. Tâm hơi thanh tịnh một chút, sẽ chẳng gặp ác mộng, sẽ chẳng nằm mộng rất loạn, mà sẽ có chút lớp lang. Đó cũng là hiện tượng niệm Phật có tiến bộ. Nếu tiến bộ hơn, ban đêm nằm mộng thường mộng thấy niệm Phật, mộng thấy gặp Phật, mộng thấy nghe Kinh, do nguyên nhân nào? Các chúng tử được huân tập trong A Lại Da khởi tác dụng, tự nhiên hiện hành, có sức mạnh to lớn, mạnh mẽ. Chúng tử nghiệp tập nào to lớn, mạnh mẽ sẽ hiện hành. Khi chẳng khống chế được, nó sẽ tự nhiên hiện hành. Nếu tâm thật sự thanh tịnh, mộng sẽ ít đi. Ít mộng là một hiện tượng tốt.**

Đoạn văn này hết sức trọng yếu, nên Tổ Sư chú giải cũng đặc biệt tường tận. Tôi nghĩ các đồng tu tự xem đoạn này cũng hiểu được. Xin mở sang trang một trăm tám mươi sáu, xem dòng thứ hai. Dòng Kinh Văn này dạy chúng ta phương pháp tu hành, là cương lĩnh tổng quát của cách tu, hết sức trọng yếu. Có thể nói là ba Kinh nhất trí nguyên lý này, Kinh Vô Lượng Thọ và Kinh A Di Đà đều chẳng ra ngoài lệ ấy.

***Thị cố ưng đương nhất tâm hệ niệm.***

*(Vì thế, hãy nên nhất tâm hệ niệm).*

Phương pháp tu học của Tịnh Tông là nhất tâm hệ niệm.

***Đế quán bỉ Phật, Đa Đà A Già Độ, A La Ha, Tam Miệu Tam Phật Đà.***

(*Quán kỹ vị Phật ấy, Như Lai, Ứng Cứng, Chánh Đẳng Chánh Giác*).

Ba hiệu sau hoàn toàn là tiếng Phạn dịch âm. Đa Đà A Già Độ (Tathāgata) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Như Lai. A La Ha (Arhat) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Ứng Cứng. Tam Miệu Tam Phật Đà (Samyak-sambuddha) dịch sang nghĩa tiếng Hán là Chánh Biến Tri, hoặc dịch là Đẳng Chánh Giác. Đây là ba hiệu trong mười hiệu của Như Lai, dịch âm tiếng Phạn. Vì vậy, chúng ta hiểu: Hết thấy chư Phật là một Thể. Là một Thể, nhưng thuận theo tâm niệm của hết thấy chúng sanh mà hiện ra các hiện tượng bất đồng. Vì thế, Phật là vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên là đức dụng của bản tánh, là tác dụng của Tánh Đức, tức là bản tánh khởi tác dụng. Xét theo phía chúng ta, chúng ta chưa kiến tánh, dầu đã kiến tánh thì chẳng viên mãn, đều thuộc loại Tu Đức. Sau khi đã kiến tánh viên mãn, sẽ là Tánh Đức. Phàm các danh hiệu của Phật được dùng trong Kinh Điển đều nhằm hiển lộ Tánh Đức, còn danh hiệu của các vị Bồ Tát được dùng để hiển lộ Tu Đức. Tánh và Tu chẳng hai, Tánh là Bản Giác, Tu là Thi Giác. Thi Giác hợp với Bản Giác, Thi Giác và Bản Giác chẳng hai, đó là đạt đến Cứu Cánh Giác. Vì lẽ này, Phật Di Đà và chư Phật bất tăng, bất giảm. Kinh Hoa Nghiêm nói “một chính là nhiều, nhiều chính là một, một chính là vô lượng, vô lượng chính là một”.

**Chuyện này đã là sự thật, vậy thì ta niệm Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng được hay sao? Ta niệm Thích Ca Mâu Ni Phật chính là niệm A Di Đà Phật, cần gì phải niệm A Di Đà Phật? Nói theo Lý thì**

xuôi lọt, nhưng xét theo Sự bèn chẳng đúng pháp! Có sao chẳng đúng pháp? Chẳng nghe lời thầy! Thầy, Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư của chúng ta, lão nhân gia bảo chúng ta niệm A Di Đà Phật, ta khăng khăng chẳng nghe lời! Quý vị hãy nghĩ tới Tam Phước trong phần trước, không nghe lời chính là chẳng thực hiện điều khoản “phụng sự Sư Trưởng”. Phụng sự Sư Trưởng thì phải y giáo phụng hành. Y giáo phụng hành, chúng ta niệm A Di Đà Phật là niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, tùy thuận, thuận tánh. Nếu ngược lại, ta niệm Thích Ca Mâu Ni Phật là niệm A Di Đà Phật, đã nghịch tánh! Nói theo Lý thì chẳng sai, nhưng chẳng tùy thuận lời thầy dạy, nên Vãng Sanh khó thể thành tựu! Quý vị muốn tìm nguyên nhân thật sự ở đâu ư? Chẳng thuận theo lời thầy dạy là chẳng thuận tánh. Không thuận tánh tức là thuận theo phiền não, thuận theo tà kiến, thuận theo vọng tưởng, chấp trước, làm sao có thể kiến tánh cho được? Giống như nước, nước có thể tùy thuận. Quý vị đựng nó trong ống tròn, nó có hình dạng tròn. Đựng trong hộp vuông, nó có hình dạng vuông. Nếu nó nhất định chấp trước, ta là vuông, quyết định chẳng thể tròn. Đựng trong vật hình tròn, ta vẫn vuông, tức là chẳng thuận tánh. Vậy thì có sao chẳng chịu nghe lời thầy? Vì sao chẳng thể tiếp nhận lời thầy dạy dỗ? Điều này rất quan trọng.

Tông Thiên Thai gọi nhất tâm hệ niệm là Nhất Tâm Tam Quán. Trong chú giải có nói đến chuyện này, nơi hàng thứ tư đếm từ dưới

lên trong trang một trăm tám mươi sáu, xem từ hai chữ cuối cùng: “Nhất tâm hệ niệm bỉ Phật, tức Nhất Tâm Tam Quán dã” (Nhất tâm hệ niệm Đức Phật ấy chính là Nhất Tâm Tam Quán). Chúng ta không hiểu pháp Quán của tông Thiên Thai, chẳng sao hết! Chỉ cần nhất tâm, nhất tâm đích xác là rất khó. Nhất tâm là chẳng xen tạp, nhất quyết chẳng tán loạn. Người thế tục gọi “hệ niệm” là vương vấn. Trong tâm thường luôn có chuyện gì đó, thường xuyên nghĩ tới điều ấy. Đây là bảo quý vị thời thời khắc khắc niệm câu Phật hiệu này, nhằm vun bồi nhất tâm hệ niệm. Cổ Đại Đức nói: Bí quyết niệm Phật chẳng có gì khác, mà là đổi chỗ sống thành chỗ chín, đổi chỗ chín thành chỗ sống, bèn thành công. Chỗ chín nhất (quen thuộc nhất) của chúng sanh là gì? Vọng tưởng, suy nghĩ lung tung. Quý vị thấy chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ rối bời. Chỗ sống sít nhất là gì? Một câu Phật hiệu! Niệm niệm luôn quên bẵng, rất lạt lẽo, hờ hững! Làm như thế nào để Phật hiệu chín muồi như vọng tưởng, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng quên khuấy, biến vọng tưởng thành xa lạ như Phật hiệu, thường quên bẵng, sẽ thành công. Đổi chỗ sống thành chỗ chín là được rồi, chẳng có ai không Vãng Sanh. Do đó, dạy quý vị niệm Phật mỗi ngày, hằng ngày nghe Phật hiệu chẳng gián đoạn, hằng ngày nhìn tượng Phật đừng lìa bỏ, không gì chẳng nhằm đổi chỗ sống thành chỗ chín, đạo lý là như vậy đó!

Quý vị biết đạo lý này, liền biết hết thầy chẳng có chương ngại. Tượng Phật chẳng thể thờ ở nơi nào đó ư? Chẳng thờ, ta sẽ quên bẵng,

chẳng đời sống thành chín được! Vì thế, trừ phòng vệ sinh đừng nên thờ tượng Phật ra, nơi nào cũng đều có thể thờ tượng Phật! Nhưng nói thật ra, âm thanh của câu A Di Đà Phật, ngay ở trong nhà vệ sinh cũng nghe rõ ràng, rành mạch. Hiện thời có mấy niệm Phật rất hay, càng làm càng tiến bộ, công đức rất lớn. Được rồi! Chúng ta tan học.

## TẬP 24

Xin xem trang một trăm tám mươi bảy, xem phần Kinh Văn.

***Tưởng bử Phật giả, tiên đương tưởng tượng, bế mục, khai mục, kiến nhất bảo tượng, như Diêm Phù Đà kim sắc, tọa bử hoa thượng.***

*(Hãy tưởng Đức Phật ấy: Trước hết hãy nên tưởng hình tượng. Nhắm mắt, mở mắt đều thấy một tượng báu, có màu như vàng Diêm Phù Đà, ngồi trên hoa ấy).*

Đây là dạy chúng ta cách quán. Trong cách quán, trước hết nói rõ là Quán Tượng. Hoàn toàn giống như các phép Nhật Quán, Thủy Quán trong phần trước, ắt phải mở mắt hay nhắm mắt đều thấy tượng Phật ấy ở trước mắt, thấy cặn kẽ như trong Kinh đã dạy thì mới là quán thành công. Dù trong tâm mục có tượng ấy, nhưng tượng ấy chẳng thể xuất hiện trước mắt tức là phép Quán này chẳng thành tựu! Tiếp theo đó là “nhân tượng kiến độ” (do tượng mà thấy cõi nước). Chúng ta xem Kinh Văn trong trang một trăm tám mươi tám.

***Kiến tượng tọa dĩ.***

*(Đã thấy tượng ngồi rồi).*

A Di Đà Phật ngồi trên đài sen.

***Tâm nhân đắc khai, liễu liễu phân minh kiến Cực Lạc quốc thất bảo trang nghiêm, bảo địa, bảo trì, bảo thụ hàng liệt. Chư thiên bảo***

***mạn di phú kỳ thượng, chúng bảo la võng mãn hư không trung. Kiến như thử sự, cực linh minh liễu, như quán chưởng trung.***

*(Tâm nhãn mở mang, thấy rành rẽ, phân minh cõi Cực Lạc trang nghiêm bằng bảy báu, đất báu, ao báu, cây báu bày thành hàng. Các màn cõi Trời phủ kín bên trên. Các lưới màn báu giăng khắp hư không. Thấy sự như vậy sao cho hết sức rõ rệt như nhìn vào bàn tay).*

Cổ đức nói cảnh giới vi tế như vậy đều từ nhất tâm diệu quán dần dần chuyên sanh, nên sẽ thấy cảnh giới ngày càng rõ rệt, càng thấy càng hiểu rõ. Ở chỗ này, phải đặc biệt chú ý: Thật sự quan sát, hiểu rõ, thật ra là do chân tâm rất thanh tịnh. Nay chúng ta nói tới Quán Tưởng Niệm Phật. Đối với phép Quán này, tông Thiên Thai đề ra Thứ Đệ Tam Quán và Nhất Tâm Tam Quán. Tông Thiên Thai đề xướng như vậy vì thuở trước, Trí Giả Đại Sư lập ra phương pháp tu hành Tam Chỉ Tam Quán, phương pháp ấy do Trí Giả Đại Sư phát minh. Các cao tăng Ấn Độ đến Trung Hoa bái phỏng Trí Giả Đại Sư, Trí Giả Đại Sư kể với họ phương pháp tu hành của chính Ngài, các Pháp Sư Ấn Độ bội phục khôn cùng. Họ nói với Trí Giả Đại Sư: Ở phương Tây (Ấn Độ) có Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, phương pháp tu học được giảng trong Kinh ấy hết sức tương tự, rất gần gũi với pháp Tam Chỉ, Tam Quán của tông Thiên Thai. Kinh Lăng Nghiêm dạy Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiên Na. Vì lẽ đó, Thiên Thai Đại Sư dựng một đài bái Kinh tại núi Thiên Thai, hằng ngày hướng về phía Tây lễ bái, mong mọi Kinh ấy truyền sang Trung Hoa. Lạ suốt mười tám năm, Trí Giả Đại Sư Viên Tịch, Kinh ấy vẫn



chưa truyền tới Trung Hoa; nhưng về sau, Ngài Bát Lạt Mật Đế đem Kinh ấy đến Trung Hoa.

**Kinh ấy ở Ấn Độ được gọi là quốc bảo, bất cứ Kinh Điển nào cũng đều có thể lưu thông sang ngoại quốc, nhưng Kinh Điển này (Kinh Lăng Nghiêm) chẳng thể lưu thông tại ngoại quốc. Đây là do người Ấn Độ tiếc pháp, nên hiện thời tại Ấn Độ chẳng có Phật Pháp, quả báo do tiếc pháp đấy! Pháp Sư Bát Lạt Mật Đế mang Kinh ấy tới nơi đây (Trung Hoa), hải quan tra xét rất nghiêm, lén đem vài lần đều chẳng thành công. Cuối cùng, Ngài rạch mu bàn tay, giấu bản Kinh đã được chép với khổ chữ rất nhỏ vào trong đó, chờ cho đến khi miệng vết thương hoàn toàn lành lặn, đem Kinh đến Trung Hoa như vậy. Đem đến Trung Hoa, bèn mổ mu bàn tay, lấy Kinh ra, Kinh Lăng Nghiêm được truyền tới Trung Hoa như vậy đó. Thuở đầu, chú giải Kinh, do bị ảnh hưởng bởi lời nhận định của các vị Pháp Sư Ấn Độ, nên đều dùng pháp Chỉ Quán của tông Thiên Thai để giải thích Xa Ma Tha, Tam Ma, Thiên Na. Mãi cho đến đời Minh, Giao Quang Đại Sư mới không dùng phương pháp ấy, trực tiếp dùng cách nói trong Kinh Lăng Nghiêm, đề xướng “bỏ Thức dùng Căn”, hết sức phù hợp ý nghĩa của Kinh. Chúng ta đọc thấy trong lời tựa cho bản Chú Giải, Pháp Sư Giao Quang có nói Ngài niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lúc lâm chung, khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, A Di Đà Phật đứng trên không trung tiếp dẫn Ngài Vãng Sanh, Ngài xin A Di Đà Phật cho hoãn lại. Ngài nói chú giải Kinh Lăng Nghiêm từ xưa**

tới nay chẳng nêu rõ ý nghĩa trong Kinh, những lời mi chú cũng chẳng giảng rõ ràng, Ngài xin A Di Đà Phật cho phép Ngài khoan Vãng Sanh để chú giải Kinh Lăng Nghiêm. Sau khi chú giải xong xuôi sẽ Vãng Sanh. A Di Đà Phật cũng chấp thuận, cho phép Ngài được ở lại, Ngài trụ thế để soạn chú giải.

Ngài nêu ra nguyên nhân ở chỗ nào? Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai đều dùng ý thức, Nhất Tâm Tam Quán cũng không ra ngoài lệ ấy. Kinh Lăng Nghiêm nói hoàn toàn chẳng dùng tâm ý thức, trong chú giải, Pháp Sư Giao Quang đã nói rõ ràng! Bản chú giải của Ngài được gọi là Tân Sớ. Do đó, chú giải Lăng Nghiêm có hai phái tân và cựu. Cựu phái dùng Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai để giải thích Kinh, tân phái không dùng Tam Chỉ Tam Quán, mà dùng “bỏ Thức dùng Căn” như Pháp Sư Giao Quang đã nói, không dùng tâm ý thức. Bản sớ giải Kinh này do Thiên Thai Đại Sư chú giải, Ngài dùng Tam Chỉ Tam Quán; nói cách khác, vẫn dùng tâm ý thức. Dùng tâm ý thức chánh xác, dùng tâm ấy để tu hành, theo như Kinh Lăng Nghiêm đã dạy, sẽ có thể chứng đắc quả A La Hán, có thể chứng đắc quả vị Bích Chi Phật. Nói cách khác, nói theo Tịnh Tông, xác thực là có thể tu đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, có thể đạt đến cảnh giới này. Trong Sự nhất tâm bất loạn, đại khái là đối với những cảnh giới như Kinh đã nói đều có thể thành tựu, có thể thành tựu phép quán tưởng này. Nếu muốn đạt tới thành tựu viên mãn thật sự, ắt phải là Lý nhất tâm bất loạn thì mới thật sự thấy.

**Chúng ta phải nên hiểu điều này. Đức Phật dạy chúng ta một nguyên tắc là “y pháp, bất y nhân”, “pháp” là Kinh Điển, còn chú sớ chỉ là tài liệu tham khảo do cổ Đại Đức trao cho chúng ta để tu học mà thôi. Chúng ta dùng những nhận định của các Ngài như tài liệu tham khảo thì là chánh xác, cũng đừng nên hoàn toàn chấp chết cứng vào lời chú giải. Hễ chấp chết cứng thì sai mất rồi, nhất định phải nương vào Kinh. Chúng ta lại xem đoạn thứ hai là Quán Bồ Tát.**

*Kiến thử sự dĩ, phục đương cánh tác nhất đại liên hoa, tại Phật tả biên, như tiền liên hoa, đẳng vô hữu dị. Phục tác nhất đại liên hoa, tại Phật hữu biên, tướng nhất Quán Thế Âm Bồ Tát tượng, tọa tả hoa tòa, diệp tác kim sắc, như tiền vô dị, tướng nhất Đại Thế Chí Bồ Tát tượng, tọa hữu hoa tòa.*

*(Đã thấy sự ấy rồi, lại nên tưởng một hoa sen to ở bên trái Đức Phật, giống như hoa sen trên đây trọn chẳng khác gì. Lại tưởng một hoa sen to, ở bên phải Đức Phật. Tưởng một tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ngồi trên hoa tòa bên trái, cũng là thân vàng ròng, giống như trước chẳng khác. Tưởng một tượng Đại Thế Chí Bồ Tát ngồi trên hoa tòa bên phải).*

Hoa đài và tòa sen hoàn toàn giống nhau, Phật và Bồ Tát đều có hoa đài và hoa sen giống hệt nhau. Chính giữa là A Di Đà Phật, bên trái, tức phía bên tay trái của A Di Đà Phật, là Quán Thế Âm Bồ Tát; phía bên tay phải là Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong chú giải, có những câu rất thú vị. Chú giải giảng: “Tam Thánh thiết hóa, động tĩnh tất câu” (Tam Thánh hóa hiện như thế, động hay tĩnh ắt đều như một), “câu” là tuy một mà ba,

tuy ba mà một. “Nhất chủ nhị Thân, phi tịnh, phi biệt, biểu hồ tam pháp, tam diệu dung. Chân thân ký nhiên, tượng hợp tương tự, quán nhị tức Phật, linh diệu quán thành tam” (Một vị chủ tể, hai vị bày tôi, chẳng phải giống hệt như nhau, chẳng phải là khác nhau, biểu thị ba pháp, ba sự dung thông màu nhiệm. Chân thân đã là như thế thì hình tượng được biến hiện cũng phải giống như thế. Quán Đức Phật phước huệ trọn đủ, khiến cho phép quán màu nhiệm một mình Đức Phật trở thành quán cả ba vị). Đây là quán Tây Phương Tam Thánh. Theo cách biểu thị pháp thông thường, Phật biểu thị Pháp Tánh, biểu thị Chân Như bản tánh; Bồ Tát biểu thị từ Thể khởi tác dụng, là tác dụng của tự tánh. Tác dụng của tự tánh là vô lượng vô biên. Vô lượng vô biên đức dụng có thể quy nạp thành hai loại lớn, một là Trí, hai là Hạnh, trong Phật Pháp nói là Giải Hạnh, Giải thuộc về trí huệ, Hạnh thuộc về sự hành trì trong cuộc sống. Đây là hai vị đại Bồ Tát; vì thế, chúng ta thờ tượng Phật nhất định là một vị Phật hai vị Bồ Tát, chẳng thờ thành ba vị Bồ Tát, hay bốn vị Bồ Tát, chẳng thờ theo cách như vậy, vì các Ngài biểu thị ý nghĩa viên mãn trọn đủ về mặt pháp.

Trong Tây Phương Tam Thánh, Quán Thế Âm Bồ Tát đại biểu Hạnh. Quán Âm Bồ Tát đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn, nên tượng trưng cho Hạnh môn. Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu Giải môn, biểu thị trí huệ, chỉ có trí huệ mới là thế lực chân chánh, thật sự hữu lực. Vì thế, từ bi nhất định phải lấy trí huệ làm cơ sở, đó mới là lòng từ bi thuận tánh. Nếu chẳng có trí, lòng từ bi ấy sẽ được gọi là “lạm từ bi” (lòng từ bi luông

tuông), sẽ có ảnh hưởng bất thiện, đâm ra chẳng tốt đẹp. Phật môn thường nói: “Từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa”. Phật Pháp hết sức coi trọng đại từ đại bi và thiện xảo phương tiện; nhưng người đời sau cũng nói: “Từ bi lắm họa hại, phương tiện thành hạ lưu”, do nguyên nhân nào? Đánh mất trí huệ! Lòng từ bi thiếu trí huệ và phương tiện thiếu trí huệ đều hỏng! Có thể nói là Phật Pháp hiện thời suy vi đến nông nổi này là vì bỏ mất lý trí, một mực mù quáng dùng lòng từ bi bừa bãi. Chúng ta biết nghĩa thú của việc thờ phụng tượng Phật, nói thật ra thì “một chính là ba, ba chính là một”, biểu thị nhất Thể. Tiếp theo đây, chúng ta lại xem phần Tượng Phóng Quang (tượng Phật và Bồ Tát tỏa quang minh).

***Thử tưởng thành thời, Phật, Bồ Tát tượng giai phóng quang minh. Kỳ quang kim sắc, chiếu chư bảo thụ. Nhất nhất thụ hạ, diệp hữu tam liên hoa. Chư liên hoa thượng, các hữu nhất Phật, nhị Bồ Tát tượng, biến mãn bỉ quốc.***

*(Khi phép quán tưởng này đã thành, lại tưởng tượng Phật và Bồ Tát đều phóng quang minh. Quang minh ấy sắc vàng, chiếu các cây báu. Dưới mỗi cội cây, cũng có ba hoa sen. Trên các hoa sen đều có hình tượng một vị Phật và hai vị Bồ Tát trọn khắp cõi ấy).*

Đoạn này rất quan trọng mà cũng rất dễ nhớ. Vì chúng ta thường suy nghĩ: Tây Phương Cực Lạc Thế Giới to ngàn ấy, người đông dường ấy, làm sao chúng ta có thể thấy Phật cho được? Đều rất hoài nghi! Chẳng cần nói chi khác, Đài Loan chẳng lớn, thành phố Đài Bắc càng bé. Thành phố Đài Bắc có hơn hai trăm vạn thị dân, mỗi người chúng ta hằng

ngày đều có thể gặp Tổng Thống hay chẳng? Đều chẳng gặp được! Người trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới không ai có thể tính nổi số, đông ngàn ấy, làm sao chúng ta có thể gặp A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí hằng ngày? Xem đoạn Kinh Văn này mới biết, vốn là Phật, Bồ Tát hóa thân; dưới mỗi cây báu đều có Tây Phương Tam Thánh. Số lượng Tây Phương Tam Thánh và số người bên ấy bằng nhau. Do đó, mỗi người hằng ngày đều thấy Phật, mỗi ngày đều chẳng lìa Phật, tốt lắm! Trong mười phương Thế Giới, chúng ta chưa hề thấy cảnh giới này, các Kinh khác chưa hề nói như thế, chỉ riêng Thế Giới Tây Phương là hóa thân của Di Đà, Quán Âm, Thế Chí đầy khắp nước ấy. Do đó, đến Thế Giới Tây Phương, sẽ thường ở cùng một chỗ với A Di Đà Phật, cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, các vị đại Bồ Tát gặp mặt hằng ngày. Mỗi ngày đều ở chung với nhau, hóa thân của các Ngài trọn khắp cõi Phật.

**Chúng ta xem phần chú giải cho đoạn này trong trang một trăm tám mươi chín, xem từ câu thứ ba trong hàng thứ tư từ dưới đếm lên: “Phật chi thân tòa, Bồ Tát thân tòa, tam vô sai biệt”, nghĩa là thân và tòa của Bồ Tát hoàn toàn giống như thân và tòa của Phật, đúng như Kinh Vô Lượng Thọ đã nói. “Duy thủ tướng các bất đồng nhĩ”, nghĩa là chỉ có hình tướng nơi đâu là trông thấy khác nhau. “Phật duy nhục kế, bất đối hoa quan” (Phật chỉ có nhục kế, chẳng đội mào hoa). Trên đầu Đức Phật là tướng nhục kế. “Nhị Đại Sĩ tuy đồng đối hoa quan”, nghĩa là Quán Âm và Thế Chí đều cùng đội**

mão. Mão ấy, tức hoa quan giống nhau, chỉ có một điểm khác nhau. Giữa mão của Quán Âm Bồ Tát là một bức tượng Phật. Bức tượng Phật ấy là tượng đứng, hóa Phật đứng. Một hôm, có người chụp một tượng bức tượng Quán Âm, tượng Phật trên mão đội đầu của Ngài là tượng ngồi tĩnh tọa, tôi nói: “Không đúng! Đây chẳng phải là Quán Âm Bồ Tát, tượng Phật trong mão Quán Âm Bồ Tát là tượng đứng”. Tôi nói: “Đây là Bồ Tát nào tôi không biết. Nếu quý vị bảo là Quán Âm thì là Quán Âm giả mạo, chẳng phải là Quán Âm thật sự”. Cũng phải chú ý điều này. Chính giữa mão của Đại Thế Chí Bồ Tát là một cái bình báu, cũng là bình báu đặt thẳng đứng. Đó là chỗ khác nhau. Trừ điều đó ra, hoàn toàn giống nhau. Điều này giống như phần bốn mươi tám nguyện trong Kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Chúng ta lại lật sang trang kế tiếp, xem Kinh Văn:

*Thử tướng thành thời, hành giả đương văn thủy lưu quang minh, cập chư bảo thụ, phù, nhận, uyên ương, giai thuyết diệu pháp. Xuất Định, nhập Định, hằng văn diệu pháp. Hành giả sở văn, xuất Định chi thời, ức trì bất xả, linh dữ Tu Đa La hợp. Nhược bất hợp giả, danh vi vọng tưởng. Nhược dữ hợp giả, danh vi thô tướng kiến Cực Lạc Thế Giới. Thị vi Tượng Tướng, danh đệ bát Quán.*

*(Khi phép quán tướng này thành tựu, hành giả sẽ nghe nước chảy, quang minh, và các cây báu, le, nhận, uyên ương đều nói diệu pháp. Xuất Định, nhập Định, luôn nghe diệu pháp. Những điều hành giả nghe được khi xuất Định bèn nhớ giữ chẳng bỏ. Phải sao cho hợp với Tu Đa La.*

*Nếu chẳng hợp thì là vọng tưởng. Nếu phù hợp, bèn gọi là quán tưởng thấy Thế Giới Cực Lạc về phần thô. Đây là Tượng Tượng, được gọi là phép Quán thứ tám).*

Đoạn Kinh Văn này nói rõ: Trong khi quán tưởng, bèn nghe pháp. Nước chảy, quang minh, cây báu là vô tình thuyết pháp, các loài chim như le, nhạn... là hữu tình thuyết pháp. Tình và vô tình không gì chẳng nói pháp, từ đoạn Kinh Văn này, chúng ta đã thấy điều đó. Người tu hành bất luận là trong Định, nhập Định hay xuất Định thấy đều nghe thấy. Như trong phép quán tưởng ở phần trước, mở mắt hay nhắm mắt, tượng ấy đều hiện tiền. Ở đây nói, trong Định, hoặc chẳng phải ở trong Định, đều nghe âm thanh; nhưng những gì quý vị nghe được nhất định phải tương ứng với Kinh. Nếu chẳng tương ứng, sẽ là vọng tưởng. Nếu tương ứng thì là “thô kiến”, tức là thấy Thế Giới Cực Lạc ở mức độ thô thiên. Phải phân biệt rõ ràng chuyện này, chớ nên coi ma cảnh như Phật cảnh. Do đó, đối với người học Phật chúng ta, Kinh Điển có hai cách sử dụng:

1) Cách sử dụng thứ nhất là dạy chúng ta phương pháp tu hành. Chúng ta cũng chẳng biết tu như thế nào thì trong Kinh Điển có lý luận, có phương pháp, có cảnh giới, dạy cho chúng ta những điều ấy.

2) Cách sử dụng thứ hai là khi chúng ta tu đến một cảnh giới kha khá, nó sẽ chứng minh cho chúng ta. Đến khi chúng ta tu thành tựu, phải đối chiếu cảnh giới chúng ta đã thấy với Kinh Điển, để coi là giống nhau hay sai khác. Ví như chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thì chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc Thế Giới có giống như Kinh đã nói hay



không? Nếu hoàn toàn giống hệt, đó là thấy Thế Giới Tây Phương chân thật. Nếu chẳng giống, vậy là không đúng rồi, giả mất rồi! Điều này rất quan trọng. Kinh luận thường nói “Phật Phật đạo đồng”, hết thầy chư Phật chắc chắn phải nói các Kinh giống như nhau. Chỗ có thể bất đồng là ngôn ngữ, có thể nói là cũng có đôi chút bất đồng về phương diện đó, nhưng chắc chắn là nội dung giảng nói phải giống nhau. Vì sao? Đó là cảnh giới do chư Phật đích thân chứng đắc, há có lẽ nào chẳng giống nhau?

Đối với những chỗ giống như thế này chúng ta phải lưu ý hơn. Trong Thế Giới hiện thời, giả Phật quá nhiều! Kinh Điển nguy tạo cũng rất nhiều, rất dễ bị lừa gạt. Kẻ gặp ma sự quá đông, gần như mỗi tuần đều có mấy người đến kiếm tôi. Nói thật ra, bị ma dựa, đến kiếm tôi, tôi chẳng có cách nào hết. Tôi chẳng có Thần thông, tôi chẳng cùng quý Thần qua lại. Bị ma dựa, phải tìm đến những người có qua lại với quý Thần, có lẽ họ cũng có cách điều giải cho quý vị. Nhưng điều giải cũng có hạn độ, cũng tùy thuộc vào duyên phận. Vì thế, tôi khuyên các đồng tu hãy thật thà, chân thật niệm Phật, càng ít qua lại với quý Thần càng hay. Vì sao? Chúng ta là phàm phu, chớ nên chèo kéo họ. Đối với quý Thần, tục ngữ có câu: “Thỉnh Thần dung dị, tống Thần nan”. Ý nói quý vị tìm tới họ rất dễ dàng, sau đó, quý vị làm thế nào để tiễn họ đi? Chuyện này rất phiền phức! Nếu họ không đi, sẽ đem lại cho quý vị lắm nỗi phiền phức. Vì thế, tốt nhất là giao du với quý Thần càng ít càng hay. Chúng ta chẳng mong qua lại với họ, họ cũng chẳng tìm đến chúng ta. Chúng ta

ham Thần thông, thích cúng dường quý Thần, thích lui tới với họ, họ cảm thấy quý vị cũng được lắm, chúng ta là bạn tốt với nhau, kết thành bằng hữu! Phải chú ý điều này!

Niệm chú, trong chú có nhiều danh hiệu quý Thần, quý vị niệm chú tức là triệu thỉnh họ đến, sau đó niệm như thế nào để tiễn họ đi? Quý vị muốn niệm chú Lăng Nghiêm, niệm chú Đại Bi, chú ngữ thật sự là mấy câu cuối cùng, từ chữ “đát diệt tha” (tadyathā) trở đi là chú ngữ, chú ngữ thật sự chỉ có mấy câu ấy. Những câu trước đó đều là danh hiệu quý Thần, gọi từng người trong bọn họ đến, đã gọi đến rồi chẳng thể tiễn họ đi trọn vẹn, sẽ rất phiền phức. Thời cổ, những bậc Đại Đức thật sự có đạo hạnh, hằng ngày dùng chú ngữ để thí thực, cúng dường quý Thần, thật sự đạt được lợi ích. Tâm chúng ta chẳng thanh tịnh, chẳng có đạo hạnh, học bài chú ấy, thỉnh vờ quý Thần đến. Quý Thần thấy quý vị chẳng có đạo đức, cũng chẳng có tu trì chi hết, bèn coi thường quý vị. Coi thường quý vị thì quý Thần tốt sẽ bỏ đi rồi thôi, không đếm xỉa tới quý vị; quý Thần xấu có khi bắt nạt quý vị, rắc rối to! Quý vị chẳng dây dưa với họ, họ chẳng tìm đến quý vị. Quý vị chèo kéo họ, họ sẽ tìm đến kiếm chuyện với quý vị. Nay trong thế gian này, tại Trung Quốc và ngoại quốc, chúng ta thấy những tình cảnh như vậy quá nhiều! Vì thế, tôi mong các đồng tu hãy thấy chuyện này, chớ nên giới thiệu họ đến gặp tôi, tôi chẳng có cách nào cả! Hiện thời như tôi biết, trước kia, dường như Pháp Sư Quảng Khâm còn có chút Thần thông, mọi người đều biết. Nay tôi biết ở Đài

**Nam có Pháp Sư Khai Tâm, Ngài có thể thấy được đôi chút, có chút cảm ứng. Pháp Sư Khai Tâm và tôi cũng rất thân thiết. Hễ tôi gặp nghi nan, tạp chứng nào, chẳng có cách gì, thấy đều giới thiệu họ đến gặp Ngài. Nói thật ra, Ngài cũng chẳng thể trách tôi! Lần trước tôi gặp Ngài, Ngài tặng người khác danh thiếp. Tôi nói: “Pháp Sư à! Xin thầy cho tôi một tấm danh thiếp”. Ngài tặng tôi cả hộp. Vì thế, hiện thời tôi có một hộp danh thiếp, hễ ai có nghi nan tạp chứng, tôi sẽ đưa cho họ một tấm danh thiếp, bảo họ đến tìm Ngài.**

Đây là trong quán tướng có chánh quán và tà quán, chớ nên không lưu ý. Do vậy, học Phật thì phải chân thành, y giáo phụng hành, đừng cầu Thần thông, cũng đừng cầu cảm ứng, như vậy thì quý vị sẽ tâm chánh, hạnh chánh, quý Thần chẳng dám trêu vào quý vị. Nhất là một người thật sự niệm Phật, chư Phật hộ niệm, long thiên hộ trì, các quý Thần thuộc tà môn ngoại đạo về căn bản là đều chẳng dám tiếp cận quý vị, thật đấy, chẳng giả tí nào! Chẳng dám tiếp cận, lấy đâu ra chuyện ma dựa? Do đó, người niệm Phật bị ma dựa, đúng là oan uổng, chắc chắn chẳng phải là người thật sự niệm Phật, người thật sự niệm Phật sẽ không thể bị ma dựa. Dễ bị ma dựa nhất là học Mật và học Thiên, vì trong Thiên Định, hoặc trong Định, họ có thể thấy quý Thần. Trong chú ngữ của Mật Tông phần nhiều đều là danh tự của quý Thần, nên họ và quý Thần khá gần gũi, qua lại khá mật thiết, nên dễ chuốc lấy phiền phức. Tịnh Tông niệm Phật, nói theo lý, chẳng thể nào có những chuyện ấy phát sanh.

Đoạn kế tiếp nói tới lợi ích do tu Quán, hãy xem Kinh Văn trong trang một trăm chín mươi mốt:

***Tác thị quán giả, trừ vô lượng ức kiếp sanh tử chi tội, u hiện thân trung đắc Niệm Phật Tam Muội.***

*(Người quán pháp này, trừ tội trong vô lượng ức kiếp sanh tử, nơi thân hiện tại, đắc Niệm Phật Tam Muội).*

Nếu quán tưởng thành tựu, hiện tiền quý vị đắc Niệm Phật Tam Muội. Kinh Di Đà gọi Niệm Phật Tam Muội là nhất tâm bất loạn, có thể đạt được.

Phép Quán tiếp theo là một đoạn chánh yếu nhất trong Kinh này, tức là quán Vô Lượng Thọ Phật. Tựa đề của bản Kinh này là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Quán Vô Lượng Thọ Phật là phép Quán thứ chín.

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: Thử tướng thành dĩ.***

*(Đức Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: “Phép quán tưởng này đã thành”).*

Phản trước là Thánh Tượng Quán, là quán tượng Tam Thánh. Quán đã thành, bèn tiến hơn nữa là quán Vô Lượng Thọ Phật.

***Thử đương cánh quán Vô Lượng Thọ Phật thân tướng, quang minh.***

*(Kế đó hãy nên quán thân tướng và quang minh của Vô Lượng Thọ Phật).*

Phép Quán này khá vi tế.

*A Nan! Đương tri Vô Lượng Thọ Phật thân, như bách thiên ức vạn Dạ Ma Thiên Diêm Phù Đà kim sắc.*

*(A Nan! Hãy nên biết thân Vô Lượng Thọ Phật có màu như vàng Diêm Phù Đà trong trăm ngàn ức vạn cung Trời Dạ Ma).*

**Thân tướng Đức Phật là kim sắc. Kinh nói “kim sắc” là dùng màu sắc tương tự như vàng ròng trong thế gian chúng ta mà thôi. Thật sự nói tới kim sắc trong Tây Phương thì chẳng biết siêu thắng (vượt trội thù thắng) hơn vàng trong cõi này bao nhiêu lần, vàng của chúng ta chẳng thể sánh bằng vàng trong cõi đó. Nhưng trong thế gian này, lại chẳng thấy có màu nào đẹp hơn sắc vàng, nên bắt đăc dĩ dùng nó để tỷ dụ. Do vậy, ở nơi đây chẳng phải là nói tới kim sắc của người thế gian, mà nói đến sắc vàng Diêm Phù Đà trong cung Trời Dạ Ma.**

*Phật thân cao lục thập vạn ức na do tha Hằng hà sa do tuần.*

*(Thân Phật cao sáu mươi vạn ức na do tha Hằng hà sa do tuần).*

Thân Phật cao vời.

*Mi gian bạch hào, hữu toàn uyển chuyển, như ngũ Tu Di sơn.*

*(Bạch hào giữa hai mày uyển chuyển xoay về bên phải, to như năm quả núi Tu Di).*

Trong bài kệ tán Phật có đoạn: “Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trùng thanh tứ đại hải”, xuất phát từ đoạn Kinh Văn này, bạch hào uyển chuyển to như năm quả núi Tu Di.

***Phật nhĩn như tứ đại hải thủy, thanh bạch phân minh.***

*(Mắt Phật như nước bốn biển cả, xanh trắng phân minh).*

Thân tướng của Đức Phật, tướng hảo, quang minh, nói thật ra là vô lượng vô biên. Kinh chỉ nêu đại lược hai thứ là tướng bạch hào và mắt Phật, nêu lên hai thứ ấy.

***Thân chư mao không, diễn xuất quang minh, như Tu Di sơn. Bỉ Phật viên quang, như bách ức tam thiên đại thiên Thế Giới.***

*(Các lông chân lông trên thân, diễn xuất quang minh như núi Tu Di. Viên quang của Đức Phật ấy như trăm ức tam thiên đại thiên Thế Giới).*

Lông chân lông trên thân Đức Phật tỏa quang minh, đó gọi là “diễn xuất quang minh”, giống như núi Tu Di. Viên quang của Đức Phật, ở đây là nói tới vầng hào quang tròn quanh đầu, lớn cỡ nào? Trăm ức tam thiên đại thiên Thế Giới.

***U' viên quang trung, hữu bách vạn ức na do tha Hằng hà sa hóa Phật.***

*(Trong viên quang có trăm vạn ức na do tha Hằng hà sa hóa Phật).*

“Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên”, toàn bộ kệ tán Phật đều phát xuất từ đoạn Kinh Văn này.

*Nhất nhất hóa Phật, diệc hữu chúng đa vô số hóa Bồ Tát dĩ vi thị giả. Vô Lượng Thọ Phật hữu bát vạn tứ thiên tướng. Nhất nhất tướng trung, các hữu bát vạn tứ thiên tùy hình hảo. Nhất nhất hảo trung, phục hữu bát vạn tứ thiên quang minh. Nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương Thế Giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả.*

*(Mỗi vị hóa Phật cũng có đông đảo vô số hóa Bồ Tát làm thị giả. Vô Lượng Thọ Phật có tám vạn bốn ngàn tướng, trong mỗi một tướng đều có tám vạn bốn ngàn tùy hình hảo. Trong mỗi một hảo, lại có tám vạn bốn ngàn quang minh. Mỗi một quang minh chiếu khắp chúng sanh niệm Phật trong mười phương Thế Giới nhiếp thủ chẳng bỏ).*

Do đó, người niệm Phật trong mười phương Thế Giới dẫu nhiều đến mấy, khi Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới, A Di Đà Phật tuyệt đối chẳng bỏ sót, chẳng quên khuấy quý vị, chẳng có chuyện ấy. Quý vị nghĩ xem: A Di Đà Phật hóa thân vô lượng, vô biên, chúng sanh ở nơi này khởi tâm động niệm, Ngài đều biết, chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, làm sao Ngài quên khuấy được? Chẳng có lẽ ấy! Phàm phu chúng ta khi lắm việc, có lúc rất dễ quên bẵng chuyện gì đó. Chuyện ngày hôm qua, hôm nay quên tuốt, đó là chuyện thường có. Chư Phật, Bồ Tát trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới tâm địa thanh tịnh, trí huệ, Thần thông rộng lớn vô biên, phàm phu chúng ta vừa dấy lên tạp niệm các Ngài đều biết. Vì thế nói sẽ Vãng Sanh khi nào, các Ngài cũng đều biết, tới lúc đó, sẽ tự nhiên đến tiếp dẫn quý vị. Đó là thân tướng của A Di Đà Phật.

Sau phần này, có một đoạn chú giải hay lắm, hãy xem hàng cuối cùng trong trang một trăm chín mươi bốn, chúng ta xem từ đó: “Nhất nhất hạ” (Từ câu “mỗi mỗi” trở đi), “nhất nhất” chính là câu “nhất nhất quang minh, biến chiếu thập phương Thế Giới niệm Phật chúng sanh, nhiếp thủ bất xả”, “quang minh nhiếp sanh” (A Di Đà Phật dùng quang minh nhiếp thọ chúng sanh). Trong phần Sao, Tôn Giả Tứ Minh đã giảng: “Sanh Phật Thế đồng, tuy độ quảng, sanh đa” (Chúng sanh và Phật có cùng một Thế, tuy cõi nước rộng lớn, chúng sanh đông đảo). “Độ” là quốc độ. Mười phương chư Phật quốc độ vô lượng vô biên, ý nói phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật to lớn, hết thảy chư Phật chẳng thể sánh bằng. Trong Kinh Đức Phật dạy, thông thường phạm vi giáo hóa của một Đức Phật là một đại thiên Thế Giới, cũng có vị Phật có phạm vi giáo hóa là hai đại thiên Thế Giới, hoặc ba đại thiên Thế Giới, nhưng cũng chẳng nhiều. Chỉ riêng phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật là tận hư không khắp pháp giới. Vì chúng sanh niệm Phật trong hết thảy các cõi nước của chư Phật đều sanh về Thế Giới Tây Phương, phải hiểu rõ chuyện này! Sau khi đã hiểu rõ, chúng ta mới hiểu một sự thật, Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật giống như một đại học Phật Giáo, A Di Đà Phật là hiệu trưởng, mở một trường đại học Phật Giáo trong các cõi Phật. Mười phương chư Phật đều chiêu sinh bên ngoài, thay A Di Đà Phật chiêu sinh, đối với những học trò đã thâm được, đều đưa đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Thích Ca Mâu Ni Phật chiêu sinh trong Thế Giới Sa Bà, đưa học trò sang huấn luyện trong Thế Giới Tây Phương. Mới biết chân tướng của chuyện này, mới biết Pháp Môn này rộng lớn vô biên. Chẳng



biết trạng huống thực tế, vô lượng vô biên Pháp Môn bày ra trước mặt mà chúng ta không biết cách chọn lựa, Pháp Môn nhiều ngàn ấy, ta chọn Pháp Môn nào? Đã hiểu rõ ràng chân tướng, đương nhiên chúng ta sẽ chọn lựa Pháp Môn này. Đã thế, Pháp Môn này Vãng Sanh rất dễ dàng, cũng chẳng khó khăn! Các Pháp Môn khác chưa chắc đã có thể thành tựu, Pháp Môn này chắc chắn đáng tin cậy. Vì thế, tuy là cõi nước rộng lớn, trong hết thảy các cõi Phật khắp mười phương, ba đời, chúng sanh đông đảo, nhiều người niệm Phật Vãng Sanh, đều được “nhiếp vô nhất thất” (nhiếp thủ chẳng sót một ai), một người cũng chẳng bỏ sót. Khi lâm chung, Đức Phật đến tiếp dẫn cũng chẳng bỏ sót một ai!

**Câu này là hàng thứ nhất trong trang một trăm chín mươi lăm, chính là chú giải, chẳng nên in theo lối đánh cách, Kinh Văn mới in đánh cách, ở chỗ này lại in sai. Bản này phạm lỗi không ít, chẳng sửa đổi thì rất đáng tiếc. Chúng ta in lại hãy nên sửa đổi cho tốt đẹp hơn. Cũng may lần này, in không nhiều lắm. Khi chúng ta in lần tới, hy vọng các lỗi ấy sẽ được sửa đổi. Trong các khóa giảng thì giảng bằng bản này vẫn tốt đẹp, bản này tinh yếu! Do chúng ta bị thời gian hạn chế, nên giảng bản này thuận tiện hơn giảng Diệu Tông Sao rất nhiều, bản Diễn Nghĩa này là phần tinh yếu trong Diệu Tông Sao.**

Khoa kế tiếp là Quán Thành Năng Kiến (quán thành tựu bèn có thể thấy).

*Kỳ quang, tướng hảo, cập dĩ hóa Phật bất khả cụ thuyết.*

*(Quang minh, tướng hảo ấy và các hóa Phật chẳng thể nói trọn).*

Nếu nói chi tiết, sẽ chẳng nói trọn.

***Đản dương ức tướng, linh tâm nhĩ kiến.***

*(Chỉ nên ức tướng hòng thấy rành rẽ trong tâm).*

Dạy chúng ta tướng như thế nào? Thấy cảnh giới ấy ra sao?

***Kiến thử sự giả, tức kiến thập phương nhất thiết chư Phật. Dĩ kiến chư Phật cố, danh Niệm Phật Tam Muội.***

*(Kể thấy chuyện này liền thấy mười phương hết thấy chư Phật. Do thấy chư Phật, nên gọi là Niệm Phật Tam Muội).*

Niệm Phật Tam Muội thành tựu viên mãn. Đây là do chính miệng đức Thế Tôn tuyên thuyết: Thấy A Di Đà Phật là thấy mười phương hết thấy chư Phật. Do đó, sanh vào Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là sanh trong hết thấy các Thế Giới của chư Phật, chớ nên không biết chuyện này. Có nhiều người học Phật, mong thấy Đức Phật này, mong thân cận Bồ Tát kia, suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung, có thể thấy hay không? Thật sự là một vấn đề! Tôi thấy có các đồng tham đạo hữu, có cảm tình rất sâu đậm đối với Di Lạc Bồ Tát, luôn nhất tâm nhất ý niệm Nam Mô Di Lạc Bồ Tát, niệm Di Lạc Hạ Sanh Kinh, mong thân cận Di Lạc Bồ Tát, tu Di Lạc Tịnh Độ. Có nắm chắc sẽ sanh về đó hay không? Rất có vấn đề! Quý vị xem Hư Vân Lão Hòa Thượng Niên Phổ, lão Hòa Thượng Hư Vân tu Di Lạc Tịnh Độ, Vãng Sanh Di Lạc Tịnh Độ. Theo ghi chép trong Niên Phổ của lão Hòa Thượng, Ngài tới Đâu Suất Nội Viện nghe Di Lạc Bồ Tát giảng Kinh, Ngài ở trong Định, thấy mấy người

Vãng Sanh, nhận biết mấy người, chẳng nhiều lắm, chỉ thấy mấy người quen mà thôi! Có thể thấy Vãng Sanh Di Lạc Tịnh Độ rất khó, rất ư là khó!

Nhưng nếu tu niệm Pháp Môn Di Đà, đến gặp Di Lạc Bồ Tát rất dễ dàng. Ngài Di Lạc và Tịnh Độ có mối quan hệ hết sức sâu đậm: Nửa sau Kinh Vô Lượng Thọ, Di Lạc Bồ Tát là đương cơ. Vì thế, Vãng Sanh Di Lạc Nội Viện từ Tây Phương Cực Lạc Thế Giới là đi theo đường gần, chẳng cần chuốc lấy lắm nỗi phiền phức đường ấy, thân cận Di Lạc Bồ Tát rất dễ dàng. Đã thế, Di Lạc Bồ Tát còn hết sức tôn trọng quý vị. Vì sao? Quý vị là học trò của A Di Đà Phật, Ngài phải đặc biệt tôn trọng quý vị. Quý vị tu Di Lạc Tịnh Độ đến được Nội Viện, tức là học trò của Ngài, Ngài có thể chẳng cần khách sáo đối với quý vị. Đệ tử của A Di Đà Phật là khách quý, phải khéo tiếp đãi, khác hẳn!

***Tác thị quán giả, danh quán nhất thiết Phật thân. Dĩ quán Phật thân cố, diệt kiến Phật tâm. Phật tâm giả, đại từ bi thị. Dĩ vô duyên từ, nhiếp chư chúng sanh.***

*(Hành phép Quán này thì gọi là quán thân của hết thầy chư Phật. Do quán thân Phật, nên cũng thấy tâm Phật. Tâm Phật là đại từ bi. Dùng vô duyên từ nhiếp các chúng sanh).*

**Câu sau cùng là một câu khẩn yếu. Rất khó quán thân Phật thành công, ở đây, chúng ta biết “tâm Phật”. Tâm Phật là gì? Tâm Phật là vô duyên đại từ. Vô Duyên là chẳng có điều kiện; nói cách khác, từ thanh tịnh, bình đẳng, giác sanh ra tâm từ bi. Nếu nói theo**

cách thông tục, tâm từ bi là tâm yêu thương. Hai chữ Bác Ái cũng phát xuất từ Kinh Vô Lượng Thọ. Đó là vô duyên từ bi, “vô duyên đại từ, đồng thể đại bi”, chúng ta phải vun bồi cái tâm ấy. Tâm đại từ bi đối đãi chúng sanh nhằm thành tựu chúng sanh, thật sự giúp đỡ, thành tựu họ. Tâm đại từ bi chẳng phải là yêu thương thiên vị, chẳng phải là sủng ái mù quáng, khi đáng mắng chửi thì vẫn phải mắng chửi, đáng đánh thì vẫn phải đánh. Khi đáng nên tống vào địa ngục thì vẫn phải đưa kẻ ấy đến địa ngục. Phải biết: Lợi lạc họ trong hiện thời, nhưng đời sau họ chẳng được lợi ích, đó chẳng phải là từ bi. Đời này, đời sau họ đều được tốt lành, có lợi ích, nhưng đời sau nữa chẳng đạt được lợi ích thì vẫn chưa phải là từ bi. Do vậy có thể biết, thật sự từ bi, từ bi đến tột cùng, chính là khuyên họ Vãng Sanh Tây Phương Thế Giới, đó đúng là từ bi đến cùng cực! Vì sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời. Do đó, chẳng khác gì công đức hóa độ chúng sanh của chư Phật, Bồ Tát. Quý vị dùng các Pháp Môn khác thì không được, chưa chắc họ đã có thể thành tựu, tu chẳng thành thì vẫn luân hồi trong lục đạo. Do đó, lợi ích hữu hạn, công đức rất ít. Chỉ riêng Pháp Môn này có vô lượng vô biên công đức. Đoạn kế tiếp là Cử Ích Khuyên Tu (nêu ra lợi ích để khuyên tu), chúng ta hãy xem Kinh Văn:

*Tác thử quán giả, xả thân tha thế, sanh chư Phật tiền, đắc Vô Sanh Nhân.*

*(Kể hành phép Quán này, bỏ thân, trong đời sau, sanh ở trước Phật, đắc Vô Sanh Nhân).*

Đây là nói đến công đức lợi ích do tu học. Sau khi bỏ thân, đời sau sanh trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới bèn đắc Vô Sanh Nhân, cũng tương ứng với những điều được nói trong bốn mươi tám nguyện của Kinh Vô Lượng Thọ. Phạm là người sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát. A Bệ Bạt Trí đắc Vô Sanh Nhân, từ Thất Địa trở lên.

***Thị cố trí giả, ưng đương hệ tâm đế quán Vô Lượng Thọ Phật.***

*(Vì thế, kẻ có trí hãy nên dốc lòng chuyên tâm quán kỹ Vô Lượng Thọ Phật).*

Qua câu này, Bồn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật rất miệng buốt lòng khuyên bảo chúng ta. “Trí giả” (Bậc trí) là nếu quý vị có chút trí huệ, sẽ chẳng thể vứt bỏ Pháp Môn này, “ưng đương” (hãy nên) là khuyên chúng ta “hệ tâm đế quán”. Đó là phương pháp tu học, hệ tâm đế quán Vô Lượng Thọ Phật, tức là A Di Đà Phật. Nay chúng ta quán, do chẳng có năng lực để quán như vậy, bèn chấp trì danh hiệu, nhất tâm hệ niệm, xưng niệm A Di Đà Phật, sẽ chẳng khác phương pháp tu quán A Di Đà Phật. Hễ thành tựu thì công đức hoàn toàn giống nhau. Vì thế, trong lời mi chú Kinh Vô Lượng Thọ, thầy Lý đã viết: “Chẳng chịu cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, nếu chẳng phải ngu thì là cuồng”, “ngu” là ngu si. Nếu chẳng phải là ngu si, bèn là cuồng vọng. Nói cách khác, kẻ bình phàm, hễ là người có đôi chút trí huệ, chẳng có ai không phát

nguyện cầu sanh Tây Phương. Thầy Lý nói lời ấy, so với lời Kinh dạy, và lời Tổ Sư Đại Đức xưa nay khuyên lơn, khích lệ chúng ta hoàn toàn giống hệt như nhau.

Cụ đọc đến đoạn Kinh về nhóm năm trăm người của vương tử A Xà Thế, đã nêu ra ba điều cảnh giác:

1) Điều thứ nhất, quý vị hãy nhìn vào nhân quả trong quá khứ của nhóm vương tử A Xà Thế. “Trụ Bồ Tát đạo, cúng dường bốn trăm ức Phật”, mà còn bị mê khi cách âm, vẫn thoái chuyển. “Trụ Bồ Tát đạo”, có thể thấy trước kia họ là Bồ Tát, nay phải làm vương tử, hoặc làm trưởng giả, đã thoái chuyển rồi. Chuyện trong đời quá khứ hoàn toàn không biết, do bị mê khi cách âm. Đã cúng dường bốn trăm ức Phật mà còn bị mê khi cách âm, vẫn phải thoái chuyển. Thiện căn vẫn ít ỏi, vẫn chưa đủ dày. Chỉ là nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới trong tâm rất hoan hỷ, động một niệm: “Trong tương lai ta thành Phật, sẽ giống như A Di Đà Phật”. Chỉ dấy một niệm như thế. Trọn chẳng hạ thật sự quyết tâm “đời này ta phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới”, vẫn chẳng dấy niệm ấy. Vì thế, họ có thể Vãng Sanh hay không, vẫn chẳng nhất định. Đó là điều đáng cảnh giác thứ nhất.

2) Điều thứ hai, tuy đã có cái nhân ấy, nếu duyên chẳng chín muồi, đời này lại chẳng thể thật sự cầu sanh. Nói cách khác, vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp, phải nếm trải một thời gian rất dài trong lục đạo, vẫn phải hứng chịu khổ nạn.

3) Do đó, điều thứ ba, cụ nói, nếu chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đó chẳng phải là ngu bèn là cuồng!

Thật vậy, chẳng giả tí nào! Câu Kinh Văn này vô cùng trọng yếu.

***Quán Vô Lượng Thọ Phật giả, tòng nhất tướng hảo nhập, dẫn quán mi gian bạch hào, cực linh minh liễu. Kiến gian mi bạch hào tướng giả, bát vạn tứ thiên tướng hảo, tự nhiên đương hiện.***

*(Quán Vô Lượng Thọ Phật thì bắt đầu bằng quán một tướng hảo. Chỉ quán tướng bạch hào giữa hai mày hết sức rành rẽ. Đã thấy tướng bạch hào giữa hai mày thì tám vạn bốn ngàn tướng hảo sẽ tự nhiên hiện ra).*

Dạy chúng ta cách quán. Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Trong mỗi hảo có vô lượng quang minh. Trong quang minh lại hóa ra vô lượng vô biên chư Phật, bắt đầu quán từ đâu? Quán từ Bạch Hào, quán từ một tướng. Quán một tướng đã thành, các tướng khác tự nhiên sẽ hiện tiền.

***Kiến Vô Lượng Thọ Phật giả, tức kiến thập phương vô lượng chư Phật. Đắc kiến vô lượng chư Phật cố, chư Phật hiện tại thọ ký. Thị vi biến quán nhất thiết sắc thân tướng, danh đệ cửu quán. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.***

*(Thấy Vô Lượng Thọ Phật chính là thấy mười phương vô lượng chư Phật. Do được thấy vô lượng chư Phật, nên chư Phật hiện tại thọ ký. Đó*

*là quán trọn khắp hết thấy các tướng sắc thân, gọi là phép Quán thứ chín. Quán như thế là chánh quán. Nếu quán khác đi, sẽ là tà quán).*

Cần phân biệt tà và chánh. Thấy một vị Phật là thấy hết thấy chư Phật, sanh trong một cõi là sanh vào hết thấy các cõi, chỉ có Pháp Môn này!

A! Chúng tôi giảng tới đây.



## TẬP 25

Xin mở Kinh bốn, trang một trăm chín mươi tám, xem dòng thứ tư từ dưới đếm lên. Hãy xem Kinh Văn. Đây là phép Quán thứ mười trong mười sáu phép Quán, quán Quán Thế Âm Bồ Tát:

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Kiến Vô Lượng Thọ Phật liễu liễu phân minh dĩ.***

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Đã thấy Vô Lượng Thọ Phật rành rẽ, phân minh xong).*

Tổng kết phép Quán trong phần trước; sau khi đã quán A Di Đà Phật thành tựu.

***Thứ phục ưng quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Thử Bồ Tát thân trưởng thập bát vạn ức na do tha do tuần.***

*(Kể đó, lại nên quán Quán Thế Âm Bồ Tát. Vị Bồ Tát này thân cao mười tám vạn ức na do tha do tuần).*

Trong chú giải có giảng về “mười tám vạn ức” .

***Thân tử kim sắc, đỉnh hữu nhục kế, hạng hữu viên quang, diện các bách thiên do tuần. Kỳ viên quang trung, hữu ngũ bách hóa Phật, như Thích Ca Mâu Ni, nhất nhất hóa Phật, hữu ngũ bách hóa Bồ Tát, vô lượng chư thiên, dĩ vi thị giả.***

*(Thân màu vàng tía, đỉnh đầu có nhục kế. Cổ có viên quang, mỗi phía chiếu xa đến trăm ngàn do tuần. Trong viên quang ấy, có năm trăm*

*hóa Phật như Thích Ca Mâu Ni Phật. Mỗi vị hóa Phật có năm trăm hóa Bồ Tát, vô lượng chư thiên để làm thị giả).*

Bồ Tát và Phật cũng hết sức tương tự, trong quang minh cũng có hóa Phật và hóa Bồ Tát.

***Cử thân quang trung, ngũ đạo chúng sanh nhất thiết sắc tướng, giai ư trung hiện.***

*(Trong quang minh khắp thân Ngài, hết thấy sắc tướng của chúng sanh trong năm đường đều hiện bóng trong ấy).*

Không chỉ là trong quang minh hiện tướng chư Phật, Bồ Tát, mà cũng đồng thời hiện tướng lục đạo chúng sanh.

***Đảnh thượng Tỳ Lăng Già ma ni bảo đĩ vi thiên quan. Kỳ thiên quan trung, hữu nhất lập hóa Phật, cao nhị thập ngũ do tuần.***

*(Trên đỉnh đầu, báu Tỳ Lăng Già ma ni dùng làm mũ Trời. Trong mũ Trời ấy, có một vị hóa Phật đứng, cao hai mươi lăm do tuần).*

Đây là nói mũ của Bồ Tát, giữa mũ có một tượng Phật. Tượng Phật ấy là tượng đứng, là tượng Phật đứng.

***Quán Thế Âm Bồ Tát, diện như Diêm Phù Đà kim sắc, mi gian hào tướng, bị thất bảo sắc, lưu xuất bát vạn tứ thiên chủng quang minh. Nhất nhất quang minh, hữu vô lượng vô số bách thiên hóa Phật. Nhất nhất hóa Phật, vô số hóa Bồ Tát dĩ vi thị giả, biến hiện tự tại, mãn thập phương Thế Giới.***

*(Sắc mặt Quán Thế Âm Bồ Tát như vàng Diêm Phù Đàm, tướng bạch hào giữa hai mày tròn đủ màu của bảy thứ báu, tỏa ra tám vạn bốn ngàn loại quang minh. Mỗi một quang minh có vô lượng vô số trăm ngàn hóa Phật. Mỗi vị hóa Phật có vô số hóa Bồ Tát làm thị giả, biến hiện tự tại, trọn khắp mười phương Thế Giới).*

Trong ba mươi hai tướng của Đức Phật có tướng bạch hào, Bồ Tát cũng có tướng bạch hào. Đã thế, tướng bạch hào cũng phóng quang hóa Phật, biến hiện tự tại. Trong đoạn trước đã nói: Hóa Phật nơi thân quang của Phật biến hiện tướng của lục đạo chúng sanh trong mười phương Thế Giới; ở đây nói đến một tướng trong vô lượng tướng hảo, tức là tướng bạch hào. Nói thật ra, hết thấy các tướng hảo đều phóng quang. Trong quang minh đều có hóa Phật, hóa Bồ Tát trọn khắp mười phương Thế Giới.

***Tý như hồng liên hoa sắc, hữu bát thập ức vi diệu quang minh, dĩ vi anh lạc, kỳ anh lạc trung, phổ hiện nhất thiết chư trang nghiêm sự.***

*(Cánh tay sắc như hoa sen đỏ, có tám mươi ức quang minh vi diệu để làm anh lạc. Trong anh lạc, hiện khắp hết thấy các sự trang nghiêm).*

Những điều nói trên đây đều là chánh báo, đều thuộc về thân thể, hoặc là toàn thể, hoặc là bộ phận. Ở đây nói về y báo, y báo là vật ngoài thân. Anh lạc và y phục đều thuộc về y báo. Đây chính là nói về y báo và chánh báo trang nghiêm.

***Thủ chương tác ngũ bách ức tạp liên hoa sắc, thủ thập chỉ đoan, nhất nhất chỉ đoan hữu bát vạn tứ thiên hoạch, do như ấn văn. Nhất***

*nhất hoạch hữu bát vạn tứ thiên sắc. Nhất nhất sắc hữu bát vạn tứ thiên quang. Kỳ quang nhu nhuyễn, phổ chiếu nhất thiết. Dĩ thử bảo thủ, tiếp dẫn chúng sanh.*

*(Bàn tay có màu như năm trăm ức hoa sen các loại. Mười đầu ngón tay, mỗi đầu ngón tay có tám vạn bốn ngàn đường vân giống như nét khắc trên cái ấn. Mỗi đường vân có tám vạn bốn ngàn màu. Mỗi một màu có tám vạn bốn ngàn ánh sáng. Quang minh ấy mềm mại, chiếu khắp hết thảy. Dùng tay báu này để tiếp dẫn chúng sanh).*

Nay chúng ta gọi những đường vân trong bàn tay là các vân tay. Vân tay của Ngài hết sức vi tế, đồng thời cũng phóng quang, quang minh cũng chiếu khắp hết thảy.

*Cử túc thời, túc hạ hữu thiên bức luân tướng, tự nhiên hóa thành hữu ngũ bách ức quang minh đài. Hạ túc thời, hữu kim cang ma ni hoa bố tán nhất thiết, mạc bất di mãn.*

*(Khi giở chân, dưới bàn chân có tướng bánh xe ngàn cãm, tự nhiên hóa thành năm trăm ức đài quang minh. Lúc đặt chân xuống, có hoa kim cang ma ni rải khắp hết thảy mọi nơi, không đâu chẳng trọn khắp).*

Trong đoạn cuối này, cho biết dưới bàn chân Bồ Tát có “thiên bức luân tướng”, Luân (bánh xe) là viên mãn, ngàn cãm cũng biểu thị sự viên mãn. Tướng hảo nơi ngón chân, từ trong luân tướng, “thiên bức luân tướng” là những đường chỉ trong gan bàn chân, cũng phóng quang giống hệt như vậy. Không chỉ tỏa ánh sáng, lại còn giở chân, hạ chân, tự nhiên biến hóa đài sen. “Kim cang ma ni

hoa” cũng là hoa sen báu. Do đó nói giờ chân, hạ chân là tự nhiên biến hiện, chẳng phải là tác ý, chẳng phải cố ý biến như vậy, mà là tự nhiên biến hiện. Ngài biến hiện đương nhiên đều có lý, đều có lý tồn tại, Lý ấy thuộc về Tánh Đức: Chân Như bản tánh trọn đủ vô lượng vô biên đức năng. Sau khi chứng đắc tự tánh, các hiện tượng ấy hoàn toàn là tự nhiên. Do đó, cổ nhân nói: “Chẳng đọc Hoa Nghiêm, không biết sự phú quý trong nhà Phật”, cũng chẳng hiểu chỗ hay của việc thành Phật. Thụ dụng các thứ trang nghiêm trong pháp thế gian là do nhiều đời hoặc do đời này tu phước mà hiện; còn y báo và chánh báo trang nghiêm của chư Phật, Bồ Tát do Tánh Đức biến hiện. Tánh Đức là tự nhiên, vĩnh viễn chẳng có suy kiệt, chẳng giống như Tu Đức. Tu Đức sẽ có lúc hết, Tánh Đức chẳng có hạn lượng, vô cùng, vô tận. Do vậy có thể biết: Phước báo trong Tánh Đức thù thắng hơn Tu Đức quá nhiều. Cầu huệ, cầu phước đều phải cầu từ tự tánh; đó mới là chánh xác.

Chúng ta lại xem đoạn Kinh Văn kế tiếp, trong Sớ Sao, khoa mục này được gọi là “dữ Phật đồng dị” (giống và khác với Phật). Hãy xem trang hai trăm lẻ một, dòng thứ ba từ dưới đếm lên.

***Kỳ dư thân tướng, chúng hảo cụ túc, như Phật vô dị.***

*(Những thân tướng khác, các tùy hình hảo trọn đủ, giống như Phật, chẳng khác).*

Những tướng hảo khác hoàn toàn giống như A Di Đà Phật.

***Duy đỉnh thượng nhục kế, cập Vô Kiến Đảnh tướng, bất cập Thế Tôn.***

*(Chỉ có tướng nhục kế và tướng Vô Kiến Đảnh trên đỉnh đầu chẳng bằng đức Thế Tôn).*

Bồ Tát thị hiện là bậc Đẳng Giác Bồ Tát, còn có một phần sanh tướng vô minh chưa phá. Tuy tướng hảo giống như Phật, nhưng chú tâm quan sát, sẽ thấy còn kém một chút, có ý nghĩa này!

***Thị vi quán Quán Thế Âm Bồ Tát chân thật sắc thân tướng, danh đệ thập quán.***

*(Đó là quán tướng sắc thân chân thật của Quán Thế Âm Bồ Tát, gọi là phép Quán thứ mười).*

Xin xem phần Kinh Văn tiếp theo.

***Phật cáo A Nan: - Nhược dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả, đương tác thị quán.***

*(Đức Phật bảo Ngài A Nan: “Nếu muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát, hãy nên quán như thế”).*

“Đương tác thị quán”: Cách quán hình tượng như Đức Phật đã dạy trên đây.

***Tác thị quán giả, bất ngộ chư họa.***

*(Quán như thế, chẳng gặp các họa).*

Xa lìa hết thấy các tai nạn bất ngờ. Thường tưởng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, thường xưng niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, cũng là nhớ Phật, niệm Phật. Thường có thể ức niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ không gặp hết thấy các tai nạn ngoài ý muốn.

***Tịnh trừ nghiệp chướng, trừ vô số kiếp sanh tử chi tội.***

*(Trừ sạch nghiệp chướng, trừ tội trong vô số kiếp sanh tử).*

Đây là nói tới công đức diệt tội do quán tưởng. Dưới đây là nói đến chuyện được phước.

***Như thờ Bồ Tát, dẫn văn kỳ danh, hoạch vô lượng phước, hà hưởng để quán.***

*(Bồ Tát như thế, chỉ nghe tên Ngài đã được vô lượng phước, hưởng hồ là quán kỹ lưỡng).*

Chúng ta đọc Kinh Văn là được rồi.

***Nhược hữu dục quán Quán Thế Âm Bồ Tát giả, tiên quán đánh thượng nhục kế; thứ quán thiên quan. Kỳ dư chúng tướng, diệc thứ đệ quán chi, tất linh minh liễu, như quán chướng trung. Tác thị quán giả, danh vi chánh quán. Nhược tha quán giả, danh vi tà quán.***

*(Nếu có ai muốn quán Quán Thế Âm Bồ Tát thì trước hết hãy nên quán nhục kế trên đỉnh đầu, kế đó quán mão Trời, và các tướng khác cũng theo thứ tự mà quán sao cho thấy đều rõ rệt như nhìn vào bàn tay. Quán như thế thì gọi là chánh quán. Nếu quán khác đi thì là tà quán).*

Trong chú giải có một đoạn mà chúng ta cần xem cẩn thận, xem từ câu thứ hai nơi dòng thứ tư trong trang hai trăm lẻ ba: “Hành giả quán u quan, kế, hào, diện, thân sắc, quang minh, nhất nhất tu dụng tâm tác, tâm thị, nhi vi năng quán” (Hành giả quán tướng mao Trời, nhục kế, bạch hào, vẻ mặt, thân sắc, quang minh của Quán Thế Âm Bồ Tát, đối với mỗi thứ đều nên dùng “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” để quán tướng). Hành giả là người nương theo lý luận và phương pháp này để tu hành, cách tu như thế nào? Quý vị quán mao đội đầu, nhục kế, tướng bạch hào, vẻ mặt, thân sắc, quang minh của Bồ Tát giống như trong Kinh đã nói, mỗi thứ đều quán tướng cặn kẽ. Quán tướng thì phải khéo dụng tâm. Chẳng khéo dụng tâm sẽ dấy vọng tưởng, đó chẳng phải là quán tướng. Quán tướng và vọng tưởng sai khác nhỏ nhất như vậy, đừng nên ngỡ vọng tưởng là quán tướng, điều này rất trọng yếu. Nói thật ra, rất nhiều kẻ bình phàm ngỡ vọng tưởng là quán tướng; vì thế, tội cũng chẳng thể diệt được, mà phước cũng chẳng thể hiện tiền, đó là do dụng tâm sai lầm. Như thế nào thì mới gọi là khéo dụng tâm? Câu tiếp theo trong lời Sớ rất trọng yếu, “tâm tác, tâm thị”. Trong phần Kinh Văn ở đoạn trước đã dạy: “Tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, phải dụng tâm như vậy. Quán A Di Đà Phật phải dùng cái tâm ấy, mà quán Quán Thế Âm Bồ Tát cũng phải dùng cái tâm ấy. Tâm này làm Bồ Tát, tâm này là Bồ Tát. Nói thật ra, vì sao có thể diệt tội, trừ chướng, sanh phước? Điều khẩn yếu nhất là ứng dụng lý luận, phương pháp từ việc quán Phật hay quán Bồ Tát vào trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta quan sát hết thấy vạn sự, vạn pháp, lẽ đâu chẳng khai trí huệ? Trí huệ đã khai, lẽ đâu chẳng sanh phước? Phước huệ



trọn đủ, há còn có tội nghiệp? Đương nhiên là tiêu tội nghiệp, lý ở chỗ này! Vì thế, phải biết dụng tâm thì mới là thật sự dụng tâm, tuyệt đối chẳng phải là dấy vọng tưởng. Dấy vọng tưởng là lầm lẫn quá ư to lớn!

**Đoạn này đã giảng giải ý nghĩa rất rõ ràng; vì thế, đối với mỗi chuyện, đều phải dùng, ắt phải sử dụng, tức là trong mỗi phép Quán đều cần phải dùng “tâm làm, tâm là”. “Tâm là” chính là cái có thể hiện (năng hiện), duy tâm sở hiện, “tâm làm” là duy thức sở biến. Hết thấy các tướng cảnh giới đều do tự tâm hiện, do bản thức biến. Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Chư Phật, Bồ Tát thấy đều do tự tánh biến hiện, đó gọi là “duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà”. Di Đà đã là tự tánh, há Quán Âm Bồ Tát lại có bao giờ chẳng phải là tự tánh? Biết chư Phật, Bồ Tát, Tịnh Độ do tự tánh biến hiện, có thứ gì nơi cảnh giới trước mắt chúng ta chẳng phải do tự tánh biến hiện? Quý vị quán sát như vậy, quán lâu ngày, tự nhiên minh tâm kiến tánh, tâm địa mới có thể thật sự đạt đến thanh tịnh, bình đẳng, bất tri bất giác tự nhiên nhập cảnh giới Phật. Dùng nguyên tắc này để quán tưởng, “nhi vi năng quán, thuyết tại tượng tiền, dụng tại thử xứ” (dùng làm chủ thể để quán, nguyên tắc đã được nói trong phần quán tượng A Di Đà Phật trên đây được vận dụng vào chỗ này).**

Những điều đã nói trong phần quán tượng ở phần trước là huấn luyện, tức là những điều được nói trong phần quán Vô Lượng Thọ Phật, nguyên tắc “tâm này là Phật, tâm này làm Phật” đã được nói trong đoạn

Kinh Văn dạy về phép quán Vô Lượng Thọ Phật, tức là được nói trong phép Quán thứ chín, nhưng quý vị phải biết sử dụng; hiện thời, đang nói đến phép quán Bồ Tát, quý vị phải biết vận dụng nguyên tắc ấy để quán tượng Bồ Tát, sau đó mở rộng ra. “Ký vân tác Phật thị Phật”, có nghĩa là nếu nói “làm Phật, là Phật”, “khởi bất năng tác Quán Âm thị Quán Âm da?” (há chẳng thể làm Quán Âm bèn là Quán Âm ư?), nghĩa là tâm này làm Quán Âm, tâm này là Quán Âm. “Thị kế, thị quan” (Là nhục kế, là mao), tâm này làm nhục kế, tâm này là nhục kế, chẳng có gì không phải là như thế. “Thị kế, thị quan, giai khả vi lệ, bất độc dĩ Phật lệ quán Bồ Tát, diệc tu lệ ư phổ tạp tam bối, khởi duy dĩ tiền lệ hậu, diệc hợp dĩ hậu lệ tiền, dĩ linh hành nhân, thỉ mật Kinh Văn, câu khả tu quán cố” (Là nhục kế, là mao Trời, đều có thể theo lệ ấy để quán. Không chỉ riêng quán Bồ Tát là noi theo lệ quán Phật, mà cũng nên theo lệ ấy để quán trong các môn Phổ Quán, Tạp Quán, Ba Bậc Vãng Sanh. Há có phải chỉ là áp dụng nguyên tắc trong phép Quán trước vào phép Quán sau, mà cũng phải nên áp dụng nguyên tắc trong phép Quán sau vào phép Quán trước, khiến cho hành nhân đối với Kinh Văn từ đầu đến cuối đều có thể quán theo cùng một nguyên tắc). Ý nói: Đối với mười sáu phép Quán, từ phép Quán thứ nhất là Nhật Quán cho đến phép quán cuối cùng là Trì Danh, đều phải vận dụng nguyên tắc này. Chúng ta hiểu đạo lý này, phải dùng tâm thái và nguyên tắc ấy để chấp trì danh hiệu, đích xác là chẳng giống kẻ bình phàm niệm câu A Di Đà Phật. Kẻ bình phàm niệm A Di Đà Phật miệng có, tâm không! Không có cái tâm gì? Chẳng phải là cái tâm vô tướng niệm A Di Đà Phật. Vì tướng niệm A Di Đà Phật là vọng

tưởng, niệm A Di Đà Phật luôn suy tưởng “con rất yêu mến A Di Đà Phật, con rất mong được thấy A Di Đà Phật”. Đó là cái tâm cảm tình, là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Chân tâm là gì? Tâm này là Phật, tâm này làm Phật, đó là đúng, chẳng sai. Vì thế, đối với “miệng có, tâm không”, trước nay chúng ta chưa hiểu rõ ý nghĩa “miệng có, tâm không”, từ chỗ này chúng ta mới hiểu rõ ràng.

Đây là chân tâm, cái “có thể hiện, có thể biến” đều là chân tâm. “Tâm này làm Phật” là chân tâm. Chẳng phải là chân tâm, sẽ chẳng hiện lộ cảnh giới, mà cũng chẳng thể sanh ra biến hóa. Có người nói: “Nhà Phật của các ông nói hết thầy các pháp chỉ do tâm biến, vậy thì tôi cầm vật này, ông hãy biến nó thành một món lễ vật cho tôi xem thử! Ông có biến được hay không? Biến chẳng được thì tức là nói gạt người mất rồi!” Người ấy chẳng hiểu cái có thể biến chính là chân tâm, nay cái tâm mà chúng ta đang nói lại chính là vọng tâm, vọng tâm chẳng thể biến, chân tâm có thể biến. Ở đây nói “tâm này là Phật, tâm này làm Phật”, “là” và “làm” đều nói về chân tâm. Người bình phàm hiểu lầm Phật Pháp, chúng ta phải nên hiểu điều này. Sau khi đã hiểu, sẽ dần dần thông thả học tập, học sử dụng những điều ấy trong cuộc sống hằng ngày, dùng trong thấy, nghe, hay, biết, sẽ thụ dụng rất to lớn. Hiện tiền sẽ có thể đạt được tự tại giải thoát, xác thực là có thể giúp cho chúng ta đoạn phiền não, thành Phật đạo.

Phép Quán thứ mười một tiếp theo đây là quán Đại Thế Chí Bồ Tát.

*Thứ quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Thứ Bồ Tát thân lượng đại tiểu, diệp như Quán Thế Âm, viên quang diện các bách nhị thập ngũ do tuần, chiếu nhị bách ngũ thập do tuần, cử thân quang minh, chiếu thập phương quốc, tác tử kim sắc. Hữu duyên chúng sanh, giai tất đắc kiến, đản kiến thử Bồ Tát nhất mao không quang.*

*(Kể đó, quán Đại Thế Chí Bồ Tát. Vị Bồ Tát này thân lượng lớn nhỏ cũng như Quán Thế Âm. Viên quang mỗi phía rộng một trăm hai mươi lăm do tuần, chiếu xa hai trăm năm mươi do tuần. Quang minh nơi toàn thân Ngài chiếu mười phương cõi nước, có màu vàng tía. Chúng sanh hữu duyên thấy đều được thấy, chỉ thấy một ánh sáng nơi lỗ chân lông của vị Bồ Tát này...).*

Chữ Không ở đây có nghĩa là từ lỗ chân lông tỏa ra ánh sáng.

*Tức kiến thập phương vô lượng chư Phật tịnh diệu quang minh. Thị cố hiệu thử Bồ Tát danh Vô Biên Quang, dĩ trí huệ quang, phổ chiếu nhất thiết, linh ly tam đồ, đắc Vô Thượng lực. Thị cố hiệu thử Bồ Tát vi Đại Thế Chí.*

*(Liên thấy quang minh trong sạch, màu nhiệm của mười phương vô lượng chư Phật. Do đó, vị Bồ Tát này được gọi là Vô Biên Quang. Dùng trí huệ quang chiếu khắp hết thấy, khiến họ được lìa tam đồ, đắc Vô Thượng lực. Do vậy, vị Bồ Tát này có hiệu là Đại Thế Chí).*

Trong đoạn Kinh Văn này, trước hết giới thiệu Đại Thế Chí Bồ Tát và Quán Thế Âm Bồ Tát có hình trạng, vóc dáng, diện mạo đều giống hệt nhau. Ở đây cũng giới thiệu nguyên do của danh hiệu Bồ Tát, vì sao Ngài

được gọi là Đại Thế Chí? Ngài còn có một danh hiệu khác là Vô Biên Quang, ở đây, chúng ta đều thấy: Vì Ngài có thể khiến cho hết thảy chúng sanh hữu duyên xa lìa tam đồ, đắc Vô Thượng lực, nên gọi là Đại Thế Chí. Danh hiệu Đại Thế Chí được kiến lập từ chỗ này.

Chúng ta lại xem đoạn Kinh Văn tiếp theo trong trang hai trăm lẻ năm, có khoa đề là “dữ Quán Âm minh dị đồng” (nói rõ chỗ giống nhau và khác nhau so với Ngài Quán Âm).

***Thử Bồ Tát thiên quan, hữu ngũ bách bảo hoa, nhất nhất bảo hoa, hữu ngũ bách bảo đài. Nhất nhất đài trung, thập phương chư Phật tịnh diệu quốc độ quảng trường chi tướng, giai ư trung hiện, danh thượng nhục kế, như Bát Đầu Ma hoa.***

*(Mão Trời của vị Bồ Tát này có năm trăm hoa báu. Mỗi một hoa báu có năm trăm bảo đài. Trong mỗi đài, tướng các cõi nước tịnh diệu rộng lớn của mười phương chư Phật đều hiện trong ấy. Nhục kế trên đỉnh đầu Ngài như hoa sen đỏ).*

“Bát Đầu Ma” (Padma) là hoa sen đỏ.

***Ư nhục kế thượng hữu nhất bảo bình.***

*(Trên nhục kế có một bình báu).*

Đây là chỗ khác với Quán Âm Bồ Tát.

***Thịnh chư quang minh.***

*(Chứa các quang minh).*

Trong bình báu ấy đựng gì? Chứa quang minh.

***Phổ hiện Phật sự. Dư chư thân tướng, như Quán Thế Âm đẳng vô hữu dị.***

(Hiện khắp các Phật sự. Những thân tướng khác giống hết như Quán Thế Âm, chẳng khác).

Chỗ chẳng giống Quán Âm Bồ Tát là mao khác nhau.

***Thử Bồ Tát hành thời, thập phương Thế Giới, nhất thiết chấn động. Đương địa động xứ, hữu ngũ bách ức bảo hoa, nhất nhất bảo hoa, trang nghiêm cao hiển như Cực Lạc Thế Giới.***

(Lúc Bồ Tát này đi, mười phương Thế Giới hết thấy chấn động. Chỗ đất chấn động có năm trăm ức hoa báu. Mỗi một hoa báu trang nghiêm, cao rộng như Thế Giới Cực Lạc).

Đây là cảnh giới hiện ra khi Bồ Tát đi.

***Thử Bồ Tát tọa thời, thất bảo quốc độ, nhất thời động dao, tùng hạ phương Kim Quang Phật sát, nãi chí thượng phương Quang Minh Vương Phật sát. Ư kỳ trung gian, vô lượng trần số phân thân Vô Lượng Thọ Phật, phân thân Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, giai tất vân tập Cực Lạc quốc độ, tặc tái không trung, tọa liên hoa tòa, diễn thuyết diệu pháp, độ khổ chúng sanh.***

(Khi vị Bồ Tát này ngồi, cõi nước bảy báu đồng thời rung chuyển. Từ cõi Kim Quang Phật ở phương dưới cho đến cõi Quang Minh Vương Phật ở phương trên, trong khoảng đó, vô lượng phân thân của Vô Lượng

*Thọ Phật, phân thân của Quán Thế Âm, Đại Thế Chí số nhiều như vi trần đều cùng vân tập đầy dẫy trong hư không của cõi Cực Lạc, tất cả các phân thân đều ngồi trên tòa hoa sen, diễn nói diệu pháp, độ chúng sanh đang khổ sở).*

Đoạn này nói Bồ Tát đi và ngồi đều thực hiện sự trang nghiêm lợi ích chúng sanh.

*Tác thử quán giả, danh vi quán kiến Đại Thế Chí Bồ Tát, thị vi quán Đại Thế Chí sắc thân tướng. Quán thử Bồ Tát giả, danh đệ thập nhất quán.*

*(Hành phép Quán này thì gọi là quán thấy Đại Thế Chí Bồ Tát, tức là quán tướng sắc thân của Ngài Đại Thế Chí. Quán vị Bồ Tát này thì gọi là phép Quán thứ mười một).*

**Đoạn Kinh Văn này giới thiệu Đại Thế Chí Bồ Tát trong Tây Phương Tam Thánh. Kinh nói Bồ Tát đi và ngồi, tức là nói tới hai thứ trong bốn oai nghi. Nói hai thứ thì hai thứ khác cũng đều được bao gồm trong ấy, phải biết điều này. Đi, đứng, ngồi, nằm toàn là Phật sự, toàn là chấn động hết thủy. Đại Thế Chí Bồ Tát đi, đứng, ngồi, nằm, hết thủy chấn động, Quán Thế Âm Bồ Tát có giống như vậy hay không? Đương nhiên là có. Chớ nên bảo là trong phần Kinh Văn nói về Quán Âm Bồ Tát chẳng hề đề cập thì có lẽ Quán Âm Bồ Tát đi, đứng, nằm, ngồi chẳng có chuyện ấy! Đức Phật nói Kinh, hề có những gì trong phần Kinh Văn giảng về Quán Âm Bồ Tát, đã nói Quán Âm Bồ Tát đã có thì Đại Thế Chí Bồ Tát đều có. Đã nói Đại**

**Thế Chí Bồ Tát có những tướng trạng gì, Quán Thế Âm Bồ Tát cũng đều có, chẳng khác gì nhau!**

**Đối với sự chấn động, nói “hết thủy chấn động” thì chẳng phải là như chúng ta nói đến nạn động đất trong hiện thời, động đất thì nguy hiểm quá! Nếu hiểu kiểu đó, hễ Bồ Tát đến bèn mang lại đại tai nạn cho chúng ta ư? Hiểu lầm mất rồi! Đức Phật nói “đại địa chấn động” là nói về tâm địa, tức tâm địa của hết thủy chúng sanh. Thấy quang minh của Đức Phật, nghe Đức Phật Thuyết pháp, tâm địa chấn động, giác ngộ! Trước kia, tâm này mê hoặc, điên đảo, nay bị chấn động, tâm liền khai giải, tâm khai ý giải, mang ý nghĩa này. Vì thế, chớ nên hiểu lầm ý! Hễ hiểu lầm ý, chúng ta đều chẳng hoan nghênh Phật, Bồ Tát đến, vì lúc các Ngài đến, tai nạn quá lớn. Ở đây là nói tâm địa chấn động, tâm khai ý giải. Do đó, “động” ở đây có nghĩa là “tuôn trào”, tuôn trào là gì? Trí huệ luôn tuôn trào, giác tánh thường tuôn trào, biểu thị ý nghĩa này. Hết thủy chư Phật, Bồ Tát đều có thể giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, đây là nói tổng quát.**

Đoạn Kinh Văn tiếp theo nói về công đức diệt tội nơi hàng thứ ba trong trang hai trăm lẻ bảy.

*Trừ vô số kiếp A Tăng Kỳ sanh tử chi tội. Tác thị quán giả, bất xử bào thai, thường du chư Phật tịnh diệu quốc độ. Thử quán thành dĩ, danh vi cụ túc quán Quán Thế Âm, Đại Thế Chí.*



*(Trừ tội trong vô số kiếp A Tăng Kỳ sanh tử. Quán phép này, chẳng ở trong bào thai, thường dạo trong các cõi nước thanh tịnh mẫu nhiệm của chư Phật. Phép Quán này thành tựu thì gọi là quán trọn đủ Quán Thế Âm và Đại Thế Chí).*

Trong chú giải, nói tổng quát thì chỉ có trong mao của hai vị Bồ Tát này là khác biệt, một vị là hóa Phật, vị kia là bình báu. “Nhị chủng hữu dị, dư tướng giai đồng” (Hai thứ có khác biệt, những tướng khác đều giống nhau). Những tướng khác hoàn toàn đều giống nhau, chỉ có trên mao là có sai khác đôi chút. Tướng mạo giống nhau, oai nghi cũng giống nhau, đương nhiên công đức lợi sanh vẫn giống nhau. Do đó, bất luận nói về điểm nào, hai vị Bồ Tát thấy đều giống nhau.

Tiếp theo là phép Quán thứ mười hai: “Phổ Vãng Sanh quán”. Trong phần này có hai đoạn. Đoạn thứ nhất là “tác tự thân vãng tướng” (tướng thân mình Vãng Sanh). Người tu Tịnh Tông tuy chẳng tu phép Quán này, nhưng trì danh niệm Phật thì tốt nhất cũng nên thường hành phép Quán chính mình Vãng Sanh, rất hữu ích đối với việc Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới trong tương lai của chúng ta.

***Kiến thử sự thời, đương khởi tự tâm sanh u Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, u liên hoa trung, kết già phu tọa. Tác liên hoa hợp tướng, tác liên hoa khai tướng. Liên hoa khai thời, hữu ngũ bách sắc quang lai chiếu thân tướng. Nhân mục khai tướng, kiến Phật, Bồ Tát mãn hư không trung. Thủy, diệu, thụ lâm, cập dữ chư Phật sở xuất âm thanh, giai diễn diệu pháp, dữ thập nhị bộ Kinh hợp. Nhược xuất Định chi***

***thời, ức trì bất thất. Kiến thứ sự dĩ, danh kiến Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc Thế Giới. Thị vi phổ quán tướng, danh đệ thập nhị quán.***

*(Khi thấy sự ấy, hãy nên tự khởi tâm sanh trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, ngòi xếp bằng trong hoa sen. Tướng hoa sen khép lại, tướng hoa sen nở ra. Tướng khi hoa sen nở, có năm trăm ánh sáng có màu chiếu đến thân. Tướng khi mở mắt, thấy Phật, Bồ Tát đầy khắp hư không. Âm thanh của nước, chim, rừng cây và tiếng Phật nói đều diễn diệu pháp, phù hợp với mười hai bộ Kinh. Như khi xuất Định, nhớ giữ chẳng quên. Đã thấy sự ấy thì gọi là thấy Thế Giới Cực Lạc của Vô Lượng Thọ. Đó là phổ quán tướng, được gọi là phép Quán thứ mười hai).*

Phần sau còn có một đoạn, chúng ta hãy đọc tiếp nơi trang hai trăm lẻ chín, hàng thứ hai.

***Vô Lượng Thọ Phật hóa thân vô số, dữ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí, đương lai chí thứ hành nhân chi sở.***

*(Vô Lượng Thọ Phật hóa thân vô số, cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí sẽ đến chỗ hành nhân ấy).*

Đoạn này nhằm dạy chúng ta hãy thường ức tưởng chính mình Vãng Sanh. Quán tướng chẳng dễ dàng. Hơn nữa, hiện thời chúng ta phiền não rất nặng, vọng niệm quá nhiều, nên vận dụng Quán Tướng Niệm Phật quả thật chẳng dễ gì thành tựu. Vì lẽ đó, chúng ta chuyên chọn Trì Danh làm phương pháp tu hành, lấy Trì Danh làm chủ, và cũng có thể dùng quán tướng để phụ trợ, điều này rất hữu ích. Dùng quán tướng để phụ trợ thì chúng ta có thể tưởng bao nhiêu bèn tưởng bấy nhiêu, rất

thuận tiện! Đặc biệt là ban đêm trước khi ngủ, trong khi chúng ta nằm trên giường, hãy tưởng đang Vãng Sanh, tưởng Đức Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Thường quán tưởng như vậy, sẽ có lợi ích to nhất, lúc lâm chung chẳng sợ hãi. Người bình phàm, nói thật ra, hết thấy chúng sanh đều là như vậy, có thể nói là lục đạo chúng sanh không ai chẳng như vậy, tham sống sợ chết! Khi thật sự sắp chết, nỗi sợ hãi hiện hữu, thật sự có thể giữ cho tâm chẳng điên đảo, xa lìa hoảng sợ, cần phải có định lực rất sâu. Khi lâm chung, người thật sự chẳng điên đảo, chẳng sợ hãi, dầu chẳng phải là người niệm Phật, cũng chắc chắn chẳng đọa trong ba ác đạo. Vào trong ba ác đạo là như thế nào? Do hoảng loạn nên mới vào, há có người nào đầu óc sáng suốt lại đọa trong ba ác đạo? Chẳng thế nào! Chỉ có trong lúc hoảng loạn thì mới như thế, chẳng thấy rõ ràng hết thấy cảnh giới, bèn thuận theo nghiệp lực lôi dắt vào đó. Thần trí sáng suốt, chẳng hề hoang mang, thấy rất rõ cảnh giới, người ấy sẽ có thể chọn lựa, tất nhiên sẽ chọn lựa phước báo nhân thiên. Nếu là người niệm Phật, vào lúc khẩn yếu ấy, chắc chắn là người ấy chọn lựa Tây Phương Tịnh Độ. Chỉ có một niệm tương ứng ấy, Phật liền đến đón tiếp, Vãng Sanh Tây Phương với tốc độ vô cùng nhanh chóng. Quý vị một niệm tương ứng, ngay lập tức Phật, Bồ Tát đến tiếp dẫn quý vị. Vì thế, loại quán tưởng này, tức là quán tưởng thường Vãng Sanh có lợi ích vô cùng to lớn.

**Mấy câu cuối trong đoạn Kinh Văn này nói rất hay. Trong khi chúng ta quán tưởng, vẫn còn chưa mạng chung, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đều hiện tiền, đúng là “nhập ngã tướng trung”**

(vào trong tâm tưởng của ta), cũng chính là như Kinh Văn trong phần trước đã nói: “Nhập chúng sanh tâm tưởng trung” (Vào trong tâm tưởng của chúng sanh). Trong tâm tưởng Phật, tâm liền làm Phật. Tưởng Bồ Tát, tâm liền làm Bồ Tát. Cuối phần chú giải có nói: “Tur nãi tam quán nhất tâm, tác thị song vận, trí linh tâm Phật, bỉ thử vãng lai, cố tri quán thể, thành bất khả tư nghị” (Đây chính là Tam Quán Nhất Tâm, cùng vận dụng “tâm này làm Phật” và “tâm này là Phật”, khiến cho tâm và Phật dung nhập lẫn nhau. Do vậy, biết Thể của Quán đúng là chẳng thể nghĩ bàn). Quý vị thường thường có thể quán tưởng như thế, sẽ cảm ứng đạo giao với Phật, Bồ Tát, điều này thuộc về Sự, còn “tâm làm, tâm là” thuộc về Lý. Lý và Sự tương ứng, Lý và Sự chẳng hai, niệm Phật, ức Phật như vậy, công đức lại chẳng thể nghĩ bàn. Do vậy có thể biết, nếu chúng ta chẳng đọc Kinh luận này, không hiểu rõ, tuy nói pháp này là “đạo dễ hành”, nhưng chúng ta cũng thường hiểu lầm pháp này. Đây chính là duyên có khiến cho người niệm Phật đông đảo, người Vãng Sanh ít ỏi. Đây cũng là như cổ nhân đã nói: “Sanh về Tây Phương, phẩm vị cao hay thấp do mỗi người gặp duyên khác nhau”, đều nhằm chứng minh cho chúng ta. Chúng ta gặp duyên rất thù thắng, thù thắng ở chỗ nào? Hiểu rõ Lý, hiểu rõ phương pháp, cảnh giới đều biết, biết dụng tâm, biết dụng công, tức là duyên thù thắng, Vãng Sanh Tây Phương phẩm vị sẽ cao!

**Phẩm vị cao hay thấp, nói thật ra là do gặp duyên khác nhau. Đường như Thiện Đạo Đại Sư nói câu này, Ngài nói trong Tứ Thiếp Sớ, gặp duyên khác nhau. Đích xác là đối với người niệm Phật chúng ta mà nói, câu nói này của Thiện Đạo Đại Sư đã tạo tín tâm rất lớn cho chúng ta. Bởi lẽ, nếu chẳng nghe lời trên đây, sẽ luôn cảm thấy chính mình nghiệp chướng rất nặng, ta có thể Vãng Sanh hay không, tự mình chẳng nắm chắc. Nếu như Vãng Sanh, hạ hạ phẩm là đã là rất may mắn, rất thỏa mãn, chẳng dám mơ tưởng cao hơn! Cũng chẳng biết chính mình có thật sự nắm chắc hay không! Nghe những lời này của Tổ Sư, tâm mới định, biết là không chỉ nắm chắc Vãng Sanh, mà còn nắm chắc cầu đạt được thượng thượng phẩm Vãng Sanh. Vì điều này chẳng liên quan đến thiện căn và phước đức trong đời quá khứ cho mấy, mà liên quan rất lớn với chuyện gặp duyên trong đời này. Lại thừa cùng chư vị rõ ràng hơn một chút, vì sao nói là chẳng liên quan đến thiện căn và phước đức trong đời quá khứ cho mấy? Quý vị đã trọn đủ thiện căn và phước đức trong đời quá khứ. Nếu quý vị chẳng trọn đủ thiện căn và phước đức, chẳng phải là nhiều thiện căn, lắm phước đức, làm sao quý vị có thể tin tưởng cho được? Làm sao quý vị có cơ hội gặp gỡ Pháp Môn này cho được? Nếu không trọn đủ, sẽ chẳng gặp Pháp Môn này! Quý vị có thể gặp gỡ, sau khi gặp gỡ, có thể tin tưởng, có thể phát nguyện, cho thấy thiện căn và phước đức của quý vị chẳng có vấn đề, đã trọn đủ! Vấn đề hiện thời là vấn đề duyên. Duyên này khiến cho phẩm vị Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới sai khác. Quý vị là thượng**

**thượng phẩm, hay là thượng trung phẩm, hoặc thuộc vào ba phẩm hạ, là do vấn đề gặp duyên.**

Bản thân chúng ta phải hiểu rõ chuyện này, nhất định phải phát nguyện làm Tăng Thượng Duyên cho hết thảy chúng sanh. Chúng ta gặp nhân duyên hết sức thù thắng, bản thân chúng ta có thể đạt tới phẩm vị cao, nhưng vẫn còn có những người niệm Phật chẳng biết. Nếu chúng ta có duyên gặp họ, quý vị có thể giảng giải cho họ nghe, khiến cho họ cũng có thể tăng cao phẩm vị, tị hành, hóa độ người khác. Ngàn muôn phần đừng ôm ấp tâm niệm: “Ta gặp duyên tốt đẹp, ta thượng thượng phẩm Vãng Sanh, cũng chớ nên nói với người khác để phẩm vị Vãng Sanh của những người khác đều thấp hơn ta”. Hễ có ý niệm ấy thì ý niệm ấy chính là tiếc pháp, tâm keo kiệt đã nổi lên. Keo kiệt là phiền não lớn nhất, thuộc về tham phiền não. Tham, sân, si phiền não sanh khởi, sẽ chướng ngại quý vị Vãng Sanh. Không chỉ phẩm vị chẳng thể tăng cao, mà còn bị chướng ngại, quý vị chưa chắc Vãng Sanh được! Trừ phi chẳng có duyên, hễ có duyên bèn khuyên người khác, hễ có duyên bèn giảng giải cho người ta!

**Giảng giải cho người khác, có phải là sẽ khiến cho sự tu hành của chính mình bị lỡ làng hay chẳng? Chẳng hề lỡ làng! Quý vị giảng giải cho người khác, nhưng chính mình vẫn nhớ Phật, niệm Phật, không nhất định phải là “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật” thì mới là niệm Phật. Ta khuyên người khác niệm Phật, cũng là đang niệm Phật, tâm ta chẳng lìa A Di Đà Phật. Do đó, niệm Phật không nhất**

**định là miệng niệm. Tâm niệm, ức niệm thì thân cũng đang niệm, ba nghiệp thân, miệng, ý đều đang niệm Phật. Không chỉ riêng là miệng niệm, tự hành là niệm Phật, mà giúp đỡ người khác cũng là niệm Phật. Một mình ta niệm câu A Di Đà Phật, mọi người đều niệm A Di Đà Phật, mọi người niệm A Di Đà**

Phật chính là ta đang niệm A Di Đà Phật, nhất định phải hiểu đạo lý này. Trong Kinh Đại Thừa đã đôi ba lượt dạy: Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một, ngàn muôn phần phải thấu hiểu ý nghĩa này. Phương pháp tu hành của chúng ta mới có thể giống như quang minh, từng tia sáng soi tỏ lẫn nhau thì quang minh mới hiển thị sự rộng lớn khôn sánh.

À! Chúng ta tan học, nghỉ ngơi mấy phút.

## TẬP 26

Phần trước là một đoạn lớn, từ phép Quán thứ nhất đến phép Quán thứ mười hai thuộc loại Quán Tượng Niệm Phật. Từ phép Quán thứ mười ba thuộc về Quán Tượng Niệm Phật, phương pháp này khác với các phương pháp trước. Chúng ta xem đoạn tiếp theo, hãy xem từ hàng thứ ba đếm từ dưới lên trong trang hai trăm lẻ chín.

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Nhược dục chí tâm sanh Tây Phương giả, tiên đương quán u nhất trượng lục tượng, tại trì thủy thượng.***

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Nếu muốn chí tâm sanh về Tây Phương, trước hết hãy nên quán tượng cao một trượng sáu ở trên mặt nước trong ao).*

Khoa đề của phần này là “tạp minh Phật, Bồ Tát quán, sơ quán trượng lục tượng” (nói về pháp quán xen lẫn Phật và Bồ Tát, trước hết là quán tượng cao một trượng sáu). Trong phần trước đã nói thân tướng của Phật và Bồ Tát đều vô cùng cao lớn, thật sự rất khó tưởng tượng; nhưng Quán Tượng Niệm Phật cũng phải rất có phước báo thì mới được. Nếu chẳng có phước báo, rất khó tu hành! Nếu phước báo rất lớn, chính mình cũng chẳng phải làm chuyện gì, cuộc sống có người chăm sóc, trong nhà có Phật đường, trong Phật đường khắc hình tượng Phật, Bồ Tát cao một trượng sáu thước. Hiện thời, tại Đại Lục, có rất nhiều tượng Phật cao một trượng sáu thước, rất cao, rất lớn. Tượng Phật thờ trong nhà, mỗi ngày



nhìn ngắm, quán tượng; nhưng nếu rời khỏi Phật đường, cái nhân tu tập ấy bị đoạn mất, nên phải thường ở trong Phật đường quán tượng. Vì lẽ đó, chính mình chỉ đành chẳng đi làm thì mới có thể tu được. Do đó, điều này cho thấy phải có phước báo rất lớn thì mới tu Quán Tượng Niệm Phật thành công. Hiện thời, cách tu này không chỉ là rất khó đối với kẻ tại gia, mà đối với người xuất gia cũng rất khó! Phải buông hết thảy xuống, mỗi ngày quán tượng trong Niệm Phật Đường, rất khó! Đó là nói về cách tu quán tượng kim thân cao một trượng sáu.

Chúng ta đọc lời chú giải: “Hành giả ưu tiên y chánh chư quán, tuy dĩ tinh tu, thượng vị đắc nhập” (Hành giả nương theo các phép Quán về chánh báo và y báo như trên đây, tuy đã tu chuyên ròng, vẫn chưa chứng nhập). Ý nói tuy tu Quán đúng như các phương pháp trên đây, nhưng chẳng thể quán thành tựu. Chẳng thể thành tựu, bèn chẳng thể đắc lực. “Kỳ cầu sanh chi tâm, di gia đôn đốc, danh vi chí tâm” (Cái tâm cầu được Vãng Sanh ấy càng được thêm đôn đốc, nên gọi là chí tâm), nhưng cái tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới hết sức ân cần, tha thiết. Quán chẳng thành, nhưng chúng ta rất mong mỏi được sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, làm như thế nào đây? Bất đắc dĩ, Đức Phật lại dạy chúng ta một phương pháp: Chẳng thể quán Thắng Ứng Thân thành tựu, bèn quán Liệt Ứng Thân, tức là thân trượng sáu. “Cổ linh thử nhân xả thắng, quán liệt” (Nên dạy người ấy thôi quán Ứng Thân, mà quán Liệt Thân). Mười hai phép Quán trên đây đều vô cùng thù thắng, nhưng quán chẳng thành công, chúng ta bỏ đi, quán tượng Liệt Ứng Thân. “Vi

quán nhị thị tiên, tướng Di Đà, cô vân tiên đương quán trượng lục dã” (Trước khi quán hai vị thị giả, bèn tướng Di Đà, nên nói là trước hết quán trượng cao một trượng sáu). Đây là thân cao một trượng sáu thước, chúng ta sẽ dễ quán hơn nhiều. “Hành nhân dục thác bỉ độ liên trì, cô linh quán tượng tại trì thủy thượng” (Hành nhân muốn thác sanh trong ao sen nơi cõi ấy, nên dạy họ quán tượng ở trên mặt nước trong ao). Tuy chúng ta thờ phụng hình tượng Phật, phải tưởng tượng Phật ấy đứng trên hoa sen báu trong ao bảy báu. Do đó, trong quán tượng còn bao gồm quán tưởng, nhưng quán tượng là chủ, dễ tu thành công hơn! “Ứng tri thắng thân, ký tâm tác, tâm thị, khởi kim trượng lục, phi tác thị da? Viên nhân tác vi, giai liễu duy tâm” (Hãy nên biết thân thù thắng đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, há nay tượng cao trượng sáu chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật” ư? Người viên đốn làm gì cũng đều thấu hiểu duy tâm). Do vậy, có thể biết, bất luận là quán Thắng Ứng Thân hay quán Liệt Ứng Thân, đều chẳng thể bỏ nguyên tắc “tâm này làm, tâm này là”. Đối với những chữ tiếp đó, tôi không nói tới, vì đã bao hàm hết thấy vạn pháp, tâm này làm Phật, tâm này là Phật, tương tự, ta cũng có thể nói tâm này làm Bồ Tát, tâm này là Bồ Tát. “Tâm làm, tâm là” bao quát hết thấy muôn pháp thế gian và xuất thế gian, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều chẳng lìa khỏi nguyên tắc này. Lại xem Kinh Văn.

*Như tiên sở thuyết Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, phi thị phàm phu tâm lực sở cập.*

*(Như trong phần trước đã nói Vô Lượng Thọ Phật thân lượng vô biên, tâm lực phàm phu chẳng thể quán tưởng nổi).*

**Đối với những điều đã nói trong phần trước, Đức Phật biết rất rõ ràng, nhất là phàm phu trong đời Mạt chấc chấc chẳng thể quán thành công! Đừng nói là quán thân tướng Phật, ngay cả quán mặt Trời hay quán nước, chúng ta đều chẳng có cách nào thành tựu.**

*Nhiên bỉ Như Lai túc nguyện lực cố, hữu ức tướng giả, tất đắc thành tựu.*

*(Nhưng do túc nghiệp lực của đức Như Lai ấy, hễ có ai ức tướng, ắt được thành tựu).*

Nói thật ra, Pháp Môn Niệm Phật hoàn toàn cậy vào Thần lực Tam Bảo gia trì, đặc biệt là A Di Đà Phật nguyện lực chẳng thể nghĩ bàn, nhất định gia trì chúng ta. Tâm nguyện của chúng ta càng thanh tịnh, càng khẩn thiết, sức mạnh gia trì của Phật lực càng rõ rệt. Các đồng tu phải hiểu, đây là một sanh lộ, là hy vọng duy nhất của chúng ta. Lục đạo là tử lộ, nhất định phải buông xuống chuyện trong lục đạo. Những chuyện gì trong lục đạo? Các thứ kiến giải, các nỗi vọng tưởng, các thứ phân biệt, chấp trước, tham, sân, si, mạn, tất cả đều là chuyện thuộc về lục đạo, phải vứt bỏ. Chẳng vứt bỏ, quý vị đang tu gì thế? Tu lục đạo! Người học Phật, nói thật ra, bề ngoài là đang học Phật, nhưng thật ra là đang tu lục đạo rất nhiều! Có sao rất nhiều? Trong Phật môn mà ganh ty, chướng ngại, thị phi, nhân ngã, miệng niệm Phật nhưng trong tâm vẫn muốn làm những chuyện đó! Đây là gì? Tu lục đạo luân hồi, tu ba ác đạo trong Phật môn!

Chúng ta thấy người khác có những điều ấy, đừng quan tâm đến, chính mình quyết định chớ nên khởi ý niệm ấy!

Sáng hôm nay có mấy đồng tu nói đến chuyện hằng thuận chúng sanh và tùy hỷ công đức. Khóa sáng và khóa tối mỗi ngày đều niệm mười nguyện Phổ Hiền: “Nhất giả lễ kính chư Phật, nhị giả xưng tán Như Lai”, niệm hằng ngày. Thuận là gì? Hằng thuận chúng sanh. Chúng sanh: Phàm những tướng do các duyên hòa hợp mà sanh ra thì đều gọi là “chúng sanh”. Hết thấy mọi người là chúng sanh, hết thấy sự vật cũng là chúng sanh, bàn ghế cũng đều là chúng sanh. Chẳng có gì không phải là chúng sanh, vì đều do các duyên hòa hợp mà sanh. Tùy thuận như thế nào? Đối với hết thấy chúng sanh, nói cách khác, đối với hết thấy hoàn cảnh nhân sự hay hết thấy hoàn cảnh vật chất, bất luận là người thiện, kẻ ác, người tốt, kẻ xấu, cảnh giới là thuận cảnh hay nghịch cảnh, chúng ta đều chẳng khởi tâm, mà cũng chẳng động niệm, đó là “hằng thuận”. Hễ khởi tâm động niệm thì còn thuận theo gì nữa? Hằng thuận tự tánh của hết thấy chúng sanh. Lục Tổ đã nói về tự tánh rất hay: “Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần”, trong “vốn chẳng có một vật”, hằng thuận tự tánh. Hằng thuận tự tánh của hết thấy chúng sanh, hằng thuận vật tánh. Không khởi tâm, chẳng động niệm là thuận; khởi tâm động niệm sẽ không thuận, phải biết điều này!

Tùy hỷ là giúp người khác thành tựu những điều tốt đẹp. Thấy chuyện của người ta có lợi ích cho chúng sanh, lợi ích xã hội, chúng

ta sẽ tận tâm tận lực giúp đỡ, thành toàn người ấy. Thành toàn như thế nào thì là tùy hỷ? Thành toàn mà chẳng kể công sẽ là tùy hỷ. Không cần danh, chẳng cần lợi, chẳng cần công đức, tận tâm tận lực giúp đỡ họ, đó gọi là tùy hỷ. Nếu trong ấy có xen lẫn danh lợi, lại muốn tranh giành những điều tốt đẹp, đó chẳng phải là tùy hỷ. Tùy hỷ hoàn toàn là nghĩa vụ, trọn hết nghĩa vụ, chẳng cầu quyền lợi, đó mới là tùy hỷ. Do đó, cương mục tu học của Bồ Tát thật sự được bao gồm trong ý nghĩa của khoa mục tùy hỷ này. Nếu chúng ta chẳng hiểu rõ ràng, sẽ thường là tu hành hoàn toàn sai lầm. Chúng ta xem đoạn cuối cùng.

*Đản tướng Phật tượng, đặc vô lượng phước. Huống phục quán Phật cụ túc thân tướng.*

*(Chỉ tướng tượng Phật còn được phước vô lượng, huống lại quán trọn đủ thân tướng của Phật).*

Tượng Phật đắp hay hình Phật in màu đều như nhau; nhưng có những tượng Phật, đặc biệt là giống như tượng chúng ta đang in hiện thời, tượng đúc cũng thế, tượng vẽ rất nhỏ, tượng Phật nhỏ mang theo thân rất thuận tiện. Nhưng chúng ta đối trước tượng Phật quán tưởng thì phải tưởng bức tượng Phật ấy rất lớn, giống như người thật, cao một trượng sáu thước, tưởng ở trước tượng Phật, chúng ta rất nhỏ, phải tưởng theo cách như vậy. Đừng tưởng chúng ta rất lớn, tượng Phật nhỏ xíu, quán tưởng kiểu ấy thì đã sai lầm mất rồi. Do đó, tượng nhỏ một chút chẳng sao cả, nói chung là khi tưởng, phải tưởng chúng ta đối trước

tượng Phật chỉ bằng một nửa tượng Phật, chỉ cao lớn bằng một nửa tượng Phật, Phật to gấp bội chúng ta, phải thường quán tưởng như thế. Lễ bái chư Phật cũng phải tưởng theo cách giống như vậy, như vậy thì mới rất đúng pháp.

Lại xem tiếp đoạn văn tiếp theo, xem dòng in theo lối đánh cách trong trang hai trăm mười một.

***A Di Đà Phật Thân thông như ý, u thập phương quốc, biến hiện tự tại, hoặc hiện đại thân mãn hư không trung, hoặc hiện tiểu thân, trượng lục bát xích.***

*(A Di Đà Phật Thân thông như ý, trong các cõi nước mười phương, biến hiện tự tại. Hoặc hiện thân to lớn đầy ắp hư không, hoặc hiện thân nhỏ, cao một trượng sáu, hoặc cao tám thước).*

Hiện thân trượng sáu, hoặc hiện thân cao tám thước. Hiện thân cao tám thước tức là hoàn toàn giống như người bình thường.

***Sở hiện chi hình, giai chân kim sắc. Viên quang hóa Phật, cập bảo liên hoa, như thượng sở thuyết.***

*(Thân hình hóa hiện đều là sắc vàng ròng. Trong viên quang hóa Phật và hoa sen báu như trên đã nói).*

Khoa đề của đoạn này là “phát khởi chúng nghi” (trừ khử các nỗi nghi), trong chú giải có giảng giải đoạn này. Vì chúng ta thấy tượng Phật, có tượng Phật lớn, có tượng Phật nhỏ, rốt cuộc chúng ta quán tượng to tốt hơn, hay quán tượng nhỏ tốt hơn? Thừa cùng quý vị lớn hay nhỏ đều như

nhau. Biết tướng thị hiện của Đức Phật là “thuận theo tâm chúng sanh mà ứng với khả năng tiếp nhận của họ”. Đức Phật hiện thân tướng có thể lớn, có thể nhỏ; nhưng lớn cũng là pháp giới, nhỏ cũng là pháp giới, chỉ cần tâm chúng ta dùng cái tâm chí thành, cung kính để quán tưởng, sẽ là chánh xác, lợi ích đạt được chắc chắn là như nhau.

Lại xem trang hai trăm mười hai, hãy xem Kinh Văn.

***Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí, v nhất thiết xứ, thân đồng chúng sanh.***

*(Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí trong hết thảy mọi nơi, thân giống như chúng sanh).*

Bồ Tát vì thị hiện thân phận là bạn học của chúng sanh, giống như Kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “Vị chư thứ loại, tác bất thỉnh chi hữu” (Vị muôn loài mà làm bạn chẳng thỉnh). Do đó, các Ngài nhất định phải hiện thân đồng loại với chúng sanh, thân tướng giống như chúng sanh.

***Đản quán thủ tướng.***

*(Chỉ quán tướng đầu).*

Trong bản in, câu này được in thành chữ Thủ có thể là sai, trong phần chú giải đã nói rất rõ ràng: Thủ là đầu, tức chữ Thủ trong Đầu Thủ, chẳng phải là Thủ trong Thủ Túc (chân tay). Vì nhìn vào hình dáng của đầu, chúng ta có thể nhận biết vị nào là Quán Âm, vị nào là Đại Thế Chí, có thể thấy rõ ràng.

***Tri thị Quán Thế Âm, tri thị Đại Thế Chí.***

*(Biết là Quán Thế Âm, biết là Đại Thế Chí).*

Nhìn vào tay sẽ chẳng nhìn ra. Tay của Đại Thế Chí Bồ Tát và tay của Quán Âm Bồ Tát như nhau, nhưng đầu thì khác nhau.

***Thử nhị Bồ Tát, trợ A Di Đà Phật, phổ hóa nhất thiết, thị vi tạp tướng quán, danh đệ thập tam quán.***

*(Hai vị Bồ Tát này giúp A Di Đà Phật Giáo hóa trọn khắp hết thấy. Đó là tạp tướng quán, được gọi là pháp Quán thứ mười ba).*

**Phần chú giải đã giảng rất hay: “Quán Âm quan trung lập Phật, Thế Chí kế thượng bảo bình, dĩ thử vi biệt. Nhược thủ tác thủ, bất thị dịch nhân thất ý, hoặc thị sao lục chi ngộ”** (Trong mào của đức Quán Âm có hóa Phật đứng, trên nhục kế của Ngài Thế Chí có bình báu, dùng điều này để phân biệt. Nếu Thủ mà chép là Thủ, chẳng phải là người dịch dịch sai, mà có lẽ là do sao lục bị làm lẫn). Đối với Kinh Văn, chắc chắn chẳng thể nói là người phiên dịch dịch sai, chẳng thể nào, có thể là do người sao chép phạm sai lầm. Sau khi đã sao chép sai, người đời sau chẳng dám sửa, vẫn phải giữ nguyên trạng, chỉ có thể ghi rõ trong phần chú giải. Đây là tôn trọng Kinh Điển, chẳng thể tùy tiện sửa đổi, tuy phát hiện sai lầm, vẫn chẳng thể sửa! Chúng tôi giới thiệu phần Quán Tượng đến đây. Phép Quán thứ mười ba là Quán Tượng Niệm Phật. Dưới đây chúng ta lại xem phép Quán thứ mười bốn. Phép Quán thứ mười bốn là ba bậc Vãng Sanh. Hãy xem từ dòng thứ hai trong trang hai trăm mười bảy.



***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Thượng phẩm thượng sanh giả.***

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Thượng phẩm thượng sanh...).*

Trước hết nói đến cái nhân tu tập, điều này cũng rất trọng yếu, đoạn này quan trọng lắm!

***Nhược hữu chúng sanh, nguyện sanh bỉ quốc giả, phát tam chủng tâm, tức tiện Vãng Sanh, hà đẳng vi tam? Nhất giả chí thành tâm, nhị giả thâm tâm, tam giả hồi hướng phát nguyện tâm. Cự tam tâm giả, tất sanh bỉ quốc.***

*(Nếu có chúng sanh, nguyện sanh về cõi ấy, phát ba thứ tâm, liền được Vãng Sanh. Những gì là ba? Một là chí thành tâm, hai là thâm tâm, ba là hồi hướng phát nguyện tâm. Đủ ba tâm, tất sanh về cõi ấy).*

Trong Kinh này, Đức Phật giảng về Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm là ba tâm ấy. Ba tâm ấy là một tâm, đã là một tâm, cứ sao nói thành ba tâm? Chí thành tâm là Thể của tâm, hai thứ sau là chí thành tâm khởi tác dụng. Vì thế nói là có Thể và có Dụng. Nói thật ra, nhà Phật nói Bồ Đề tâm, Nho gia cũng phát Bồ Đề tâm. Nho gia nói “thành ý, chánh tâm”, thành ý là chí thành tâm như chúng ta đang nói ở đây, chánh tâm của Nho gia là do thâm tâm và hồi hướng phát nguyện tâm hợp lại, bèn thành chánh tâm. Chánh tâm là tác dụng của thành ý. Như vậy là Nho gia cũng nói Thể và Dụng, chẳng hai, chẳng khác cách nói của Phật Pháp. Trong phần trước, tôi đã từng thưa trình cùng quý vị, Phật Pháp truyền đến Trung Quốc, tuy Kinh luận Tiểu Thừa đã được phiên dịch hoàn toàn như thế, nhưng người Hoa chẳng dùng, mà dùng Nho gia và Đạo gia để thay thế. Tư tưởng và

cảnh giới tu học của Nho gia tuyệt đối chẳng kém Tiểu Thừa, tư tưởng và tâm lượng của họ gần với Đại Thừa nhất. Vì thế, dùng Nho để nhập Phật, quả thật thuận tiện hơn so với dùng Tiểu Thừa để tiến nhập Đại Thừa. Tôi khuyến cáo các đồng tu, chẳng thể không đọc Tứ Thư. Gần đây, chúng tôi có in một bộ Tứ Thư Hán Anh đối chiếu, vừa mới biểu tặng một trăm bản. Chúng tôi in một ngàn bộ, hai trăm bộ đóng gáy bằng lò xo, chẳng phải là sách đóng bìa cứng, các trang sách có thể tháo rời được. Sách này chuẩn bị gửi sang ngoại quốc, chúng tôi muốn khuyên người ngoại quốc đọc Tứ Thư. Trang sách có thể tháo rời thì nếu nhiều người cần đọc, không đủ sách, có thể tháo ra, đem photocopy dùng làm tài liệu tham chiếu trong khi giảng giải, sẽ thuận tiện, chẳng cần phá tung cuốn sách. Tám trăm bộ còn lại được đóng bìa cứng thành tập, còn hai trăm bản kia là trang sách rời.

Chúng ta khuyên người ngoại quốc đọc Tứ Thư, khuyên họ đọc sách Khổng Tử. Trong tương lai, người ngoại quốc đều đọc, còn người Hoa chẳng đọc. Người ngoại quốc đến làm thầy người Hoa, người Hoa phải học với họ, rất hổ thẹn! Chuyện này tôi đã từng làm thử đôi chút tại ngoại quốc. Người ngoại quốc vui thích, vừa nghe nói, nghe điều chưa từng nghe, hết sức hoan hỷ, thích thú tiếp nhận. Có thể thấy là không có ai dạy họ, chẳng có ai cung cấp tài liệu cho họ. Vì thế, nay chúng ta cung cấp tài liệu, nghĩ phương cách giúp đỡ họ. Đó là phát Bồ Đề tâm.

Nói đơn giản, chí thành tâm là chân thành, chân thành là chân tâm. Chân thành có tiêu chuẩn hay không? Trong Bút Ký Đọc Sách, Tiên Sinh

Tăng Quốc Phiên đã định nghĩa, chú giải chữ Thành: “Một niệm chẳng sanh thì gọi là Thành”. Chú giải rất chính xác, tương ứng với Phật Pháp. Trong tâm chẳng có một vọng niệm thì mới gọi là thành tâm, hễ có vọng niệm tức là chẳng chân thành! Các vị đọc Liễu Phàm Tứ Huấn; trong phần chú giải của Liễu Phàm Tứ Huấn đã nói về chuyện vẽ bùa, niệm chú cũng giống như thế. Vẽ bùa thì vì sao bùa sẽ linh? Phải dùng thành tâm để vẽ. Vẽ đạo bùa ấy mà trong tâm khởi một vọng niệm, đạo bùa ấy chẳng linh. Do đó, người vẽ bùa, lúc bình thường phải luyện tập, luyện rất nhuần nhuyễn. Khi đã rất thuần thục, sau khi một nét bút chấm xuống liền vẽ một mạch hoàn thành, trong tâm chẳng khởi một vọng tưởng, đạo bùa đó sẽ linh. Niệm chú cũng giống như vậy, nên chú càng dài càng khó niệm. Quý vị nói chú Lăng Nghiêm dài như vậy, trong khi niệm từ đầu đến cuối dấy lên bao nhiêu vọng niệm? Chú Lăng Nghiêm niệm kiểu ấy có còn linh hay chẳng? Chẳng linh! Chú Đại Bi rất dài, quý vị niệm một biến, trong khi đó có vọng tưởng nào hay không? Hễ có một vọng tưởng, chú ấy chẳng linh. Thành bèn linh, chẳng dễ dàng! Một câu A Di Đà Phật dễ niệm hơn, trong câu “A Di Đà Phật” ấy chẳng có vọng tưởng, sẽ linh. Do đó, cổ nhân nói: “Niệm Kinh chẳng bằng niệm chú”. Vì sao? Kinh quá dài, trong một bộ Kinh dài như vậy, chẳng có một vọng niệm xen vào, khó lắm, quá khó! Chẳng bằng niệm chú, chú ngắn hơn. Niệm chú chẳng bằng niệm Phật, Phật hiệu càng ngắn hơn, ngắn hơn chú ngữ rất nhiều, đạo lý ở ngay chỗ này. Do đó, hễ động một vọng niệm sẽ không linh. Đó là chân thành.

**Thâm tâm là Tự Thụ Dụng, thâm tâm là thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, thuộc về Tự Thụ Dụng. Ham thiện, chuộng đức, thiện đức đến tột cùng là thanh tịnh, bình đẳng. Hồi hướng phát nguyện tâm là tâm đại từ bi, lợi ích chúng sanh. Do đó, tâm thứ ba là chân thành, là Tha Thụ Dụng, Tha Thụ Dụng là đại từ đại bi. Bản thân chúng ta hề có mấy may điều thiện nào, chính chúng ta chẳng mong hưởng thụ, hy vọng nhường quả báo của điều thiện ấy cho hết thảy chúng sanh hưởng thụ. Hồi hướng phát nguyện, phát nguyện phổ độ hết thảy chúng sanh, trong Khởi Tín Luận gọi tâm này là đại bi tâm. Ba tâm trong Khởi Tín Luận là trực tâm, thâm tâm, và đại bi tâm. Trực tâm là chí thành tâm, thâm tâm thì Quán Kinh và Khởi Tín Luận nói giống nhau, đại bi tâm chính là hồi hướng phát nguyện tâm được nói ở đây. Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng thể không phát tâm. Không phát Bồ Đề tâm, chắc chắn không thể Vãng Sanh.**

*Phục hữu tam chủng chúng sanh, đương đắc Vãng Sanh, hà đẳng vi tam? Nhất giả, từ tâm bất sát, cụ chư giới hạnh. Nhị giả, độc tụng Đại Thừa, Phương Đẳng Kinh Điển. Tam giả, tu hành lục niệm, hồi hướng phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Cụ thử công đức, nhất nhật nãi chí thất nhật, tức đắc Vãng Sanh.*

*(Lại có ba loại chúng sanh sẽ được Vãng Sanh. Những gì là ba? Một là từ tâm chẳng giết, đủ các giới hạnh. Hai là độc tụng Kinh Điển Phương Đẳng Đại Thừa. Ba là tu hành lục niệm, hồi hướng phát*

*nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Trọn đủ công đức ấy, từ một ngày cho đến bảy ngày liền được Vãng Sanh).*

Nói thật ra, loại thứ hai là Tam Phước được nói trong phần trước, là chánh nhân tịnh nghiệp. Có thể thấy đoạn Kinh Văn này trong Quán Kinh vô cùng trọng yếu, nhất định phải nhớ kỹ. Tam Phước và Bồ Đề tâm được nói ở đây, Bồ Đề tâm thật sự chẳng dễ dàng. Trong Di Đà Kinh Yếu Giải, Ngẫu Ích Đại Sư lão nhân gia đã bảo: Người thật sự phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, nguyện tâm ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Cổ nhân chưa ai nói điều ấy, xét theo các sách vở xưa, chúng ta thấy quả thật Ngẫu Ích Đại Sư là người đầu tiên nói điều ấy. Hãy suy nghĩ xem Ngài nói lời ấy có đúng hay không? Thật đúng! Quý vị đối chiếu với văn tự trong đoạn Kinh này, chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm, sẽ thấy chẳng sai tí nào! Thật sự muốn Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, ba tâm ấy liền trọn đủ. Đã phát Bồ Đề tâm mà chính mình chẳng biết, không biết là đã phát trọn vẹn ba tâm ấy. Do đó, lão nhân gia nói câu này hay lắm. Bản thân chúng ta phải chân tâm cầu sanh, chẳng phải là giả tâm, giả ý, mà là chân tâm cầu sanh, một niệm tâm ấy bèn trọn đủ viên mãn đại Bồ Đề tâm. Kinh này cũng nói từ một ngày cho đến bảy ngày, có cùng một cách nói với Kinh Di Đà và Kinh Vô Lượng Thọ. Do vậy có thể biết, Pháp Môn này là Đốn Giáo, là đốn siêu.

Chúng ta xem phần Kinh Văn kế tiếp trong trang hai trăm hai mươi.

**Sanh bỉ quốc thời, thử nhân tinh tấn, dũng mãnh cố, A Di Đà Như Lai, dũ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, bách thiên Tỳ Kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, thất bảo cung điện. Quán Thế Âm Bồ Tát chấp kim cang đài, dũ Đại Thế Chí Bồ Tát, chí hành giả tiền. A Di Đà Phật phóng đại quang minh, chiếu hành giả thân, dũ chư Bồ Tát, thọ thử nghênh tiếp. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dũ vô số Bồ Tát tán thán hành giả, khuyến tấn kỳ tâm.**

(Khi sanh về cõi ấy, do người đó tinh tấn, dũng mãnh, A Di Đà Như Lai, và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô số hóa Phật, trăm ngàn Tỳ Kheo, Thanh Văn đại chúng, vô lượng chư thiên, cung điện bảy báu. Quán Thế Âm Bồ Tát cầm đài kim cang, cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát tới trước hành giả. A Di Đà Phật phóng đại quang minh chiếu thân hành giả, và các Bồ Tát xòe tay tiếp đón. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, và vô số Bồ Tát tán thán hành giả, khuyến tấn tâm người ấy).

Nói rõ trạng huống Vãng Sanh của người tu hành. Vì thế, chỉ cần nhất tâm nhất ý niệm, chớ nên phân biệt, đừng nên chấp trước, cũng chẳng nghĩ đến phẩm vị cao hay thấp. Vì sao? Tưởng những điều ấy đều là vọng tưởng. Thậm chí nhất tâm bất loạn cũng đừng nghĩ tới, chỉ có một câu Phật hiệu cứ niệm miết, đó gọi là “thật thà niệm Phật”. Quý vị chân tâm chân ý cầu sanh Tịnh Độ, thứ gì cũng đều viên mãn trọn đủ. Khi Vãng Sanh, cảnh giới rất thù thắng, A Di Đà Phật, Quán Âm Thế Chí, và vô số Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên đều đến đón tiếp quý vị. Thế Giới Tây Phương ở chỗ nào, không cần biết! Các Ngài đến đón tiếp, ta

cũng chẳng cần phải tìm đường, mà cũng chẳng phải tìm phương hướng, tự tại lắm! Vì thế, Kinh nói Tây Phương thì Tây Phương rốt cuộc ở nơi đâu? Chớ nên sanh ý niệm ấy, đến lúc đó, Phật sẽ đến tiếp dẫn ta, chẳng thể sai sót được! Nay tôi đi khắp nơi ở ngoại quốc, chẳng biết phương hướng, mà cũng chẳng biết đường. Vì sao? Đến nơi nào cũng đều có người đến đón tiếp, tôi cần gì phải nhớ đường? Cần gì phải nhớ phương hướng? Chẳng cần! Đến chỗ nào cũng đều có người đón tiếp, nên căn bản là chẳng cần. Họ chuẩn bị cẩn thận mọi thứ cho tôi, đối với vé máy bay, người ta nói: “Pháp Sư! Vé máy bay bao nhiêu tiền?” Không biết, không hiểu! Vì trước nay tôi chưa bao giờ hỏi tới, trước nay chưa hề nhìn vào vé máy bay.

Người niệm Phật Vãng Sanh rất tốt, Phật, Bồ Tát đều an bài tốt đẹp thay cho quý vị, thứ gì cũng chẳng cần phải bận lòng, chỉ cần thật thà niệm được rồi! Thật thà niệm là quan trọng! Bản thân chúng ta chỉ cần làm được “thật thà niệm” là tốt rồi, những chuyện khác Phật, Bồ Tát đều xếp đặt ổn thỏa, chẳng phải bận tâm tí nào, quý vị thấy có thù thắng lắm không? Quý vị làm chuyện tốt đẹp nào, tu Pháp Môn nào đi nữa, đều chẳng đạt được sự thù thắng này! Tu Thiên, tu Mật, tu thành tựu, thì A Di Đà Phật có đến đón tiếp quý vị hay không? Có chư Phật, Bồ Tát đông ngàn ấy đến đón hay chẳng? Chẳng có! Do vậy có thể biết, Pháp Môn này xác thực là thù thắng khôn sánh. Hãy xem Kinh Văn trong trang hai trăm hai mươi mốt.

***Hành giả kiến dĩ.***

*(Hành giả thấy rồi).*

Người tu hành thấy cảnh giới ấy, Phật, Bồ Tát đến đón tiếp.

***Hoan hỷ dưng được, tự kiến kỳ thân, thừa kim cang đài, tùy tùng Phật hậu, như đàn chỉ khoảnh, Vãng Sanh bĩ quốc.***

*(Hoan hỷ, hơn hờ, tự thấy thân mình ngồi trên đài kim cang, theo sau Đức Phật, như trong khoảng khảy ngón tay, Vãng Sanh cõi kia).*

Qua phần Kinh Văn này, chư vị hãy xem kỹ, đừng đọc lướt qua, sẽ thấy rõ Vãng Sanh là Vãng Sanh trong khi còn sống, đây là Pháp Môn bất tử. Người tu hành thấy cảnh giới này, thấy trong khi còn sống sờ sờ, chẳng phải là khi đã chết. Lúc đã chết sẽ chẳng thấy nữa, khi sống thì thấy. Phước báo to lớn, khi còn sống bèn trông thấy, rất rõ ràng, bảo các đồng tu trợ niệm: “Tôi đã thấy Đức Phật đến tiếp dẫn tôi, nay tôi theo Ngài ra đi”. Có thể nói với quý vị, nói rõ ra, đó là phước báo to lớn. Phước báo kém hơn một chút, cũng trông thấy, muốn kể với quý vị, miệng mấp máy, nhưng chẳng thốt ra tiếng, vẫn hiểu rành mạch, rõ ràng, trông thấy, Vãng Sanh. Chúng ta thấy người lâm chung miệng mấp máy, có khi chúng ta cảm thấy họ đang niệm Phật theo đại chúng, nhưng thật ra người ấy trông thấy cảnh giới này, muốn nói với chúng ta, nhưng chẳng thốt nên lời, chẳng có âm thanh, bèn Vãng Sanh. Chúng ta không biết, ngỡ người ấy mấp máy niệm Phật theo chúng ta. Thật ra, người ấy bảo chúng ta: Phật, Bồ Tát đến đón tiếp, người ấy trông thấy, rất hoan hỷ, theo Phật ra đi. Khi ấy, khí lực rất suy, miệng mấp máy động, nhưng



chẳng có âm thanh. Điều này chỉ rõ: Vãng Sanh là Vãng Sanh trong khi còn sống, chẳng phải là chết rồi mới Vãng Sanh. Do đó, Pháp Môn này là Pháp Môn bất tử, thành Phật trong một đời. Chúng ta Vãng Sanh chẳng phải là đã chết rồi mới Vãng Sanh, đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới thành Phật trong một đời. Tìm ở đâu ra Pháp Môn này? Tìm không thấy! Bỏ Pháp Môn này chẳng tu, đúng là ngu si, đúng là cuồng vọng. Thầy Lý nói hạng người vứt bỏ không chịu tu Pháp Môn này là “ngu si, cuồng vọng” chẳng sai! Lại xem đoạn kể tiếp.

*Sanh bỉ quốc dĩ.*

*(Đã sanh về cõi ấy).*

Đây là nói tình hình sau khi đã tới Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

***Kiến Phật sắc thân, chúng tướng cụ túc. Kiến chư Bồ Tát, sắc tướng cụ túc, quang minh, bảo lâm, diễn thuyết diệu pháp.***

*(Thấy sắc thân của Phật các tướng trọn đủ. Thấy các Bồ Tát, sắc tướng trọn đủ. Quang minh, rừng báu, diễn nói diệu pháp).*

Hoàn toàn giống như cảnh giới do Đức Phật đã giảng trong Kinh. Trước kia là nghe Đức Phật nói, nay là đích thân trông thấy, tự mình trông thấy. Tình và vô tình đều thuyết pháp, sau khi nghe Phật Pháp, bèn khai ngộ.

***Văn dĩ tức ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn.***

*(Nghe xong liền ngộ Vô Sanh Pháp Nhãn).*

Vừa nghe liền khai ngộ, liền chứng Vô Sanh Pháp Nhãn.

***Kinh tu du gian.***

*(Trong khoảnh khắc).*

“Tu du” là thời gian cực ngắn.

***Lịch sự chư Phật biến thập phương giới.***

*(Trải qua phụng sự chư Phật trọn khắp các cõi trong mười phương).*

**Thần thông và đạo lực của người ấy ngay lập tức hiện tiền, có thể đến các cõi Phật trong mười phương để lễ Phật, đến nghe Đức Phật Thuyết pháp. Cũng có lẽ chúng ta thấy chỗ này bèn hoài nghi: Có sao vừa mới gặp gỡ A Di Đà Phật, liền ngay lập tức ra đi? Chư vị phải biết: Đến khi đó, năng lực của người ấy chẳng thể nghĩ bàn, thân người ấy đang ở chỗ A Di Đà Phật lễ bái, mà phân thân của người ấy đã trọn khắp các cõi Phật trong mười phương. Trước mỗi vị Phật, mỗi vị Bồ Tát, người ấy đều hiện diện, có năng lực to như vậy. Không như thế gian này, dẫu tu giỏi giang cách mấy, chẳng có cách nào phân thân! Người ấy có năng lực phân thân, có rời khỏi Thế Giới Cực Lạc hay không? Chẳng có! Chẳng rời khỏi Thế Giới Cực Lạc, nhưng hóa thân đã trọn khắp mười phương. Thành tựu nhanh chóng ngàn ấy, nên thường là những kẻ học Giáo chẳng tin tưởng. Pháp khó tin! Há có lẽ nào mau chóng dường ấy? Ở nơi đây mới vừa Vãng Sanh, bên kia đã hóa thân trọn khắp hết thấy các cõi Phật, quá nhanh! Thật ra, chuyện này là thật, quyết định chẳng giả.**

***Ư chư Phật tiên, thứ đệ thọ ký, hoàn chí bốn quốc, đắc vô lượng bách thiên Đà La Ni môn.***

*(Ở trước chư Phật, lần lượt được thọ ký. Trở về cõi mình, đắc vô lượng trăm ngàn môn Đà La Ni).*

Đúng là trong một thời gian rất ngắn có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đúng là chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên tu học. Đoạn cuối cùng là:

***Thị danh thượng phẩm thượng sanh giả.***

*(Gọi là thượng phẩm thượng sanh).*

Đoạn văn này ở trong trang hai trăm hai mươi hai. Chúng ta xem tiếp:

***Thượng phẩm trung sanh giả.***

*(Thượng phẩm trung sanh...).*

Tu cái nhân hơi kém hơn hạng người trước một chút.

***Bất tất thụ trì, độc tụng Phương Đẳng Kinh Điển, thiện giải nghĩa thú. Ư Đệ Nhất Nghĩa, tâm bất Kinh động, thâm tín nhân quả, bất bán Đại Thừa. Dĩ thử công đức hồi hướng, nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc.***

*(Chẳng bắt buộc phải thọ trì, không cần thọ trì độc tụng Kinh Điển Phương Đẳng, khéo hiểu nghĩa thú. Đối với Đệ Nhất Nghĩa, tâm chẳng*

*Kinh động, tin sâu nhân quả, chẳng báng Đại Thừa. Dùng công đức này hồi hướng, nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc).*

Phần trước là nói người thượng phẩm thượng sanh có đọc tụng Đại Thừa, chỗ này không bắt buộc đọc tụng Đại Thừa, nhưng “tin sâu nhân quả”. Nhân quả là gì? Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, người ấy hoàn toàn chẳng hoài nghi điều này. Một câu Phật hiệu niệm đến tận cùng, Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới có thể đạt đến thượng phẩm trung sanh, địa vị này hết sức cao. Lấy đoạn Kinh Văn này để xem, người đồ đệ niệm A Di Đà Phật của Pháp Sư Đệ Nhàn xưa kia, điều gì cũng chẳng hiểu, niệm một câu danh hiệu suốt ba năm. Lão Pháp Sư dạy ông ta: “Niệm mệt liền nghỉ ngơi, nghỉ ngơi khỏe khoản rồi lại niệm”. Ông ta niệm ba năm bèn đứng Vãng Sanh, biết trước lúc mất. Nếu chúng ta dùng Kinh này để phán đoán, người này rất có thể là thượng phẩm trung sanh, có địa vị Vãng Sanh cao ngần ấy, do gặp duyên thù thắng, duyên gì vậy? Lão Pháp Sư dạy ông ta niệm Phật là duyên, ông ta thật sự có thể hoàn toàn tiếp nhận, tin sâu, chẳng ngờ, nên mới có quả báo thù thắng ngần ấy. Ông ta vâng theo lời thầy răn dạy một trăm phần trăm, chẳng khấu trừ tí nào, trong ba năm thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Duyên thù thắng là do nhìn từ chỗ này!

**Do vậy có thể biết, các đồng tu chúng ta gặp duyên chẳng thể nói là không thù thắng, mà là thù thắng bậc nhất. Đọc tụng Đại Thừa, đọc tụng Kinh Vô Lượng Thọ đã tốt đẹp rồi, có thể đọc tụng năm Kinh một luận càng hay hơn. Nếu ngại năm Kinh một luận quá**

nhieu, quá rườm rà, thì một bộ Kinh là được rồi, y giáo phụng hành, lý luận và giáo huấn trong Kinh thấy đều làm được, sẽ chẳng khác gì A Di Đà Phật, đương nhiên là thượng phẩm thượng sanh. Như vậy là đáng tin cậy, chẳng cần phải đọc trọn hết, một bộ Kinh là được rồi. Một Kinh thông, hết thấy các Kinh đều thông. Do đó, tôi giới thiệu lần nữa: Kinh Vô Lượng Thọ là Kinh Hoa Nghiêm cô đọng. Kinh Hoa Nghiêm là toàn thể Tam Tạng mười hai bộ rút gọn. Do vậy có thể biết, đọc bộ Kinh này là đọc toàn bộ Đại Tạng Kinh, một chính là hết thấy, hết thấy chính là một. Quý vị phải hiểu: Công đức này thật sự chẳng thể nghĩ bàn, lời này do cổ Đại Đức, các vị Tổ Sư Đại Đức từ xưa đã nói ra, chúng ta chẳng thể không tin tưởng. Chúng ta có thể nói: Các pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trong suốt một đời Ngài, đều chẳng ra khỏi bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Quý vị thấy những điều được giảng trong một bộ Kinh Vô Lượng Thọ hoàn toàn nhằm giải thích bốn mươi tám nguyện, chẳng có câu nào mâu thuẫn với nguyện văn trong bốn mươi tám nguyện. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trên thực tế là để giải thích, giảng giải tỉ mỉ, cặn kẽ Kinh Vô Lượng Thọ. Một bộ Đại Tạng Kinh, toàn bộ Đại Tạng Kinh là Kinh Hoa Nghiêm được nói cặn kẽ. Đến cuối cùng quy nạp lại, thật vậy, quy nạp thành một bộ Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh dạy chúng ta đọc tụng Đại Thừa, chúng ta hiểu sự thật ấy, niệm bộ Kinh Vô Lượng Thọ chẳng có tí hoài nghi nào, nguyên lai, do cả bộ Đại Tạng Kinh quy nạp thành Kinh Vô Lượng

**Thọ nên niệm Kinh Vô Lượng Thọ thì có nghĩa là tất cả hết thấy các Kinh Đại Thừa ta đều đọc cả rồi.**

Người ấy tuy chẳng đọc Kinh, nhưng chẳng hủy báng Đại Thừa, chỉ thật thà niệm Phật. Một câu Phật hiệu thành tựu công đức vô lượng, thượng phẩm trung sanh. Chúng ta gặp duyên thù thắng như vậy, trong một đời này chẳng thể thành tựu thượng phẩm thượng sanh hoặc thượng phẩm trung sanh, rất oan uổng! Chúng ta lại xem đoạn Kinh Văn kể tiếp từ hàng thứ nhất trong trang hai trăm hai mươi bốn.

***Hành thử hạnh giả.***

*(Người hành theo hạnh này).*

Người nương theo Pháp Môn này tu hành.

***Mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, dũ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyến thuộc vi nhiều, trì tử kim đài, chí hành giả tiên, tán ngôn: “Pháp tử! Nhữ hành Đại Thừa, giải Đệ Nhất Nghĩa. Thị cố, ngã kim lai nghênh tiếp nhữ”, dũ thiên hóa Phật, nhất thời thọ thủ.***

*(Lúc sắp mạng chung, A Di Đà Phật và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vô lượng đại chúng quyến thuộc vây quanh, cầm đài vàng tía, đến trước hành giả, khen rằng: “Pháp tử! Người hành Đại Thừa, hiểu Đệ Nhất Nghĩa. Do vậy, ta nay đến đón người”. Và một ngàn vị hóa Phật, đồng thời xòe tay tiếp dẫn).*

Tây Phương Tam Thánh và chư Phật, Bồ Tát, “ngàn vị hóa Phật”, nói chung là chư Phật, Bồ Tát thấy đều đến đón tiếp. Lại xem phần Kinh Văn tiếp theo.

***Hành giả tự kiến tọa tử kim đài, hợp chưởng xoa thủ, tán thán chư Phật, như nhất niệm khoảnh, tức sanh bỉ quốc thất bảo trì trung. Thử tử kim đài, như đại bảo hoa, Kinh tức tắc khai.***

*(Hành giả tự thấy ngồi trên đài vàng tía, chắp tay tán thán chư Phật, như trong khoảng một niệm, liền sanh trong ao bảy báu nơi cõi ấy. Đài vàng tía ấy như hoa sen báu lớn, qua một đêm liền nở).*

“Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh”, thời gian ngộ Vô Sanh của người ấy lâu hơn thượng phẩm một chút. Thượng phẩm tới đó hoa lập tức nở ngay, ở đây là cách một ngày, ngày hôm sau, hoa nở thấy Phật. Hoa nở thấy Phật là hàng Bồ Tát từ Thất Địa trở lên. Khi chưa nở là sắp thành Thất Địa Bồ Tát, vừa nở bèn thật sự là hàng Thất Địa Bồ Tát trở lên, có thể thấy thành tựu thật sự quá nhanh. Phần Kinh Văn tiếp theo là nói đến lợi ích của người ấy.

***Hành giả thân tác tử ma kim sắc, tức hạ diệt hữu thất bảo liên hoa. Phật cập Bồ Tát, câu thời phóng quang, chiếu hành giả thân, mục tức khai minh.***

*(Hành giả thân có màu như vàng tía được giới mài, dưới chân cũng có hoa sen bảy báu. Phật và Bồ Tát đồng thời tỏa ánh sáng, chiếu vào thân hành giả, mắt liền mở sáng).*

“Mục” ở đây là tâm mục.

***Nhân tiền túc tập.***

*(Do sự tu tập từ đời trước).*

Do sự học tập trong đời quá khứ.

***Phổ văn chúng thanh, thuần thuyết thậm thâm Đệ Nhất Nghĩa Đệ, tức hạ kim đài, lễ Phật hợp chướng, tán thán Thế Tôn, Kinh u thất nhật, ứng thời tức u A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đắc bất thoái chuyển.***

*(Nghe khắp các âm thanh thuần nói Đệ Nhất Nghĩa Đệ rất sâu, liền bước xuống đài vàng, lễ Phật, chấp tay, tán thán Thế Tôn. Qua bảy ngày, ngay khi đó, đắc bất thoái chuyển nơi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề).*

Bảy ngày chứng trọn vẹn ba món Bất Thoái .

***Ứng thời tức năng phi hành, biến chí thập phương, lịch sự chư Phật.***

*(Ngay khi đó, liền có thể phi hành, đến khắp mười phương, phụng sự chư Phật).*

Chẳng khác gì thượng phẩm thượng sanh. Thượng phẩm thượng sanh là trong một đời đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, lập tức có năng lực này. Người thượng phẩm trung sanh phải sau bảy ngày. Sau bảy ngày thì đạo lực, Thần thông, trí huệ mới hoàn toàn giống như thượng phẩm.



*Ư chư Phật sở, tu chư Tam Muội, Kinh nhất tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, hiện tiền thọ ký.*

*(Ở chỗ chư Phật, tu các Tam Muội, qua một tiểu kiếp, đắc Vô Sanh Nhân, được thọ ký trong hiện tiền).*

**Vô Sanh Nhân ở đây là chân thật Vô Sanh Pháp Nhân, là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, thuộc loại Viên Giáo. Ở đây, chúng ta thấy thượng phẩm thượng sanh là chứng đắc ngay lập tức, thượng phẩm trung sanh là sau một tiểu kiếp mới thật sự chứng đắc. Nguyên nhân chỗ nào? Từ Kinh Văn, chúng ta phải nên thấy rõ ràng, xác đáng, một đằng là đọc tụng Đại Thừa, một đằng chẳng đọc tụng Đại Thừa, nguyên nhân ở chỗ này. Đọc tụng Đại Thừa đã tu tập sâu dày trong đời quá khứ, vừa nghe Phật Pháp bèn khai ngộ. Trong quá khứ chẳng hề đọc tụng Đại Thừa thì phải trải qua một thời gian khá dài nghe Kinh mới khai ngộ. Hy vọng các đồng tu phải nhớ kỹ điều này. Chúng ta xem Lục Tổ Đàn Kinh, thiền sư Pháp Đạt niệm Kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt, Lục Tổ Đại Sư vừa giảng, Sư liền khai ngộ. Chúng ta chưa đọc Kinh Pháp Hoa ba ngàn lượt, nói cách nào cũng chẳng thể khai ngộ, mới biết công đức đọc tụng có lợi ích chẳng thể nghĩ bàn.**

**Người hiện thời sợ niệm Kinh; nhất là tôi lại còn bảo họ phải đọc thuộc lòng, càng sợ hãi hơn, kinh hoảng chẳng dám niệm, còn làm sao được nữa? Từ đoạn Kinh Văn này, chư vị biết đọc tụng và không đọc tụng sai biệt to lớn cỡ nào? Quay lại xem thế gian này,**

**hãy xem cổ nhân, vừa nghe mấy câu Kinh liền khai ngộ, căn bản đều là do đọc tụng. Nay chúng ta nghe Kinh, nghe khai thị không thể khai ngộ là vì chẳng có đọc tụng. Đọc đến đoạn này, hãy nên hiểu rõ, tôi khuyên quý vị đọc tụng là đúng!**

*Thị danh thượng phẩm trung sanh giả.*

*(Gọi là thượng phẩm trung sanh).*

Được rồi, chúng ta học tới chỗ này!

## TẬP 27

Xin mở Kinh bốn, trang hai trăm hai mươi bảy, xem phần Thượng Phẩm Hạ Sanh.

*Thượng phẩm hạ sanh giả, diệc tín nhân quả, bất bán Đại Thừa, dẫn phát Vô Thượng đạo tâm, dĩ thử công đức hồi hướng, nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc.*

*(Thượng phẩm hạ sanh cũng tin nhân quả, chẳng bán Đại Thừa, chỉ phát đạo tâm Vô Thượng. Dem công đức ấy hồi hướng, nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc).*

Kinh Văn nói rất rõ rệt: Phải phát Bồ Đề tâm. “Vô Thượng đạo tâm” là phát Bồ Đề tâm. Chúng ta lật qua xem phần Kinh Văn trong trang hai trăm hai mươi tám, từ dòng thứ hai đếm ngược lại.

*Hành giả mạng dục chung thời, A Di Đà Phật, cập Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dữ chư Bồ Tát, trì kim liên hoa, hóa tác ngũ bách Phật lai nghênh thử nhân. Ngũ bách hóa Phật nhất thời thọ thủ, tán ngôn: “Pháp tử! Nhữ kim thanh tịnh, phát Vô Thượng đạo tâm, ngã lai nghênh nhữ”.*

*(Khi hành giả sắp mạng chung, A Di Đà Phật, và Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, cùng các vị Bồ Tát, cầm hoa sen vàng, hóa thành năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Năm trăm vị hóa Phật đồng thời xòe tay, khen rằng: “Pháp tử! Nay ngươi thanh tịnh, phát Vô Thượng đạo tâm, ta đến đón ngươi”).*

Đoạn này nói tới duyên. Trong phần Trung Phẩm trên đây, Kinh nói có một ngàn vị Phật, A Di Đà Phật và một ngàn vị hóa Phật đến đón tiếp, chỗ này số lượng Phật ít hơn một nửa, hóa thành năm trăm vị Phật đến đón người ấy. Nếu ở đây, chúng ta hỏi: “Có phải là A Di Đà Phật cũng phân biệt, chấp trước hay không? Vì sao thượng phẩm hóa Phật nhiều, hạ phẩm hóa Phật ít hơn, có phải là Ngài cũng có phân biệt, chấp trước?” Ất cần phải biết: Khi Vãng Sanh, Phật, Bồ Tát đến đón tiếp là thật; nhưng số lượng Phật, Bồ Tát nhiều hay ít là do chính tâm chúng ta cảm, Phật, Bồ Tát bèn tự nhiên ứng. Chắc chắn là A Di Đà Phật chẳng có phân biệt, chấp trước. Thấy những vị Phật ấy, vẫn do tự tánh Di Đà của chúng ta biến hóa đến đón. Vì thế, hết thấy xác thực là “duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Nói chung, chẳng lìa khỏi sự cảm ứng từ nơi tâm tánh của chính mình! Phẩm vị càng thấp, số người đến đón càng ít. Phẩm vị càng cao, thấy cảnh giới càng thù thắng, đó là lẽ tự nhiên. Đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, xác thực là có bốn cõi, chín phẩm sai biệt. Trong mỗi cõi đều có ba bậc, chín phẩm, có sự sai biệt ấy! Nhưng chúng ta đọc Đại Kinh, thấy nói dẫu là hạ hạ phẩm Vãng Sanh, sanh trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Thần thông, đạo lực, các thứ thụ dụng chẳng sai khác so với các phẩm khác; sau khi đã tới Tây Phương, chẳng có sai biệt. Đó là do Thần lực của Phật Di Đà gia trì, nên Thế Giới Tây Phương là một Thế Giới bình đẳng. “Bình đẳng” nghĩa là bình đẳng về sự thụ dụng trong cuộc sống vật chất, chứ nội tâm đoạn phiền não, chúng Bồ Đề, chẳng có cách nào bình đẳng được! A Di Đà Phật chẳng thể giúp được, chính mình phải đổ công, dốc sức!

Đoạn Kinh Văn kể tiếp nói về sự Vãng Sanh.

***Kiến thử sự thời, tức tự kiến thân tọa kim liên hoa, tọa dĩ hoa hợp, tùy Thế Tôn hậu, tức đắc Vãng Sanh thất bảo trì trung.***

*(Khi thấy việc ấy, liền tự thấy thân mình ngồi trên hoa sen vàng, ngồi xong, hoa khép lại, theo sau đức Thế Tôn, liền được Vãng Sanh trong ao bảy báu).*

Đây là hiện tượng Vãng Sanh.

***Nhật nhật nhất dạ, liên hoa nãi khai. Thất nhật chi trung, nãi đắc kiến Phật. Tuy kiến Phật thân, u chúng tướng hảo, tâm bất minh liễu, u tam thất nhật hậu, nãi liễu liễu kiến, văn chúng âm thanh, giai diễn diệu pháp, du lịch thập phương, cúng dường chư Phật, u chư Phật tiền, văn thậm thâm pháp, Kinh tam tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa.***

*(Qua một ngày, một đêm, hoa sen bèn nở, trong vòng bảy ngày bèn được thấy Phật. Tuy thấy thân Phật, nhưng đối với các tướng hảo, tâm chẳng hiểu rõ. Sau hai mươi một ngày, bèn thấy rõ ràng. Nghe các âm thanh, đều diễn diệu pháp, dạo khắp mười phương, cúng dường chư Phật. Đối trước chư Phật, nghe pháp rất sâu, qua ba tiểu kiếp, đắc bách pháp minh môn, trụ Hoan Hỷ Địa).*

**Nói về người thượng phẩm hạ sanh, sanh vào Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Sau một ngày một đêm, hoa nở, thấy Phật. Tuy thấy Phật, nghe pháp, trọn chẳng thể lập tức khai ngộ, phải trải qua hai**

mười một ngày, người ấy mới hiểu rõ. Sau ba tiểu kiếp mới minh tâm kiến tánh, thật sự chứng đắc quả vị Sơ Địa. Chúng ta thấy thời gian này cũng rất dài, phải trải qua ba tiểu kiếp; trên thực tế, người trong Thế Giới Tây Phương thọ mạng là vô lượng thọ. Từ vô lượng thọ mà nhìn ba tiểu kiếp, sẽ giống như chúng ta trong cõi này thọ trăm tuổi nhìn ba giờ, thậm chí còn chưa đến! Chỉ sợ là chỉ được ba mươi phút. Do thọ mạng của họ dài lâu, họ thấy ba tiểu kiếp rất ngắn, thời gian quá ngắn. Pháp Môn này xác thực là Pháp Môn thành tựu trong một đời.

Câu cuối cùng là tổng kết, hàng thứ nhất trong trang hai trăm ba mươi một.

*Thị danh thượng phẩm hạ sanh giả, thị danh thượng bối sanh tướng, danh đệ thập tứ quán.*

(Đó gọi là thượng phẩm hạ sanh, là phép quán tướng Vãng Sanh trong bậc thượng, gọi là phép Quán thứ mười bốn).

Phép Quán thứ mười bốn nói về ba bậc thượng. Tiếp theo là phép Quán thứ mười lăm, nói về trung phẩm Vãng Sanh, có trung phẩm thượng sanh, trung phẩm trung sanh, và trung phẩm hạ sanh.

*Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Trung phẩm thượng sanh giả, nhược hữu chúng sanh, thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Giới Trai, tu hành chư giới, bất tạo Ngũ Nghịch, vô chúng quá hoạn. Dĩ thử thiện căn hồi hướng, nguyện cầu sanh ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.*

*(Phật cáo A Nan và Vi Đề Hy: - Trung phẩm thượng sanh là nếu có những chúng sanh thọ trì Ngũ Giới, trì Bát Quan Trai Giới, tu hành các giới, chẳng tạo Ngũ Nghịch, không phạm các lỗi lầm. Dùng thiện căn ấy hồi hướng, nguyện cầu sanh trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới).*

Đây là nói đến sự tu nhân. Do vậy có thể biết, thượng phẩm thiên về đọc tụng Đại Thừa; xét ra, trung phẩm tựa hồ là hàng Nhị Thừa, tức người Tiểu Thừa hồi Tiểu hướng Đại, trì giới, niệm Phật thuộc loại này. Người ấy có thể thọ trì Ngũ Giới. Ngũ Giới là căn bản giới trong Phật Pháp, bất luận xưa nay, tức là nói về thời gian, bất luận tại Ấn Độ xưa kia, hay tại Trung Hoa hiện thời, cho đến đối với những quốc gia, dân tộc khác, đây là quan niệm đạo đức cơ bản, đều ắt cần phải tuân thủ. Chẳng có chuyện coi sát sanh là thiện hạnh, chẳng có đạo lý ấy. Chẳng hề nói trộm cắp là chuyện tốt đẹp, xưa nay trong ngoài nước đều chẳng chấp nhận. Do đó, giết, trộm, dâm, dối, uống rượu chẳng phải là chuyện tốt đẹp. Trên Thế Giới này, trong hiện tại tuy bán rượu, nhưng đối với loại rượu nhẹ, cũng đưa ra cảnh cáo “rượu chẳng phải là thứ tốt lành!” Có thể thấy năm điều trong ngũ giới xác thực là siêu việt thời gian và không gian, được hết thảy chúng sanh công nhận là thiện hạnh, ắt phải tuân thủ. Những quy phạm khác trong cuộc sống có thể nói là do thời điểm, do con người, do địa phương khác nhau, mà chế định như vậy. Tinh thần cơ bản của chúng là “đừng làm các điều ác, vâng làm các điều lành”, đoạn ác tu thiện, là những quy định, khuôn phép nhằm kiềm chế bản thân và xử thế. “Vô chúng quá hoạn” nghĩa là trì giới rất thanh tịnh. Dùng thiện căn ấy

để hồi hướng, cầu sanh Tây Phương. Đó là cái nhân của trung phẩm thượng sanh.

*Lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật, dũ chư Tỳ Kheo, quyền thuộc vi nhiễu, phóng kim sắc quang, chí kỳ nhân sở, diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, tán thán xuất gia, đặc ly chúng khổ. Hành giả kiến dĩ, tâm đại hoan hỷ, tự kiến kỹ thân tọa liên hoa đài, trường quy, hợp chưởng, vị Phật tác lễ. Vị cử đầu khoảnh, tức đắc Vãng Sanh Cực Lạc Thế Giới, liên hoa tâm khai, đương hoa phu thời, văn chúng âm thanh, tán thán Tứ Đế. Ứng thời, tức đắc A La Hán đạo, tam minh, lục thông, cụ bát giải thoát. Thị danh trung phẩm thượng sanh giả.*

*(Khi lâm chung, A Di Đà Phật và các Tỳ Kheo, quyền thuộc vây quanh, phóng quang minh sắc vàng, chiếu tới chỗ người ấy, diễn nói Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã, tán thán xuất gia được lìa các nỗi khổ. Hành giả thấy rồi, tâm đại hoan hỷ, tự thấy chính mình ngồi trên đài hoa sen, quỳ thẳng, chắp tay, làm lễ Đức Phật. Trong khoảng chưa ngẩng đầu lên, liền được Vãng Sanh Thế Giới Cực Lạc. Hoa sen vừa nở, đang trong lúc hoa nở, nghe các âm thanh, tán thán Tứ Đế. Ngay khi ấy, liền đắc A La Hán đạo. Tam minh, lục thông, trọn đủ tám món giải thoát, gọi là trung phẩm thượng sanh).*

Nói rõ lợi ích Vãng Sanh. Xét theo đoạn Kinh Văn này, và xem phần sau, quả vị Tiểu Thừa hết sức rõ rệt. Người căn tánh Tiểu Thừa trì



giới niệm Phật, hồi hướng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đắc quả vị như vậy.

Chúng ta lại xem đoạn kế tiếp trong trang hai trăm ba mươi bốn.

***Trung phẩm trung sanh giả, nhược hữu chúng sanh, nhược nhất nhật nhất dạ, trì Bát Giới Trai, nhược nhất nhật nhất dạ, trì Sa Di Giới, nhược nhất nhật nhất dạ, trì Cụ Túc Giới.***

*(Trung phẩm trung sanh là nếu có các chúng sanh, trong một ngày một đêm trì Bát Quan Trai Giới, hoặc một ngày một đêm trì Sa Di Giới, hoặc một ngày một đêm trì Cụ Túc Giới).*

Cụ Túc Giới là giới Tỳ Kheo.

***Oai nghi vô khuyết, dĩ thử công đức hồi hướng, nguyện cầu sanh Cực Lạc quốc, giới hương huân tu.***

*(Oai nghi chẳng khuyết, dùng công đức này hồi hướng, nguyện cầu sanh về cõi Cực Lạc, giới hương huân tu).*

Đến chỗ này là nói về cái nhân Vãng Sanh. Mười giới là Sa Di Giới. Sa Di Giới và Bát Quan Trai Giới hết sức gần gũi. Bát Quan Trai Giới là tại gia Cư sĩ tu giới xuất gia một ngày, một đêm. Thời gian của Bát Quan Trai Giới là hai mươi bốn giờ, nếu muốn thọ lại bèn thọ như mới, có thể thọ mỗi ngày. Nếu chẳng có Pháp Sư, có thể đối trước hình tượng Phật, Bồ Tát để tự thọ giới này. Bát Quan Trai Giới có tám giới điều giống Sa Di Giới, nhưng còn kèm thêm một điều là Trai. Trai là “quá trung bất thực” (sau giữa trưa không ăn), Trung là giữa trưa. Giữa

trưa mỗi ngày xảy ra vào thời điểm khác nhau, qua khỏi giữa trưa chẳng ăn. Nếu qua khỏi giữa trưa mà ăn thứ gì đó sẽ là phá trai, Bát Quan Trai Giới bị phá hỏng. Nói thật ra, trai giới này cũng chẳng dễ trì cho lắm. Buổi chiều chỉ có thể uống nước, ngay cả những thức uống khác cũng chẳng được dùng. Vì nói theo trai giới, trong thức uống chẳng thể có chất trầm lắng. Nếu để một lát, nó lắng xuống thì không được dùng. Sữa trầm lắng, sữa đậu nành cũng trầm lắng, nước trái cây cũng trầm lắng. Mật chẳng trầm lắng, mật hòa vào nước, sẽ chẳng trầm lắng, nên có thể dùng. Nước đường có thể dùng. Chú trọng trai, giữa trưa ăn một bữa, đó là Trai. Nếu sáng sớm ăn thêm một bữa cũng là phá trai, không được! Chắc chắn là giữa trưa ăn một bữa.

**Do đó, có rất nhiều đồng tu trì ngọ. Nói thật ra, trì ngọ có tất yếu hay không? Chư vị phải hiểu trai giới là hình thức, mục đích là đắc tâm thanh tịnh, mục đích ở chỗ này! Trì trai giới rất nghiêm, nhưng tâm chẳng thanh tịnh, trai giới bèn là phước báo hữu lậu trong thế gian, chẳng phải là cái nhân để Vãng Sanh. Nếu cái nhân Vãng Sanh mà nói như vậy thì Tây Phương Cực Lạc Thế Giới hoàn toàn nói theo bề ngoài, chắc chắn là nói chẳng suông, nói theo lý luận chẳng thể thông suốt được! Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Buổi tối ăn ít chắc chắn có lợi cho bản thân. Cổ nhân chủ trương ẩm thực như thế này: Sáng sớm ăn ngon, buổi trưa ăn no, buổi tối ăn ít. Buổi tối có thể chẳng ăn, đích xác là hết sức tốt. Người hiện thời có thói quen khác hẳn, buổi tối đến nửa đêm còn phải có**

bữa ăn khuya. Nhất là người ngoại quốc, bữa ăn chánh trong ngày của người ngoại quốc là bữa tối. Bữa chánh của người Hoa là bữa trưa, bữa chánh của người ngoại quốc là cơm tối. Bữa tối ăn rất nhiều, ăn rất ngon, vì buổi trưa quá nửa là phải đi làm, tùy tiện ăn chút gì đó, đó là do thói quen ẩm thực và sinh hoạt khác nhau. Phải hiểu ẩm thực trong nhà Phật vẫn là nhằm giúp chúng ta tu Định, giúp cho tâm địa thanh tịnh, mục đích ở chỗ này. Đó là nói tới chuyện trì giới niệm Phật.

*Như thử hành giả, mạng dục chung thời, kiến A Di Đà Phật, dữ chư quyến thuộc, phóng kim sắc quang, trì thất bảo liên hoa, chí hành giả tiên. Hành giả tự vẫn không trung hữu thanh, tán ngôn: “Thiện nam tử! Như nhữ thiện nhân, tùy thuận tam thế chư Phật Giáo, cố ngã lai nghênh nhữ”.*

*(Hành giả như thế lúc sắp mạng chung, thấy A Di Đà Phật và các quyến thuộc phóng quang minh sắc vàng, cầm hoa sen bảy báu, đến trước hành giả. Hành giả tự nghe trong hư không có tiếng khen ngợi rằng: “Này thiện nam tử! Như ông là thiện nhân, tùy thuận lời dạy của tam thế chư Phật, nên ta đến đón ông”).*

Ở đây, chúng ta lại thấy một câu Kinh Văn, “tùy thuận tam thế chư Phật Giáo”. Trì giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quá khứ, hiện tại, vị lai hết thấy chư Phật đều giáo hóa chúng sanh như vậy, khuyên hết thấy chúng sanh trì giới niệm Phật, Vãng Sanh Thế Giới Cực Lạc của A Di Đà Phật, đó là lời dạy của tam thế chư Phật.

***Hành giả tự kiến tọa liên hoa thượng, liên hoa tức hợp, sanh ở Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.***

*(Hành giả tự thấy ngôi trên hoa sen, hoa sen liền khép lại, sanh trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới).*

Đây là Vãng Sanh.

***Tại bảo trì trung, Kinh u thất nhật, liên hoa nữ phu. Hoa ký phu dĩ, khai mục, hợp chưởng, tán thán Thế Tôn, văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Kinh bán kiếp dĩ, thành A La Hán. Thị danh trung phẩm trung sanh giả.***

*(Ở trong ao báu, trải qua bảy ngày, hoa sen mới nở. Hoa đã nở, bèn mở mắt, chấp tay, tán thán đức Thế Tôn, nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Trải qua nửa kiếp, thành A La Hán. Đây là trung phẩm trung sanh).*

Phẩm vị này càng thấp hơn phẩm vị trước, tình hình tiếp dẫn cũng kém trước rất nhiều. Tới Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, phải qua nửa kiếp mới có thể chứng quả A La Hán. Tây Phương Cực Lạc Thế Giới chẳng có A La Hán, cũng chẳng có Tu Đà Hoàn, chúng ta đã đọc thấy điều này trong Kinh Vô Lượng Thọ. Kinh nói những danh từ ấy đều là tỷ dụ quả vị của họ bằng với Tu Đà Hoàn và A La Hán trong các Thế Giới phương khác. Tu Đà Hoàn là đoạn hết Kiến Hoặc, A La Hán là đoạn hết Tư Hoặc. Xét theo quả vị của Đại Thừa Bồ Tát, Tu Đà Hoàn tương đương địa vị Sơ Tín Bồ Tát trong Viên Giáo, A La Hán tương đương địa

vị Thất Tín Bồ Tát. Đạt đến Thất Tín, liền từ cõi Phạm Thánh Đồng Cư vượt lên cõi Phương Tiện, đạt đến cõi Phương Tiện Hữu Dư.

Lại xem đoạn kế tiếp, xem từ hàng cuối cùng trong trang hai trăm ba mươi lăm.

*Trung phẩm hạ sanh giả, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, hiếu dưỡng phụ mẫu, hành thể nhân từ, thử nhân mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị kỳ quảng thuyết A Di Đà Phật quốc độ lạc sự, diệc thuyết Pháp Tạng Tỳ Kheo tứ thập bát nguyện. Văn thử sự dĩ, tầm tức mạng chung, thí như tráng sĩ khuất thân tỳ khoảnh, tức sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Kinh thất nhật dĩ, ngộ Quán Thế Âm, cập Đại Thế Chí, văn pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn, quá nhất tiểu kiếp, thành A La Hán. Thị danh trung phẩm hạ sanh giả, thị danh trung bồi sanh tướng, danh đệ thập ngũ quán.*

(Trung phẩm hạ sanh là nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân hiếu dưỡng phụ mẫu, làm chuyện nhân từ trong cõi đời, khi người ấy mạng chung, gặp thiện tri thức, vì người ấy nói rộng rãi những sự vui thú trong cõi nước của A Di Đà Phật, cũng nói bốn mươi tám nguyện của Tỳ Kheo Pháp Tạng. Nghe chuyện ấy xong, ngay lập tức qua đời, ví như trong khoảng tráng sĩ co duỗi cánh tay, liền sanh về Tây Phương Cực Lạc Thế Giới. Qua khỏi bảy ngày, gặp Quán Thế Âm và Đại Thế Chí, nghe pháp hoan hỷ, đắc Tu Đà Hoàn. Qua khỏi một tiểu kiếp, thành A La Hán. Đây gọi là trung phẩm hạ sanh, là phép quán tướng Vãng Sanh trong bậc trung, được gọi là phép Quán thứ mười lăm).

Đôi với trung phẩm hạ sanh, ở đây Kinh Văn tinh lược, trọn chẳng nói cận kề. Người Vãng Sanh là thiện nhân theo pháp thế gian, khi lâm chung bèn nghe thiện tri thức vì người ấy thuyết pháp, người ấy có thể tin tưởng. Kinh chẳng nói Phật đến tiếp dẫn. Chúng ta hãy nghĩ xem Phật có thể chẳng đến tiếp dẫn hay không? Chẳng tiếp dẫn thì làm sao người ấy có thể đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới cho được? Đọc Kinh này, nhất định phải tham chiếu gộp lại cả ba Kinh để xem, chúng ta mới có thể thấy viên mãn sự thật này, mới có thể đoạn sạch hết thảy nghi hoặc. Trong bốn mươi tám nguyện, quý vị phải ghi nhớ điều này, căn cứ quan trọng nhất của Tây Phương Tịnh Độ là bốn mươi tám nguyện. Hết thảy chư Phật giới thiệu Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, nếu mâu thuẫn hoặc xung đột với bốn mươi tám nguyện, chúng ta chớ nên tin tưởng. Dầu là Bản Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện làm căn cứ. Trong bốn mươi tám nguyện chẳng nói: “Từ trung phẩm hạ sanh trở xuống, ta sẽ không đến tiếp dẫn”, chẳng có câu ấy! Khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn chính là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, Ngài nhất định sẽ đến. Dầu là hạ hạ phẩm Vãng Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư, Đức Phật cũng đến tiếp dẫn.

Nhất là trong hiện tại, kể như năm kia, đôi với chuyện Vãng Sanh của Cư sĩ Châu Quảng Đại ở Washington DC, chúng ta thấy tình hình ấy giống tình hình ở đây. Ông ta thấy Tây Phương Tam

**Thánh đến tiếp dẫn. Ông ta chẳng nói có nhiều vị Phật, Bồ Tát, mà nói là Tây Phương Tam Thánh từ trên mây giáng xuống tiếp dẫn ông ta Vãng Sanh. Khi lâm chung, ông ta niệm Phật ba ngày ba đêm, suốt đời chưa từng gặp gỡ Phật Pháp, lúc lâm chung gặp thiện tri thức, khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Niệm ba ngày ba đêm, cảm A Di Đà Phật hiện tới. Người này cách chúng ta không xa, cũng là trong vòng một hai năm mà thôi. Có một người Vãng Sanh như thế, đó là quyết định Vãng Sanh. Chính ông ta thấy Phật, kể với mọi người “Phật hiện đến”. Ông ta thấy Ngài từ trong mây giáng xuống, chẳng giả, quyết định là thật.**

Những chuyện giống như vậy, chúng ta nhất định phải đọc Đại Kinh mới hiểu trong Kinh Điển có những chỗ tinh lược. Ở đây tinh lược, nhưng trong Kinh kia thì có, giống như trong Kinh Vô Lượng Thọ có nhiều bản dịch, bản dịch này tinh lược, nhưng bản dịch khác thì có. Có khi bản khác tinh lược, mà bản này lại có. Do Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết, nên quả thật, hội tập là chuyện tất yếu. Hội tập giống như tất cả các bản chúng ta đều xem. Do Thích Ca Mâu Ni Phật nhiều lần tuyên thuyết, nên chúng ta đều nghe toàn bộ thì ý nghĩa mới hoàn chỉnh, mới chẳng đến nỗi khuyết hãm! Cũng giống như vậy, gộp ba Kinh lại để xem, lại còn phải xem gộp chung tất cả các bản dịch khác nhau của cùng một Kinh. Như Kinh Di Đà, trong bản dịch của Huyền Trang Đại Sư có những câu mà bản dịch của La Thập Đại Sư chẳng có, đủ để bổ sung những chỗ chưa đầy đủ trong bản dịch của Ngài La Thập.

Xem như vậy thì mới có thể thấy hoàn toàn, khiến cho khá nhiều nghi vấn bị đoạn sạch, điều này rất trọng yếu!

Chương cuối cùng là phép Quán thứ mười sáu, Hạ Phẩm Sanh Quán. Hạ phẩm Vãng Sanh chú trọng trì danh. Chúng ta hãy xem Kinh Văn từ hàng cuối cùng trong trang hai trăm ba mươi tám.

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Hạ phẩm thượng sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác chúng ác nghiệp, tuy bất phỉ báng Phương Đẳng Kinh Điển, như thử ngu nhân, đa tạo ác pháp, vô hữu tâm quý, mạng dục chung thời, ngộ thiện tri thức, vị thuyết Đại Thừa thập nhị bộ Kinh thủ đề danh tự, dĩ văn như thị chư Kinh danh cổ, trừ khước thiên kiếp cực trọng ác nghiệp. Trí giả phục giáo hợp chương xoa thủ, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cổ, trừ ngũ thập ức kiếp sanh tử chi tội.***

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Hạ phẩm thượng sanh: Hoặc có chúng sanh làm các nghiệp ác, tuy chẳng phỉ báng Kinh Điển Phương Đẳng, nhưng kẻ ngu như thế tạo nhiều ác pháp, chẳng hề hối hận. Lúc sắp mất, gặp thiện tri thức bảo cho biết tên gọi, tựa đề của mười hai thể loại Kinh Đại Thừa. Do nghe tên các Kinh như thế, trừ ác nghiệp cực nặng trong ngàn kiếp. Bậc trí lại dạy chấp tay, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trừ tội trong năm mươi ức kiếp sanh tử).*

Từ đoạn này là nói về cái nhân Vãng Sanh. Do nhìn từ sự tu nhân, có thể nói là bậc thượng và bậc trung Vãng Sanh đều là tu



phước, ba bậc Vãng Sanh trong hạ phẩm đều là chúng sanh tạo tác tội nghiệp. Hai bậc trước đều là tu phước, là thiện nhân quân tử, là người có đạo đức trên thế gian, ba loại hạ này là những kẻ tạo tội nghiệp cạn hay sâu khác nhau. Thượng phẩm thì tội nghiệp tương đối cạn, càng đi xuống, tội nghiệp càng nặng hơn. Đương nhiên là họ chẳng thể tu Quán, quán tưởng hay quán Phật đều chẳng làm được. Thiện hữu dạy kẻ ấy trì danh niệm Phật. Ở đây, chúng ta ắt cần phải biết một sự thật, những phương pháp quán tưởng và quán tượng, người nghiệp chướng rất nặng chẳng thể tu, chẳng có cách nào tu được, nhưng chấp trì danh hiệu có thể độ kẻ ấy. Quý vị hãy suy nghĩ: Giữa ba phương pháp niệm Phật ấy, tức là so giữa quán tưởng, quán tượng và trì danh, loại nào thù thắng? Hãy nên biết điều này! Hết thấy các phương pháp chẳng thể độ được, nhưng phương pháp này có thể độ, chúng tỏ phương pháp này thù thắng bậc nhất, phải biết điều này. Do đó, trong mười sáu phép Quán có nói đến phương pháp này, pháp thù thắng khôn sánh là trì danh niệm Phật. Trì danh niệm Phật có thể độ chúng sanh khổ sở cùng cực trong địa ngục, những loại chúng sanh khác chẳng cần phải nói nữa! Do đều độ được, nên mười phương tam thế hết thấy chư Phật, Bồ Tát, chẳng có vị nào không đề xướng trì danh.

Kinh Vô Lượng Thọ đề xướng trì danh niệm Phật, Kinh A Di Đà cũng đề xướng trì danh niệm Phật. Vì sao không đề xướng quán tưởng và quán tượng? Quý vị đã biết: Dùng các phương pháp ấy mà có thể Vãng

Sanh, là đê độ người nghiệp chướng tương đối nhẹ; còn kẻ nghiệp chướng sâu nặng, phải cậy vào phương pháp này, chứ hai phương pháp trước chẳng thể độ. Phương pháp này mới là Pháp Môn phương tiện thù thắng khôn sánh, thành tựu hết thảy chúng sanh.

Giáo pháp viên đốn chủ trương: Dẫu tội nghiệp nặng nề nhất, sám hối đều có thể diệt trừ; bởi lẽ, một niệm hồi tâm bèn có thể cảm ứng đạo giao cùng Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, nhưng một người mà gặp được thiện tri thức trong một đời rất khó khăn. Nói thật ra là do thiện căn, phước đức, nhân duyên trong nhiều đời đã chín muồi. Thầy và trò cũng lại như thế: Một vị thầy tốt chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu, chúng ta đến đâu để tìm? Tìm chẳng thấy! Thầy muốn tìm học trò để truyền pháp cũng chẳng tìm được. Lão Cư sĩ Hạ Liên Cư suốt một đời chỉ truyền được một người là lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, truyền có một người! Thầy có bao giờ chẳng mong truyền được nhiều người, nhưng tìm không ra, đây là cơ duyên, nên tìm không thấy. Thuở ấy, thầy Lý ở Đài Trung, mỗi lần tôi gặp thầy đều khuyên lão nhân gia truyền thêm cho mấy người. Vì chúng tôi ở ngoài giảng Kinh rất vất vả, luôn cảm thấy quá cô đơn, sư huynh, sư đệ đông hơn một tí thì hay hơn, có thể giúp đỡ lẫn nhau. Tôi nói lời ấy nói chung là mười mấy lượt, hoặc hai mươi lượt. Mỗi lần nói xong, thầy đều gật gù: “Đúng lắm!” Lần cuối tôi nói với thầy, thầy bảo tôi: “Anh hãy tìm học trò giùm cho tôi!” Từ đây trở đi, tôi không nói nữa, tôi đã biết rồi! Tìm không thấy! Đến nơi đâu để tìm? Học trò phải thỏa điều kiện gì? Phục tùng một trăm phần trăm, tôi tìm ở đâu ra? Tôi tìm

không thấy. Trong xã hội hiện thời, tìm một học sinh nghe lời như vậy, xác thực là tìm chẳng thấy!

Các đồng tu theo tôi xuất gia, nói theo Pháp Sư Diễn Bồi đều là đồng tham đạo hữu, chẳng thể coi họ là đồ đệ, hoặc coi là học trò, không thể! Quý vị coi những người ấy là đồ đệ hoặc học trò thì sai mất rồi, sai lầm rất to. Đồng tham đạo hữu, là bạn bè, lấy đâu ra học trò? Học trò là phục tùng một trăm phần trăm, đó là học trò. Không thể phục tùng, mọi người ở chung một chỗ, đối xử hoan hỷ với nhau, là bè bạn, phải cung kính lẫn nhau, phải khách sáo. Chúng ta đều gọi nhau là Pháp Sư, nếu là đồ đệ thật sự sẽ chẳng có lối xưng hô khách sáo như thế. Sư Phụ đối với trò giống như cha mẹ, gọi học trò bằng tên. Do đó, đối xử khách sáo với quý vị, liền biết trong xã hội hiện thời khác hẳn, đôi bên ở chung với nhau là đồng tham mà thôi!

Thầy trò đạo hợp từ xưa tới nay là chuyện khó khăn, khá khó khăn. Đạt Ma Tổ Sư là bậc Thánh nhân như thế, tới Chùa Thiếu Lâm mà còn phải nhìn vào vách suốt chín năm, chờ một học trò, truyền pháp cho một người. Từ Đạt Ma cho đến Ngũ Tổ, mỗi đời đều là truyền pháp cho một người. Huệ Năng Đại Sư nhân duyên tụ hội, duyên đã chín muồi, nên truyền cho bốn mươi ba người. Trong lịch sử quá khứ của Thiên Tông tại Trung Hoa chẳng có chuyện này, mãi cho đến hiện thời cũng chẳng có, truyền được nhiều người như thế. Sau Lục Tổ, có những vị truyền được hai ba người, nhưng chẳng có ai thù thắng như Lục Tổ. Thiệt tri thức thật sự khó gặp, bản thân

chúng ta cầu pháp cũng thật sự chẳng dễ dàng! Do đó, phải thật sự giác ngộ, triệt để giác ngộ. Triệt để giác ngộ thực hiện từ chỗ nào? Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, quyết định chẳng dính mắc. Hễ dính mắc, toàn bộ đều bị hủy hoại. Xã hội hiện thời chỗ nào cũng đầy áp dụ dỗ, mê hoặc, quý vị có thể chống đỡ hay không? Có thể chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc hay không? Khó lắm! Vì thế, có người hỏi tôi: “Phải thỏa điều kiện gì thì mới có thể hoằng pháp lợi sanh?” Những điều kiện khác tôi đều chẳng bàn tới, tôi chỉ nói hai điều kiện: “Thứ nhất là nội tâm thanh tịnh, chẳng sanh phiền não; thứ hai là chẳng bị ngoại cảnh dụ dỗ, mê hoặc”. Quý vị có thể làm được hai điều ấy, chắc là cũng có thể hoằng pháp lợi sanh. Chẳng làm được hai điều ấy, hãy khéo niệm Phật, có thể Vãng Sanh thì khá lắm, chẳng dễ dàng đâu nhé! Hoàn cảnh bên ngoài có sức dụ dỗ, mê hoặc to lớn! Đây là nói rõ chuyện sám hối tội lỗi Vãng Sanh. Chúng ta lại xem phần Kinh Văn tiếp theo.

*Nhĩ thời bỉ Phật tức khiển hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí, chí hành giả tiền, tán ngôn: “Thiện nam tử! Dĩ nhữ xưng Phật danh cố, chư tội tiêu diệt, ngã lai nghênh nhữ”.*

*(Lúc bấy giờ, Đức Phật ấy liền sai hóa Phật, hóa Quán Thế Âm, hóa Đại Thế Chí tới trước hành giả, khen rằng: “Thiện nam tử! Do ông xưng danh hiệu Phật, nên các tội tiêu diệt, ta đến đón ông”).*

Quý vị thấy Tây Phương Tam Thánh xuất hiện. Phạm là đến nghênh đón, tất cả đều là hóa Phật. Trong phần thượng phẩm thượng

sanh, tuy Kinh chẳng nói đến hóa Phật, chúng ta nghĩ xem có phải là Phật đích thân đến ư? Người đồng thời Vãng Sanh trong mười phương Thế Giới quá đông, A Di Đà Phật đến đón như vậy, làm sao cho xuể, mệt chết luôn! Do đó, tất cả đều là hóa Phật. Bất quá hóa thành vị Phật nào sẽ tùy thuộc tâm chúng sanh. Phật chẳng nghĩ ta cần hóa ra hình dạng nào để đến tiếp dẫn, chẳng phải vậy! Biến hóa thuận theo tâm niệm của chúng sanh. Phật có tâm hay không? Phật chẳng có tâm, do tâm niệm của chính chúng ta mà hóa Phật. Vị Phật ấy lớn hay nhỏ, tướng hảo trang nghiêm, thù thắng khác nhau, tùy thuộc cảnh giới của chính mình mà biến hóa.

Giống như chúng ta gõ khánh, chúng ta vừa gõ, khánh liền ngân vang. Khánh ngân vang, nhưng nó chẳng có phân biệt, chấp trước: “Ta phải vang ra tiếng như thế nào? Ứng như thế nào?” Chẳng có! Quý vị gõ mạnh, nó sẽ kêu to. Quý vị gõ nhẹ, nó sẽ ngân nhẹ. Âm thanh lớn hay nhỏ, dài hay ngắn đúng như quý vị cảm, cảm ứng đạo giao là như vậy đó! Vì thế, dầu là hạ hạ phẩm Vãng Sanh, đều là Phật đến tiếp dẫn, Phật hóa thân tận hư không khắp pháp giới. Đó là trạng huống thật sự trên thực tế, chúng ta phải hiểu! Hạ phẩm thượng sanh mà Tam Thánh đều đến tiếp dẫn, trung phẩm hạ sanh cao hơn loại này, lẽ nào Phật chẳng đến đón rước? Vì thế, nhìn vào phần Kinh Văn trước và sau, ta biết trong phần trước quyết định là có Tam Thánh đến tiếp dẫn.

***Tác thị ngữ dĩ, hành giả tức kiến hóa Phật quang minh, biến mãn kỳ thất.***

*(Nói lời ấy xong, hành giả liền thấy quang minh của hóa Phật trọn khắp căn thất của chính mình).*

Trước hết, thấy Phật quang.

***Kiến dĩ hoan hỷ, tức tiện mạng chung, thừa bảo liên hoa, tùy hóa Phật hậu, sanh bảo trì trung, Kinh thất thất nhật, liên hoa nãi phu. Dương hoa phu thời.***

*(Đã thấy bèn hoan hỷ, liền mạng chung, ngồi trên hoa sen báu, theo sau hóa Phật, sanh trong ao báu, trải qua bốn mươi chín ngày, hoa sen mới nở. Ngay trong lúc hoa nở).*

“Phu” là nở.

***Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, cập Đại Thế Chí Bồ Tát, phóng đại quang minh, trụ kỳ nhân tiền, vị thuyết thậm thâm thập nhị bộ Kinh. Văn dĩ tín giải, phát Vô Thượng đạo tâm, Kinh thập tiểu kiếp, cụ bách pháp minh môn, đắc nhập Sơ Địa. Thị danh hạ phẩm thượng sanh giả.***

*(Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát, phóng quang minh to lớn, ở trước người ấy, vì người ấy nói mười hai bộ Kinh rất sâu. Nghe rồi tin hiểu, phát Vô Thượng đạo tâm. Trải qua mười tiểu kiếp, trọn đủ bách pháp minh môn, được nhập Sơ Địa. Đó gọi là hạ phẩm thượng sanh).*

**Đây là người hạ phẩm thượng sanh. Trong Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, sau mười tiểu kiếp bèn chứng đắc quả vị Sơ Địa Bồ Tát. Sơ Địa là tầng cao tới cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bậc Địa**

**Thượng Bồ Tát sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đối với chú giải cho đoạn này, chúng ta hãy đọc lời chú giải trong trang hai trăm bốn mươi. Xin xem hàng thứ hai, từ câu thứ hai: “Viên Đôn giáo thuyết, tội vô khinh trọng, hối giả giai diệt” (Nói theo giáo pháp Viên Đôn, tội chẳng có nặng hay nhẹ, hối sám hối đều tiêu diệt). Sám hối có sức mạnh vô cùng to tát. “Nhu tiên dục sát chư bà la môn” (Nhu có tiên nhân muốn giết các bà la môn), nêu ra một câu chuyện trong Kinh Điển, tức là một công án được kể trong Kinh Điển. “Dục” là mưu toan, ý nói tiên nhân mưu tính giết Bà la môn, “địa ngục tam niêm, tri báng Phương Đăng, tâm sanh cải hối, tức sanh Phật quốc” (ở trong địa ngục trong khoảng thời gian chừng bằng ba niêm, biết là đã báng bỏ Kinh Phương Đăng, sanh lòng hối cải, liền sanh về cõi Phật). Nêu ra một thí dụ, kẻ tạo tội nghiệp cực nặng, nếu chẳng sám hối cầu sanh Tịnh Độ, nhất định đọa A Tỳ địa ngục, tội nặng như vậy, thật sự hối cải thì vẫn có thể Vãng Sanh. Tiếp đó là khai thị của Pháp Sư Đế Nhân lão nhân gia: “Thiệt vị, thử nhân pháp tuy bất báng” (Trộm cho rằng người này tuy chẳng báng pháp), ý nói người hạ phẩm thượng sanh tuy chẳng báng pháp, “kỳ dư nhất thiết ác nghiệp, vô bất cụ tạo” (hết thấy các ác nghiệp khác, không gì chẳng tạo tác đầy đủ), mười ác nghiệp kẻ ấy đều tạo. “Dĩ kỳ vô tâm quý cố, vô sở bất vi dã” (Do kẻ ấy chẳng hồ thẹn, nên không điều gì chẳng làm). Chúng ta có thể thấy điều này phổ biến trong xã hội hiện tiền, thậm chí bản thân chúng ta cũng chẳng tránh khỏi thuộc về hạng người này. Chính mình ắt cần phải giác ngộ, phải quay đầu. “Hảo tại**

**lâm chung ngộ duyên, tự phi tức thiện sở truy, vạn bất năng hữu thử kiêu hãnh” (Khéo sao lúc lâm chung gặp duyên, nếu chẳng phải do điều thiện từ xưa gây ra, muôn phần chẳng thể nào có chuyện may mắn như vậy). Do đó, nói thật ra, người ấy trong đời này có thể gặp duyên, có thể hối cải Vãng Sanh, vẫn là do thiện căn phước đức nhân duyên nhiều đời nhiều kiếp hiện hành vào lúc đó, tuyệt đối chẳng có lẽ nào là may mắn!**

“Đản văn chư Kinh thủ đề danh tự, tiện trừ thiên kiếp trọng tội, đại pháp bất khả tư nghị” (Nhưng chỉ nghe tên gọi tựa đề của các Kinh, liền trừ được trọng tội trong ngàn kiếp, đại pháp chẳng thể nghĩ bàn), ý nói nghe tên Kinh có thể diệt tội. Vì lẽ đó, người Nhật theo Nhật Liên Tông chẳng niệm Kinh, mà cũng chẳng niệm Phật hiệu, họ niệm Nam Mô Diệu Pháp Liên Hoa Kinh là từ chỗ này. Tên Kinh Đại Thừa có thể diệt tội, đúng vậy, trong Kinh quả thật có cách nói như vậy. Nhưng cách hành trì của tín đồ Nhật Liên Tông là một thứ thiên kiến, chấp trước, họ chẳng hiểu ý nghĩa bao hàm trong tựa đề Kinh! Tôi đến thăm Nhật Bản, hỏi rất nhiều người, họ biết niệm, nhưng hỏi ý nghĩa là gì? Không biết! Như vậy thì rất khó! Nhất định phải hiểu ý nghĩa. Chẳng hiểu ý nghĩa, lợi ích hết sức ít ỏi. Chuyện này giống như trẻ nhỏ ca hát, đứa bé ba bốn tuổi có thể hát quốc ca Tam Dân Chủ Nghĩa, nhưng Tam Dân Chủ Nghĩa là gì? Nó chẳng biết, chẳng có tác dụng!

**Do vậy, niệm danh hiệu Phật cũng giống như thế. Niệm danh hiệu Phật, Danh (tên Kinh) là tổng cương lĩnh của Kinh. Nếu hiểu rõ**



đanh nghĩa (ý nghĩa bao hàm trong tên gọi một bản Kinh), liền suy ra được quá nửa ý nghĩa của cả bài Kinh. Như vậy thì mới có thể thọ trì, mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Đâu có lẽ nào nghe tên Kinh mà chẳng hiểu ý nghĩa, cứ niệm suông mà vẫn đạt được lợi ích! Chẳng thể nào có chuyện ấy, rất khó đạt được lợi ích chân thật. Ví như chúng ta nói đến bộ Kinh này, giới thiệu đại lược như vậy, sẽ hữu ích rất lớn cho việc niệm Phật của chúng ta. Nếu chúng ta chẳng đọc, chẳng nghiên cứu, chẳng tìm tòi, sẽ thường là niệm danh hiệu mà tự cảm thấy chẳng đắc lực. Tuy niệm hằng ngày, nhưng chẳng có thụ dụng. Hiểu rõ điều này, đã hiểu danh hiệu, sẽ khởi tác dụng, giống như trong khi niệm, tâm dấy lên biến hóa. Khi chẳng hiểu rõ, tuy niệm, niệm rất siêng năng, nhưng trong tâm chẳng dấy lên biến hóa; có thể thấy là nhất định phải biết ý nghĩa của tựa đề Kinh. Tựa đề của hết thảy các Kinh, nếu nói thực tại, ý nghĩa rõ rệt nhất, hoàn bị nhất, không gì hơn được Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh. Quả thật, tựa đề Kinh ấy hết sức viên mãn, Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh. Vì thế, quả thật là phẩm vị Vãng Sanh cao hay thấp là do gặp duyên khác nhau. Chúng ta tan học!

## TẬP 28

Xin mở Kinh bốn, hai trăm bốn mươi mốt, xem đoạn thứ hai, Hạ Phẩm Trung Sanh.

*Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: Hạ phẩm trung sanh giả, hoặc hữu chúng sanh hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới, cập Cụ Túc Giới. Như thử ngu nhân thân Tăng Kỳ vật, đạo hiện tiền tăng vật, bất tịnh thuyết pháp. Vô hữu tà quý, dĩ chư ác nghiệp, nhi tự trang nghiêm. Như thử tội nhân, dĩ ác nghiệp cố, ưng đọa địa ngục, mạng dục chung thời, địa ngục chúng hỏa, nhất thời câu chí, ngộ thiện tri thức, dĩ đại từ bi, tức vị tán thuyết A Di Đà Phật thập lực oai đức, quảng tán bĩ Phật quang minh Thân lực, diệc tán Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Thử nhân văn dĩ, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội, địa ngục mãnh hỏa, hóa vi thanh lương phong, xuy chư thiên hoa, hoa thượng giai hữu hóa Phật, Bồ Tát, nghênh tiếp thử nhân, như nhất niệm khoảnh, tức đắc Vãng Sanh thất bảo trì trung liên hoa chi nội.*

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Hạ phẩm trung sanh, nếu có chúng sanh, hủy phạm Ngũ Giới, Bát Giới, và Cụ Túc giới. Kẻ ngu như thế, trộm vật của Tăng Kỳ, ăn trộm vật của hiện tiền tăng, bất tịnh thuyết pháp, chẳng hề hổ thẹn. Dùng các ác nghiệp để tự trang nghiêm. Kẻ tội như thế, do vì ác nghiệp, đáng đọa địa ngục, lúc mạng sắp chấm dứt, các ngọn lửa địa ngục cùng lúc ủa tới, gặp thiện tri thức, do lòng đại từ bi, liền vì người đó khen nói oai đức thập lực của A Di Đà Phật, tán dương*

*rộng rãi quang minh và Thần lực của Đức Phật ấy, cũng tán thán Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến. Người ấy nghe xong, trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Lửa dữ trong địa ngục hóa thành gió trong mát, thổi các hoa Trời. Trên hoa đều có hóa Phật, Bồ Tát nghênh đón người ấy. Như trong khoảng một niệm, liền được Vãng Sanh trong hoa sen nơi ao bảy báu).*

Trong đoạn này, phần trước nói đến cái nhân Vãng Sanh, phần sau nói về trạng huống Vãng Sanh, nói về cái nhân Vãng Sanh rất nhiều. Trong đoạn này, chúng ta thấy người Vãng Sanh khi còn sống đã phá giới, hủy phạm Ngũ Giới và Cụ Túc Giới, đây là kẻ phá giới. Trong Kinh, đặc biệt nêu ra hai chuyện, một là trộm cắp, hai là “bất tịnh thuyết pháp”. Bất tịnh thuyết pháp là thuyết pháp như một thủ đoạn để đạt được tiếng tăm, lợi dưỡng trong thế gian, những kiểu như vậy đều được gọi là bất tịnh thuyết pháp, được gọi là “buôn bán Như Lai”, nhằm mục đích tự tư tự lợi, nên quả báo đều là địa ngục. Nếu lúc lâm chung, gặp gỡ thiện hữu vì kẻ ấy tán thán y báo và chánh báo trang nghiêm thù thắng trong cõi Tây Phương, khuyên kẻ ấy niệm Phật, người ấy một niệm hồi tâm thì cũng có thể Vãng Sanh. Nhưng chư vị phải hiểu: Trên thực tế, tuyệt đối chẳng đơn giản như thế, nguyên nhân vì đâu? Vẫn là một câu như Kinh Di Đà đã dạy: “Chẳng thể do chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên mà được sanh về cõi ấy!” Quý vị nói kẻ ấy suốt đời tạo tội nghiệp, lấy đâu ra thiện căn, phước đức, nhân duyên? Chư vị phải hiểu: Thiện căn, phước đức, nhân duyên đã tu trong đời quá khứ. Kẻ ấy đã tạo tội nghiệp

vì đời này chẳng gặp thiện duyên, chẳng gặp gỡ thiện tri thức, giao du với bạn bè xấu xa, nên suốt một đời này tạo tội nghiệp, chẳng phải là đời trước kẻ ấy chẳng có thiện căn sâu dày. Chính vì đời trước thiện căn sâu dày, cũng giống như trong Kinh đã nói, đời quá khứ từng cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, nên khi lâm chung, nhắc nhở kẻ ấy một câu, thiện căn của kẻ ấy bèn có thể hiện tiền. Nếu chẳng có thiện căn sâu dày dường ấy, khi lâm chung, quý vị khuyên kẻ ấy niệm Phật, kẻ ấy chẳng thích nghe! Chuyện này chúng tôi cũng đã từng thật sự trông thấy!

Lúc tôi mới xuất gia, tại Chùa Lâm Tế ở Viên Sơn, Chùa Lâm Tế có hội Niệm Phật, cho mãi đến hiện thời vẫn còn. Hội Niệm Phật ấy đã tồn tại hơn ba mươi năm. Phó hội trưởng của hội Niệm Phật là Cư sĩ Lâm Đạo Kỳ. Thuở ấy, ông ta là Trương Lý của Đài Loan Ngân Hàng, địa vị cũng rất cao, là đại hộ pháp của Chùa Lâm Tế, làm phó hội trưởng hội Niệm Phật. Ông ta có thể đánh pháp khí, làm duy-na, gõ pháp khí rất khéo. Ông ta bị ung thư, qua đời. Khi lâm chung, chúng tôi đến niệm Phật giúp ông ta, nhưng ông ta chẳng nghe. Nghe Phật hiệu cảm thấy chán ghét, chửi mắng người ta! Lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, chúng tôi thấy ông ta suốt cả một đời chẳng tạo trọng tội mà lại như thế, mới biết chuyện Vãng Sanh nhất định phải là thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ, chẳng phải là chuyện đơn giản! Trong đời quá khứ chẳng có cơ sở sâu dày như vậy, nói là dựa vào một đời này bèn có thể Vãng Sanh, chẳng thể nào có chuyện ấy! Nếu trong một đời mà dễ Vãng Sanh như vậy, Pháp Môn này cũng chẳng cần phải gọi là “pháp khó tin”. Xác

thực là phải có cơ sở sâu dày, hiện tiền được Tam Bảo gia trì, cho nên người ấy một niệm hồi tâm, có thể tiêu diệt các tội, Vãng Sanh là như vậy đó.

**Chú giải cho đoạn này có nói: “Thử phẩm hành nhân, hữu đạo tục nhị loại” (Hành nhân thuộc phẩm này có hai loại là đạo và tục), có người tu hành và có tại gia Cư sĩ. Tại gia Cư sĩ thì “tục nhân hoặc hủy Ngũ Giới, Bát Giới” (người thế tục hoặc hủy năm giới, tám giới), đó là hàng tại gia, “Tỳ Kheo hoặc phạm Cụ Túc đại giới, như thử nhị loại, giai thị bất trí ngu nhân” (Tỳ Kheo hoặc phạm Cụ Túc đại giới. Hai loại người ngu, thiếu trí như thế). Nói đến trộm cắp, đặc biệt Thường Trụ, “thâu thường trụ vật” là trộm cắp những vật trong Chùa chiền, tội ấy quá nặng, chư vị phải hiểu điều này. Vì kẻ ấy kết tội khác hẳn! Ví như chúng ta trộm cắp đồ vật của một người, đối tượng phạm tội của chúng ta là chỉ riêng người ấy, đối tượng ấy dễ giải quyết. Nếu chúng ta trộm cắp đồ vật của cơ quan chánh phủ, chẳng hạn như điện thoại công cộng do chánh phủ lắp đặt, chi phí lắp đặt lấy từ tiền thu thuế của dân chúng tại nơi ấy, họ đóng thuế để lắp đặt. Nếu quý vị trộm cắp vật ấy, sẽ kết tội với ai? Với dân chúng nơi ấy. Phạm là ai đóng thuế, coi như quý vị đều ăn trộm đồ vật của người ấy, phiền phức to lớn! Tội ấy quá nặng, do chẳng hiểu rõ chuyện này. Nếu những thứ lắp đặt công cộng do quốc gia tạo lập, quý vị ăn trộm nó, ăn trộm một đồng tức là quý vị đã mắc tội với dân chúng cả nước. Vì lẽ đó, kết tội khác nhau.**

“Tăng Kỳ vật” (Samghika) là vật trong Chùa miếu. Xưa kia, Chùa miếu là thập phương thường trụ, phạm là người xuất gia đều có phần. Không chỉ là người xuất gia trong Thế Giới này có phần, mà tận hư không khắp pháp giới, người xuất gia thuộc các cõi Phật nơi phương khác cũng đều có phần. Vì chỉ cần là người xuất gia, chẳng có giới hạn. Cõi Phật chẳng có giới hạn, nên tội này vĩnh viễn chẳng thể trang trải xong. Vì thế, Kinh luận đôi ba lượt khuyên lơn chúng ta, quyết chẳng thể lấy trộm những thứ trong tự viện. Hễ lấy trộm, quyết định là tội nghiệp A Tỳ, chẳng giống như tội trộm đồ của một, hai người, khác hẳn! Mắc tội còn nặng hơn trộm đồ của quốc gia, vì phạm vi to lớn, số người đồng đảo, phải hiểu mối quan hệ như vậy. Đương nhiên, hiện thời tự viện đã biến chất rất nhiều. Trộm cắp của thập phương thường trụ thật sự thì mới có tội nặng như thế. Nếu chẳng phải là thập phương thường trụ, sẽ chẳng có tội nặng như thế. Chùa miếu thập phương thường trụ là sở hữu của hết thầy người xuất gia thọ giới, khi họ đến đó, đều có thể quải đơn, đều có thể thụ dụng. Hiện thời có rất nhiều tự miếu được gọi là “tử tôn miếu”, phạm vi kết tội của tử tôn miếu rất nhỏ, rất ít. Chúng thường trụ trong các Chùa miếu của họ nhiều nhất là hộ pháp, hoặc tín đồ của ngôi tự viện ấy, chẳng thể nào kết tội với người ngoài. Vì sao? Người ngoài đến quải đơn họ chẳng chấp thuận, như vậy thì chẳng phải là thập phương thường trụ.

Tại Trung Quốc đại lục, xưa kia từng lâm tự viện đều là thập phương thường trụ, về sau diễn biến thành tử tôn miếu. Trong thập phương thường trụ, Trụ Trì và Đương Gia được bầu ra, nhiệm kỳ một

năm, ngày Ba Mươi tháng Chạp bèn từ chức, mồng Một tháng Giêng, các vị tân chấp sự sẽ đảm nhiệm. Đó là do bầu cử mà thành, chẳng phải là họ thích giao cho ai bèn giao cho người đó, chẳng phải như vậy. Đương nhiên, vị Trụ Trì cũ có thể đề cử, nhưng phải được đại chúng đồng ý thì mới được. Vì lẽ đó, trong Phật Giáo, từ xưa tới nay, thực hành chế độ tuyển cử dân chủ, chẳng phải là chuyên chế. Tội ấy hết sức nặng nề. “Bất tịnh thuyết pháp” là trọng tội, vì phá hoại hình tượng của Phật Pháp, tội này trọng đại, xấu ác tới tột cùng! Đoạn tiếp theo là nói về lợi ích.

***Kinh w lục kiếp, liên hoa nữ phu. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ phạm âm thanh, an ủy bỉ nhân, vị thuyết Đại Thừa thậm thâm Kinh Điển, văn thử pháp dĩ, ứng thời tức phát Vô Thượng đạo tâm. Thị danh hạ phẩm trung sanh giả.***

*(Trải qua sáu kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng phạm âm an ủi kẻ ấy, vì người ấy nói Kinh Điển Đại Thừa rất sâu. Nghe pháp ấy xong, ngay lập tức phát khởi Vô Thượng đạo tâm. Đó gọi là hạ phẩm trung sanh).*

Đoạn này nói về lợi ích. Cuối cùng, hãy xem hạ phẩm hạ sanh. Hạ phẩm hạ sanh là kẻ tạo tội cực nặng Ngũ Nghịch, Thập Ác.

***Phật cáo A Nan cập Vi Đề Hy: - Hạ phẩm hạ sanh giả, hoặc hữu chúng sanh, tác bất thiện nghiệp, Ngũ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện. Như thử ngu nhân, dĩ ác nghiệp cố, ung đạo ác đạo, Kinh lịch đa kiếp, thọ khổ vô cùng. Như thử ngu nhân, lâm mạng chung thời, ngộ thiện tri thức, chủng chủng an ủy, vị thuyết diệu pháp, giáo linh***

*niệm Phật. Thị nhân khổ bức, bất hoàng niệm Phật, thiện hữu cáo ngôn: “Nhữ nhược bất năng niệm bỉ Phật giả, ưng xưng Vô Lượng Thọ Phật”.*

*(Phật bảo A Nan và Vi Đề Hy: - Hạ phẩm hạ sanh là hoặc có chúng sanh, tạo nghiệp chẳng lành, Ngũ Nghịch, Thập Ác, đầy đủ các điều chẳng lành. Kẻ ngu như thế, do ác nghiệp đáng đọa ác đạo, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng. Người ngu như thế, lúc lâm chung, gặp thiện tri thức an ủi mọi lẽ, vì người ấy nói pháp mâu, dạy kẻ ấy hãy niệm Phật. Kẻ ấy bị sự khổ bức bách, chẳng rảnh để niệm Đức Phật ấy, bèn lành bảo rằng: “Nếu người chẳng thể niệm Đức Phật ấy, hãy nên xưng niệm Vô Lượng Thọ Phật”).*

“Xưng” là xưng niệm, còn chữ “niệm” trong câu trước là quán tưởng hoặc quán tượng. Quán tưởng và quán tượng đều chẳng kịp thì hãy nên xưng niệm Vô Lượng Thọ Phật.

*Như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Xưng Phật danh cố, ư niệm niệm trung, trừ bát thập ức kiếp sanh tử chi tội. Mạng chung chi thời, kiến kim liên hoa, do như nhật luân, trụ kỳ nhân tiền, như nhất niệm khoảnh, tức đắc Vãng Sanh Cực Lạc Thế Giới.*

*(Chí tâm như thế khiến cho âm thanh chẳng dứt, đầy đủ mười niệm xưng Nam Mô A Di Đà Phật. Do xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm, trừ tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử. Khi mạng chung, thấy hoa sen*



vàng giống như vàng mặt Trời ở trước người ấy. Như trong khoảng một niệm, liền được Vãng Sanh Thế Giới Cực Lạc).

Đoạn Kinh Văn này hoàn toàn tương ứng với nguyện thứ mười tám của A Di Đà Phật, “mười niệm ắt sanh”. Đó là lâm chung mười niệm, mười niệm là mười câu, chẳng phải hết một hơi là một niệm, mà là mười câu Phật hiệu có thể diệt tội Vãng Sanh, lại còn là người tội nghiệp cực nặng. Nhưng chớ vội vẫn phải nhớ, như tôi vừa mới chỉ ra, thiện căn, phước đức, nhân duyên trong nhiều đời, nhiều kiếp của người ấy đã chín muồi. Nếu không, trong khi lâm chung, nói thật ra, kẻ tạo tội nghiệp sâu nặng như vậy, lúc lâm chung đầu óc sáng suốt, vẫn chẳng điên đảo, rất khó có! Người bình phàm dễ bị bệnh, khi bệnh nặng, người nhà quyền thuộc còn chẳng nhận ra được, há còn có thể niệm Phật ư? Vì vậy, người Vãng Sanh, điều kiện thứ nhất là đầu óc phải tỉnh táo, điều này hết sức khó đạt được! Vì thế, phạm kẻ tội nghiệp hối lỗi Vãng Sanh như vậy, nhất định phải trọn đủ ba điều kiện khẩn yếu:

- Thứ nhất là tỉnh táo.
- Thứ hai là gặp duyên, có thiện hữu khuyến nhủ.
- Điều kiện thứ ba: Vừa nghe liền lập tức tiếp nhận, chẳng có mảy may ngờ vực, lo âu, lập tức tiếp nhận, làm theo. Đó là được!

Nếu trong khi ấy có nỗi ngờ vực, suy đi xét lại, sẽ chẳng được! Quý vị nghĩ xem, ba điều kiện ấy khó lắm, chẳng có chuyện dễ dàng như vậy!

Vì lẽ đó, các đồng tu chúng ta chẳng Vãng Sanh thì thôi, nếu Vãng Sanh, tuyệt đối chẳng phải là hạ phẩm hạ sanh, xưa kia thầy Lý đã nói điều này, chẳng thể nào! Vì sao? Chúng ta chẳng trọn đủ điều kiện của hạ phẩm hạ sanh. Giống như chúng ta đã tiếp xúc Pháp Môn này rất lâu, bình thường niệm Phật, dẫu có tội nghiệp thì tội nghiệp chẳng nặng dường ấy! Người thật sự niệm Phật Vãng Sanh, phẩm vị luôn là hạ phẩm trung sanh trở lên, thậm chí còn có người là trung phẩm hạ sanh trở lên, hết sức có thể là như vậy! Đối với hạ phẩm Vãng Sanh thì người bình phàm như chúng ta cơ hội Vãng Sanh cũng chẳng quá lớn, hãy nên biết điều này. Tiếp theo đây là nói tới lợi ích do Vãng Sanh.

*Ư liên hoa trung, mãn thập nhị đại kiếp, liên hoa phương khai. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, dĩ đại bi âm thanh, vị kỳ quảng thuyết chư pháp Thật Tướng, trừ diệt tội pháp. Văn dĩ hoan hỷ, ứng thời tức phát Bồ Đề chi tâm.*

*(Ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp, hoa sen mới nở. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng âm thanh đại bi, vì người ấy rộng nói Thật Tướng của các pháp và pháp trừ diệt tội. Nghe xong, hoan hỷ, ngay khi đó liền phát tâm Bồ Đề).*

“Phát Bồ Đề tâm” là Viên Giáo Sơ Trụ, là Pháp Thân Đại Sĩ, sanh trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Từ hạ hạ phẩm Vãng Sanh trong cõi Phàm Thánh Đồng Cư sanh về cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

***Thị danh hạ phẩm hạ sanh giả, thị danh hạ bối sanh tướng, danh đệ thập lục quán.***

*(Gọi là hạ phẩm hạ sanh, là phép quán tướng Vãng Sanh bậc hạ, gọi là phép Quán thứ mười sáu).*

Trong chú giải có mấy câu, chúng ta hãy đọc một lượt. Xem từ dòng thứ nhất trong phần chú giải: “Ngôn Ngữ Nghịch, Thập Ác, cụ chư bất thiện giả” (Nói Ngữ Nghịch, Thập Ác, đủ các điều chẳng lành), người này tạo tác ác nghiệp, chẳng thành tựu điều thiện nào. “Tắc hủy hoại Tam Bảo, báng Đại Thừa Kinh, đoạn học Bát Nhã, sát hại phụ mẫu đẳng, vô sở bất vi, cố ngôn cụ dã” (Tức là hủy hoại Tam Bảo, báng Kinh Đại Thừa, ngăn dứt sự học Bát Nhã, không điều gì chẳng làm, nên nói là “trọn đủ”), chính là một kẻ ngu si, tội nghiệp trong thế gian như vậy. “Ký hữu như thị cực trọng ác nhân, thế tất đọa ư A Tỳ địa ngục, xuất khổ vô kỳ. Thử giới hoại thời, chuyển ký tha phương. Tha phương hoại thời, triển chuyển tương ký. Tùng địa ngục xuất, phục đọa ngạ quỷ. Ngạ quỷ tất dĩ, phục đầu súc sanh, cố vân Kinh lịch ác đạo, thọ khổ vô cùng” (Đã có cái nhân cực nặng như thế, đương nhiên phải đọa trong địa ngục A Tỳ, chẳng có thuở thoát khổ. Khi cõi này đã hoại, bèn chuyển sang giới thân trong phương khác. Khi phương khác đã hoại, lại lần lượt giới thân nơi những phương khác nữa. Từ địa ngục thoát ra, lại đọa trong ngạ quỷ. Chịu khổ trong đường ngạ quỷ xong, lại đầu thai làm súc sanh, vì thế nói là “lần lượt trải qua các ác đạo, chịu khổ vô cùng”). Chuyện này được nói cặn kẽ, tỉ mỉ trong Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên, quả báo hết sức

đáng sợ. Nhưng hiện thời có lắm kẻ, người chẳng học Phật không cần nói tới, chứ kẻ học Phật chẳng tin tưởng nhân quả, chẳng sợ báo ứng, hiện thời vẫn hành xử theo dục vọng, đúng là ngu si tới tột cùng. Hễ có đôi chút trí huệ, sẽ chẳng dám làm.

Nay chúng tôi khuyên dạy các đồng tu, vì sao đặc biệt chú trọng Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên? Tôi ấn định bảy môn học cho các đồng tu, trong ấy có hai môn này, nhằm dạy mọi người phải biết sự thật nhân quả báo ứng sâu xa. Không chỉ chớ nên làm chuyện xấu, chớ nên khởi ác niệm, mà nhất định phải biết “thiện có thiện báo, ác có ác báo”. Nhân duyên quả báo quyết định chẳng có cách nào tránh khỏi. Cảm Ứng Thiên là tiêu chuẩn thiện ác. Thiện là gì? Ác là gì? Chúng ta không dùng giới luật, giới luật nói sâu xa, cảnh giới rất rộng, chẳng thấy rõ lắm. Cảm Ứng Thiên đơn giản, rõ rệt, vừa xem liền hiểu ngay. Thuở Ấn Quang Đại Sư tại thế, Ngài cả đời cực lực đề xướng ấn hành Cảm Ứng Thiên và Liễu Phàm Tứ Huấn, tổ Ấn Quang là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, chúng ta có thể tin tưởng được. Vì thế, hai loại sách này trọng yếu hơn bất cứ sách gì khác! Nay chúng ta chẳng đọc Kinh Tiểu Thừa, cũng chẳng đọc sách Không Tử, nên dùng hai thứ ấy để thay thế. Dùng Liễu Phàm Tứ Huấn và Cảm Ứng Thiên để thay thế, bù đắp cơ sở bị thiếu hụt. Nhất định phải đọc thuộc lòng hai loại ấy, phải y giáo phụng hành, sửa lỗi đổi mới, tôi đề xướng đọc tụng hai sách ấy là nhằm mục đích này. Có thiện căn, phước đức như vậy, trong tương lai mới là tư lương để chúng ta Vãng Sanh Tây Phương Cực Lạc Thế Giới.

Phần kế tiếp nói rất hay, chúng ta hãy xem tiếp: “Bất liệu u vô lượng kiếp tiền, trị Phật văn pháp, chủng quá thiện căn” (Nào dè trong vô lượng kiếp trước, đã gặp Phật, nghe pháp, gieo trồng thiện căn). Kẻ ác nghiệp ấy lâm chung gặp thiện tri thức khuyên bảo “mười niệm có thể Vãng Sanh” là do trong vô lượng kiếp đời quá khứ đã gieo thiện căn rất sâu dày, chỉ là đời này mê hoặc, điên đảo, chẳng phải là ngẫu nhiên mà gặp gỡ thiện tri thức. Chúng ta cũng học đời theo kiểu của người ấy, bảo đảm đọa địa ngục, quyết định chẳng Vãng Sanh! Học kiểu ấy không được đâu! Chớ nên làm chuyện cầu may, nhất định phải chú ý điều này.

“Đản hữu Văn Tư, vị tăng tu tập, hậu vi phiền não phú chướng, cánh bị trảm mai, trực chí thù chung, vị khổ bức xuất, đắc ngộ thiện tri thức, an ủy kỳ tâm, tiên vị thuyết pháp, khai kỳ tâm trí, hậu linh niệm Phật, giáo dĩ Vãng Sanh” (Chỉ có Văn Huệ và Tư Huệ, chưa từng tu tập, về sau bị phiền não che lấp, ngăn trở, nên bị đắm chìm, mãi cho đến khi lâm chung, bị các nỗi khổ bức bách mà thiện căn phát hiện, gặp thiện tri thức, an ủi tâm tình. Trước hết bèn nói pháp cho người ấy, khơi mở tâm trí; sau đó, dạy người ấy niệm Phật, dạy cho Vãng Sanh). Đó là thiện căn trong vô lượng kiếp, trong một sát na cuối cùng, bị các nỗi khổ bức bách mà xuất hiện.

Giống như ông Trương Thiện Hòa đời Đường, cả đời mổ trâu, khi lâm chung thấy nhiều kẻ đầu trâu đến đòi mạng. Khi ấy, ông ta lo sợ, lớn tiếng kêu gào cứu mạng. Duyên của ông ta tốt đẹp, khéo sao, một vị xuất gia đi ngang cửa, nghe ông ta kêu cứu mạng, liền bước vào hỏi han

chuyện gì? Ông ta nói: “Rất nhiều gã đầu trâu đến đòi mạng”. Vị xuất gia ấy trong tâm hiểu ngay, vội vã đốt một nắm hương bảo ông ta cầm lấy, niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về Thế Giới Cực Lạc. Ông ta bèn lớn tiếng niệm, niệm chưa được mấy tiếng, bèn nói: “Những kẻ đầu trâu chẳng còn nữa”. Lại niệm mấy tiếng, bảo: “A Di Đà Phật đã đến”. Ông ta bèn Vãng Sanh. Chuyện này chẳng dễ dàng, khá là khó khăn, do thiện căn trong vô lượng kiếp đã chín muồi, chẳng phải là chuyện may mắn!

**Vì thế, chính chúng ta phải hiểu, nay chúng ta có duyên gặp Pháp Môn này, gặp gỡ viên mãn như vậy, thù thắng như vậy, có thể thấy thiện căn, phước đức quyết định chẳng ít. Nếu ít thiện căn, ít phước đức, cả đời này chúng ta cũng chẳng gặp! Đối với giáo lý, ít nhiều gì cũng hiểu được vài phần, cũng hiểu phương pháp, thì nhất định phải nghiêm túc nỗ lực tu học, quyết định chớ nên bỏ lỡ! Một câu A Di Đà Phật có thể tiêu trừ hết thảy tội nghiệp cực nặng. Tiêu diệt tội nghiệp như thế nào? Chư vị phải biết: Trong niệm niệm, tâm quý vị có A Di Đà Phật, sẽ chẳng có tội nghiệp. Hình tướng của tội nghiệp là gì? Chính là vọng tưởng, phiền não, ưu lự, đó là tội tướng (hình tướng của tội nghiệp). Cần phải biết hình dạng của tội nghiệp. Vọng tưởng nhiều chính là tướng của tội nghiệp, tâm địa thanh tịnh là tướng tốt đẹp. Suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, quý vị là Phật tướng. Ngay cả kẻ xem tướng cũng nói “tướng chuyển theo tâm”, quý vị niệm Phật nhiều, trong tương lai, tướng mạo sẽ dần dần biến**

**thành tướng Phật, tướng mạo tốt đẹp. Tướng chuyển theo tâm là thật, tướng có thể chuyển. Tiết cuối cùng là...**

*Thị danh hạ phẩm hạ sanh giả, thị danh hạ bối sanh tướng, danh đệ thập lục quán.*

*(Gọi là hạ phẩm hạ sanh, là phép quán tướng Vãng Sanh bậc hạ, gọi là phép Quán thứ mười sáu).*

Đến đây là Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy phu nhân Vi Đề Hy phương pháp Vãng Sanh, dạy bà cách Chánh Thọ, đến đây đã nói xong xuôi.

Cuối cùng là tổng kết, chúng ta xem dòng thứ nhất trong trang hai trăm bốn mươi tám.

*Thuyết thị ngữ thời, Vi Đề Hy dĩ ngữ bách thị nữ, văn Phật sở thuyết, ứng thời tức kiến Cực Lạc Thế Giới, quảng trường chi tướng, đắc kiến Phật thân, cập nhị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, tán vị tăng hữu, hoát nhiên đại ngộ, đãi Vô Sanh Nhẫn.*

*(Khi nói lời ấy, bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ, nghe lời Phật dạy, ngay khi đó thấy tướng rộng lớn của Thế Giới Cực Lạc, được thấy thân Phật và hai vị Bồ Tát, tâm sanh hoan hỷ, tán tán là chưa hề có, hoát nhiên đại ngộ, đắc Vô Sanh Nhẫn).*

**Chữ Đãi có nghĩa là đạt đến. Đắc Vô Sanh Nhẫn: Khi ấy, Đức Phật giảng giải cho phu nhân Vi Đề Hy, bà ta nghe giảng, liền nương theo văn nhập quán; nghe xong bèn tu hành, khai giải. Đó là căn**

tánh Đại Thừa Bồ Tát, phu nhân là căn tánh Đại Thừa Bồ Tát, trọn đủ Tam Huệ. Tam Huệ là Văn, Tư, Tu. Văn là tiếp xúc, nghe Phật Thuyết pháp là Văn, lắng nghe là tiếp xúc. Vừa nghe bèn hiểu rõ, khai ngộ, đó là Tư, tức Tư Huệ. Sau khi khai ngộ, chẳng mê, chẳng điên đảo. Nói theo phương diện chẳng mê, chẳng điên đảo là Tu Huệ. Nói cách khác, phiền não, tập khí, vọng tưởng, chấp trước thuận theo sự nghe mà đoạn trừ. Đức Phật giảng Kinh xong xuôi, phiền não và tập khí của bà ta cũng đoạn hết. Ngay khi ấy liền chứng đắc Thất Địa Bồ Tát. Từ địa vị phàm phu, ngay lập tức chứng đến Thất Địa Bồ Tát. Pháp Môn này là đại pháp Viên Đốn, chẳng trải qua thứ tự, ngay lập tức chứng đắc cảnh giới này. Lại xem đoạn tiếp theo.

*Ngũ bách thị nữ, phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm, nguyện sanh bỉ quốc. Thế Tôn tất ký giai đương Vãng Sanh. Sanh bỉ quốc dĩ, hoạch đắc Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội. Vô lượng chư thiên, phát Vô Thượng đạo tâm.*

*(Năm trăm thị nữ phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện sanh về cõi ấy. Đức Thế Tôn đều thọ ký họ sẽ Vãng Sanh. Đã sanh về cõi ấy, sẽ đắc Chư Phật Hiện Tiền Tam Muội. Vô lượng chư thiên phát Vô Thượng đạo tâm).*

Câu này cho biết các thị nữ của bà ta do nghe pháp mà đạt được lợi ích. Phu nhân chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhẫn, sanh vào Thất Địa. Các thị nữ cũng chẳng đơn giản, duyên cũng hết sức sâu, nghe Đức Phật Thuyết pháp, Bồ Đề tâm phát hiện. Tâm A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề



trong phần trước đã nói là “chí thành tâm, thâm tâm, hồi hướng phát nguyện tâm”. Phát trọn vẹn ba tâm chính là quả vị Sơ Trụ trong Viên Giáo. Đức Phật giảng Kinh này trong cung, thính chúng chỉ có ngàn ấy, ai nấy đều đạt được lợi ích thù thắng khôn sánh. Phần Kinh Văn Chánh Tông đến đây đã giảng xong. Cuối cùng là phần Lưu Thông của Kinh này, xin xem Kinh Văn nơi dòng thứ nhất của trang hai trăm năm mươi.

***Nhĩ thời A Nan tức tùng tọa khởi, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Dương hà danh thử Kinh, thử pháp chi yếu, dương vân hà thọ trì?”***

*(Lúc bấy giờ, Ngài A Nan từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Đức Phật rằng: - Bạch đức Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên là gì? Nên thọ trì pháp yếu này như thế nào?)*

Đức Phật dạy phu nhân Vi Đề Hy ức trì, tức là ức niệm, thọ trì, thầy đều dạy xong xuôi. Tôn Giả A Nan vâng mệnh truyền trì Phật Pháp, nên Ngài có trách nhiệm. Ở đây, Ngài thỉnh giáo đức Thế Tôn, Kinh này nên có danh xưng là gì? “Hà danh thử Kinh”, phải thọ trì như thế nào?

***Phật cáo A Nan: - Thử Kinh danh Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát.***

*(Đức Phật bảo Ngài A Nan: - Kinh này có tên là Quán Cực Lạc Quốc Độ Vô Lượng Thọ Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát).*

Đức Phật nói ra tên Kinh.

***Diệc danh Tịnh Trì Nghiệp Chướng Sanh Chư Phật Tiên. Nhữ đương thọ trì, vô linh vong thất.***

*(Cũng có tên là Tịnh Trì Nghiệp Chướng Sanh Chư Phật Tiên, ông nên thọ trì, chớ để quên mất).*

Đức Phật nói Kinh này có hai danh xưng: Danh xưng thứ nhất kiến lập theo phương pháp tu học, quán Tây Phương Tam Thánh . Truyền đến Trung Quốc, do vị Đại Sư phiên dịch đã giản hóa đề mục, nên tên Kinh được gọi là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Vì nói đến Vô Lượng Thọ Phật, đương nhiên Thế Giới Cực Lạc cũng được bao gồm trong ấy, Quán Âm, Thế Chí cũng bao gồm trong đó, nên giản hóa đề mục. Đề Kinh tuy giản hóa, nhưng ý nghĩa trọn đủ. Tựa đề kia (danh xưng thứ hai của Kinh này) được kiến lập theo công đức lợi ích của Kinh; vì thế, Kinh này có tên là Tịnh Trì Nghiệp Chướng Sanh Chư Phật Tiên, “nhữ đương thọ trì, vô linh vong thất” (ông hãy nên thọ trì, đừng để quên mất). Lại xem phần Kinh Văn tiếp theo.

***Hành thử Tam Muội giả, hiện thân đắc kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập nhị Đại Sĩ.***

*(Hành Tam Muội ấy, thân hiện tại được thấy Vô Lượng Thọ Phật và hai vị Đại Sĩ).*

Thật sự nương theo phương pháp này đề tu hành, thành tựu Niệm Phật Tam Muội, hiện tiền nhất định có thể thấy Tây Phương Tam Thánh.

***Nhược thiện nam tử cấp thiện nữ nhân, đản văn Phật danh, nhị Bồ Tát danh, trừ vô lượng kiếp sanh tử chi tội, hà hưởng ức niệm.***

*(Nếu thiện nam tử và thiện nữ nhân chỉ nghe tên Phật và tên hai vị Bồ Tát, sẽ trừ tội trong vô lượng kiếp sanh tử, hưởng hồ ức niệm).*

Đây là nói danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Bất luận quý vị hữu tâm hay vô tâm, hiểu hay chẳng thể hiểu, trong một đời này, có duyên có thể nghe một câu Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc là Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát, Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát, “vừa thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo”, công đức lợi ích thù thắng, chẳng có gì sánh bằng! Hưởng chi là chúng ta thường xuyên ức niệm? Công đức lợi ích ấy lại càng chẳng thể nghĩ bàn. Lại xem phần Kinh Văn tiếp theo, nơi trang hai trăm năm mươi hai.

***Nhược niệm Phật giả, đương tri thử nhân, tắc thị nhân trung Phân Đà Lợi hoa.***

*(Nếu là người niệm Phật, hãy nên biết người ấy là hoa Phân Đà Lợi trong loài người).*

Phân Đà Lợi (Puṇḍarīka) là tiếng Phạn, nghĩa là hoa sen trắng. Trong hoa sen bốn màu, hoa sen trắng thù thắng nhất, đẹp nhất. Đây là đức Thế Tôn tán thán người niệm Phật.

***Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, vi kỳ thắng hữu.***

*(Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát là bạn thù thắng của người ấy).*

Có những kẻ coi thường, khinh rẻ người niệm Phật. Nói thật ra, người niệm Phật cần gì kẻ khác coi trọng mình? Quý vị thấy Quán Âm, Thế Chí làm bạn tốt của quý vị. Có những kẻ rất cung kính, lễ bái Quán Thế Âm Bồ Tát, nhưng chẳng coi người niệm Phật ra gì. Đó là mê hoặc, điên đảo, chẳng nhận biết rõ ràng. Những lời này đều do Đức Phật nói, tuyệt đối chẳng phải là vọng ngữ, tuyệt đối chẳng phải do người niệm Phật tự khoe khoang, khoác lác, mà là do Đức Phật nói. Tiếp đó, Đức Phật nói:

***Đương tọa Đạo Tràng, sanh chư Phật gia.***

*(Sẽ ngồi nơi Đạo Tràng, sanh trong nhà chư Phật).*

Đây là “đắc quả siêu hạnh”, người niệm Phật thật sự nhất định Vãng Sanh, Vãng Sanh thành Phật, nên nói “tọa Đạo Tràng” là hóa độ chúng sanh, “sanh chư Phật gia”, thấy một Đức Phật A Di Đà là thấy hết thấy mười phương chư Phật, quả thật là sanh trong nhà chư Phật. Chúng ta chưa từng thấy công đức lợi ích ấy trong các Kinh luận hay Pháp Môn khác.

***Phật cáo A Nan: - Nhữ hảo trì thị ngữ.***

*(Đức Phật bảo Ngài A Nan: - Ông hãy khéo gìn giữ lời này).*

Trong lời dặn dò có lời khích lệ. Ông hãy khéo thọ trì “thị ngữ”. Chữ “thị ngữ” chỉ những điều Đức Phật đã nói trên đây.

***Trì thị ngữ giả, tức thị trì Vô Lượng Thọ Phật danh.***

*(Vâng giữ lời này chính là trì danh Vô Lượng Thọ Phật).*

Câu này cũng do Thích Ca Mâu Ni Phật nói. Ý nghĩa rất rõ rệt: Niệm Kinh này là niệm Vô Lượng Thọ Phật, công đức niệm Phật và niệm Kinh như nhau. Quý vị niệm Kinh Vô Lượng Thọ, niệm Kinh A Di Đà và niệm Kinh này đều là niệm A Di Đà Phật, chẳng khác gì nhau! Vì lẽ đó, chúng ta niệm Kinh, có người nói: “Rốt cuộc tôi niệm Kinh tốt hơn, hay là niệm danh hiệu A Di Đà Phật hay hơn?” Đều được cả! Niệm Kinh hay niệm danh hiệu đều được, đều là ức Phật, niệm Phật. Tùy thuộc trạng huống tu học của chính mình! Nếu có thể nhiếp tâm, tâm địa thanh tịnh thì danh hiệu rất tốt. Nếu niệm danh hiệu mà vẫn chưa thể nhiếp tâm, vọng tưởng, tạp niệm rất nhiều, nhưng niệm Kinh tương đối dễ dàng nhiếp tâm thì niệm Kinh xong bèn niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Tán niệm xưng danh, công đức cũng chẳng thể nghĩ bàn, hy vọng trong mười hai thời có thể gìn giữ không gián đoạn là được rồi.

*Phật Thuyết thứ ngữ thời, Tôn Giả Mục Kiên Liên, Tôn Giả A Nan, cập Vi Đề Hy đẳng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ.*

*(Khi Đức Phật nói lời ấy, Tôn Giả Mục Kiên Liên, Tôn Giả A Nan, và Vi Đề Hy v.v... nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ to lớn).*

Kinh đến chỗ này là kết thúc, nhưng do giảng trong vương cung, các đại chúng tại núi Kỳ Xà Quật còn chưa được nghe, nên sau đó còn phụ chú.

*Nhĩ thời Thế Tôn, tức bộ hư không, hoàn Kỳ Xà Quật sơn. Nhĩ thời, A Nan quảng vị đại chúng, thuyết như thượng sự. Vô lượng chư*

*thiên, long, dạ-xoa, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, lễ Phật nhi thoái.*

*(Khi ấy, đức Thế Tôn bước lên hư không, trở về núi Kỳ Xà Quật. Lúc bấy giờ, Ngài A Nan rộng vì đại chúng nói chuyện trên đây. Vô lượng chư thiên, long, quý, dạ-xoa, nghe lời Phật dạy, đều hoan hỷ to lớn, lễ Phật lui ra).*

Tôn Giả A Nan sau khi theo Phật trở về Linh Sơn, liền đem những lời tuyên thuyết trong vương cung đôi trước đại chúng nhắc lại một lượt. Do những điều Ngài A Nan đã nói giống như lời Phật nói, nên mọi người sau khi xong đều cảm thấy là “văn Phật sở thuyết” (nghe lời Phật dạy), chẳng phải là do A Nan nói, thật ra là do A Nan tuyên thuyết. A Nan chẳng nói sai câu nào, nên giống như nghe Đức Phật nói, “giai đại hoan hỷ, lễ Phật nhi thoái”. Đối với những câu này, chúng tôi chẳng rờm lời vì phần lưu thông trong mỗi bộ Kinh đều đã nói cặn kẽ. Tới đây, chúng tôi đã giảng viên mãn bộ Kinh này.

**Kinh đã viên mãn, hy vọng chư vị đồng tu có thể vâng theo những điều khai thị trọng yếu trong Kinh, nhớ giữ không quên, y giáo phụng hành. Nếu chúng ta nhận biết Phật Pháp đôi chút, liền biết trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, chẳng có gì quý báu hơn Phật Pháp. Nhất là Pháp Môn Tịnh Tông trong Phật Pháp, thù thắng khôn sánh bậc nhất, cổ nhân tán thán là “một ngày hiếm có khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay”. Lời ấy là thật, chẳng giả. Hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay, nay chúng ta gặp gỡ. Đã**

**gặp, nếu chẳng thể nắm thật chặt, lỡ làng một đời này như thế, rất đáng tiếc!**

Quý vị nói xem: Lần sau gặp được, phải trải qua vô lượng kiếp, khá khó khăn! Quý vị phải nắm chắc, thật sự giác ngộ, buông xuống vạn duyên. Chúng ta được làm thân người trong đời này quá đáng quý, chỉ cần chúng ta ăn no, mặc ấm, có căn nhà nhỏ để đụt mưa, tránh gió là đủ rồi, cầu Vãng Sanh là khẩn yếu! Sanh đến Tây Phương Cực Lạc Thế Giới đắc đại tự tại, nếu mong trở về Thế Giới này để giúp đỡ hết thảy chúng sanh, sẽ là Bồ Tát thừa nguyện tái lai, đến đi tự do, thù thắng lắm! Vì sao còn muốn tạo nghiệp luân hồi trong lục đạo? Vẫn còn muốn chịu những nỗi khổ nạn ấy? Đó là ngu si. Chẳng gặp Pháp Môn này, sẽ chẳng có cách nào, muốn vượt thoát nhưng chẳng được, chẳng có điều kiện. Hễ gặp gỡ, tất cả điều kiện thảy đều trọn đủ, nếu quý vị vứt bỏ, đáng tiếc quá, chẳng có cách nào hết!

Do vậy, hy vọng các đồng tu phải thật sự phát tâm. Có thể phát tâm hoằng dương Pháp Môn này, đương nhiên là càng khó có. Hoằng dương Pháp Môn này, nói thật ra, phải xa lìa pháp thế gian, phải bỏ sạch sành sanh tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian, chẳng cần những thứ ấy. Hoằng pháp lợi sanh thì nếu gặp người duyên đã chín muồi, thấy người ấy thật sự chịu tiếp nhận, thật sự có thể nghe hiểu, thật sự có thể y giáo tu hành, dầu là một người thì ta cũng phải giảng cho người ấy. Giảng cho người ấy, đời này người ấy niệm Phật Vãng Sanh thành Phật, tuyệt diệu thay! Quyết định chớ nên nói ta phải lập một Đạo

Tràng rất lớn, phải có mấy ngàn vạn người đến nghe, đó là gì? Đó là phô trương, biểu diễn, làm trò náo nhiệt, chúng ta chớ nên làm chuyện ấy, chẳng có ý nghĩa gì, hoàn toàn là làm chuyện bề ngoài, chớ nên làm!

**Thật sự cộng tu, nói thật ra, quý ở chỗ tinh ròng, chẳng chuộng đông. Đông người là muốn làm chuyện náo nhiệt, chẳng có hiệu quả. Đạo Tràng này của chúng ta thành lập đã nhiều năm như vậy, cũng có không ít đồng tu đến tìm tôi, cho biết đã tìm được giảng đường ở Hàng Châu Nam Lộ , muốn tặng đất cho tôi, tặng thứ này, tặng thứ nọ, tôi đều chẳng cần. Vì sao? Tìm đâu ra người? Cát Chùa, xây dựng xong xuôi bèn tranh quyền đoạt lợi, trở thành Đạo Tràng đấu tranh, quả báo trong tam đồ, chúng ta chớ nên làm chuyện ấy. Vì thế, tôi nói với Quán Trưởng: “Chúng ta ở chỗ nhỏ nhoi này là đủ rồi. Thính chúng đông quá, không có chỗ ngồi! Chúng ta chẳng cần tuyên truyền, đủ rồi, không cần mở rộng thêm. Đạo Tràng nhỏ, chi tiêu ít, chẳng cần cầu cạnh người khác, tâm an lý đắc. Chúng ta có thể Vãng Sanh trong một đời này thì hay lắm, quyết định chẳng ở trong Thế Giới này làm chuyện chơi trội. Phải thật thà, chết sạch tấm lòng mong ngóng, so đo, gánh vác trách nhiệm Phật Pháp”. Thật sự có thể tiếp tục hoằng pháp, nói thật ra, chẳng cần nhiều người. Dăm ba người là khá lắm rồi, có được mười người hay tám người, Tịnh Độ Tông có thể truyền khắp toàn Thế Giới. Vấn đề là ai chịu buông tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần xuống? Thật sự buông xuống, sống một cuộc đời quý vị nói là rất khổ, tôi nói là vui nhất,**



**tiêu chuẩn khổ và vui của chúng ta khác nhau! Quý vị có tiền, có thể lực, bèn nói là vui; đối với chúng tôi, tâm địa thanh tịnh, chẳng vướng mắc, chẳng có phiền não, chẳng có ưu lự, đó là vui. Thân tâm thanh tịnh liền tự tại, sung sướng, chẳng bị ràng buộc, thứ gì cũng chẳng có, nhưng như thế nào vẫn có thể sống được, chẳng có gì là thiếu thốn quá lớn, lẽ nào chẳng vui sướng? Đó là do tiêu chuẩn khổ, lạc khác nhau! Vì thế, thật sự triệt để buông xuống, sẽ có chân lạc, người thế gian chẳng thể tưởng tượng được đâu!**

A! Khóa học này đến đây đã viên mãn. Cảm ơn quý vị.